



LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG
NGUYỄN MINH HẢI – BÙI BÁ MẠNH

Vở bài tập TOÁN 1

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG
NGUYỄN MINH HẢI – BÙI BÁ MẠNH

Vở bài tập TOÁN 1

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Vở bài tập Toán 1 được biên soạn dành riêng cho các em, giúp các em củng cố, hoàn thiện nội dung đã học trong sách giáo khoa Toán 1.

Vở bài tập Toán 1 chủ yếu gồm các bài luyện tập, thực hành có cùng nội dung, mức độ như các bài tập trong sách giáo khoa Toán 1, chỉ khác về hình thức thể hiện và số liệu. Cách làm các bài tập trong vở này cũng tương tự như cách làm các bài tập trong sách giáo khoa. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực học tập toán và giúp các em cảm nhận được niềm vui học toán, **Vở bài tập Toán 1** còn giới thiệu một số dạng bài tập kiểu mới.

Vì vậy, các em có thể làm bài ở vở này trong thực hành, luyện tập, ôn tập hoặc khi tự học.

Hi vọng cuốn vở này sẽ là người bạn đồng hành gắn bó với các em trong suốt năm học. Chúc các em học tập chăm chỉ và thành công nhé!

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Lời nói đầu	2
Bài 1. Các số 0, 1, 2, 3, 4, 5	4
Bài 2. Các số 6, 7, 8, 9, 10	10
Bài 3. Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau	16
Bài 4. So sánh số	19
Bài 5. Mấy và mấy	27
Bài 6. Luyện tập chung	33
Bài 7. Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật	41
Bài 8. Thực hành lắp ghép, xếp hình	45
Bài 9. Luyện tập chung	49
Bài 10. Phép cộng trong phạm vi 10	51
Bài 11. Phép trừ trong phạm vi 10	62
Bài 12. Bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10	74
Bài 13. Luyện tập chung	80
Bài 14. Khối lập phương, khối hộp chữ nhật	86
Bài 15. Vị trí, định hướng trong không gian	90
Bài 16. Luyện tập chung	94
Bài 17. Ôn tập các số trong phạm vi 10	96
Bài 18. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10	100
Bài 19. Ôn tập hình học	104
Bài 20. Ôn tập chung	106

BÀI 1

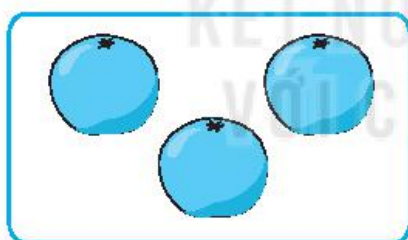
CÁC SỐ 0, 1, 2, 3, 4, 5

Tiết 1

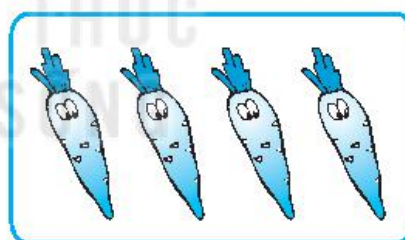
1 ✎ Viết số.

0	
1	
2	
3	
4	
5	

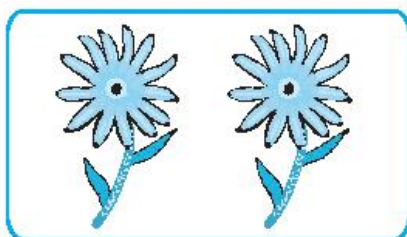
2 ✎ Khoanh vào số thích hợp (theo mẫu).



1 2 3



3 4 5



2 3 4



3 4 5

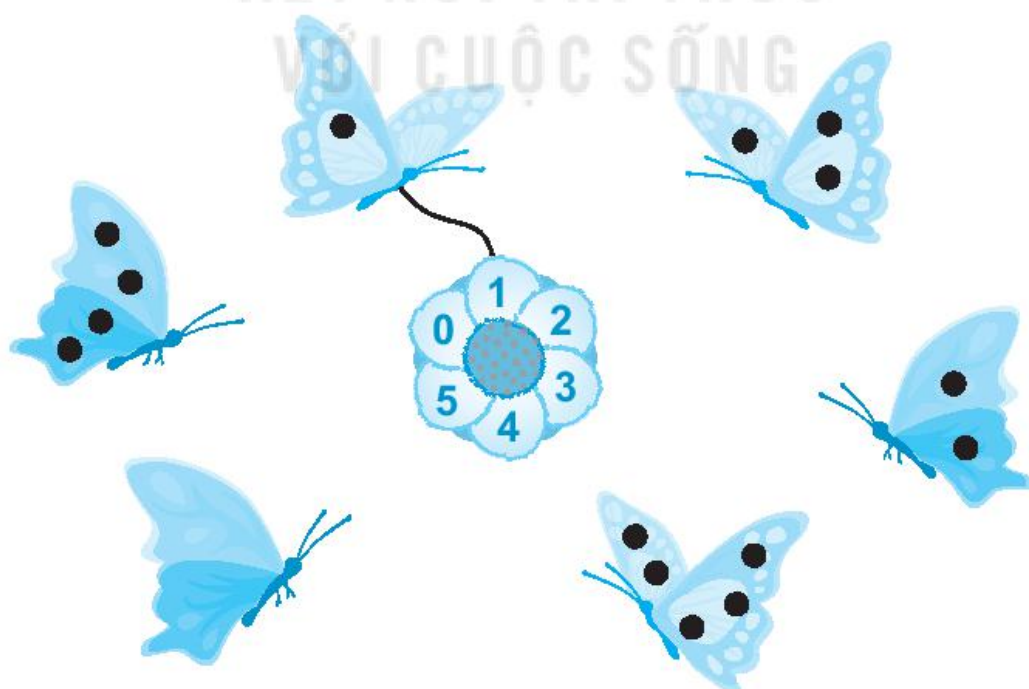


1 2 3

3 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).



4 ✎ Nối con bướm với cánh hoa thích hợp (theo mẫu).



Tiết 2

1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

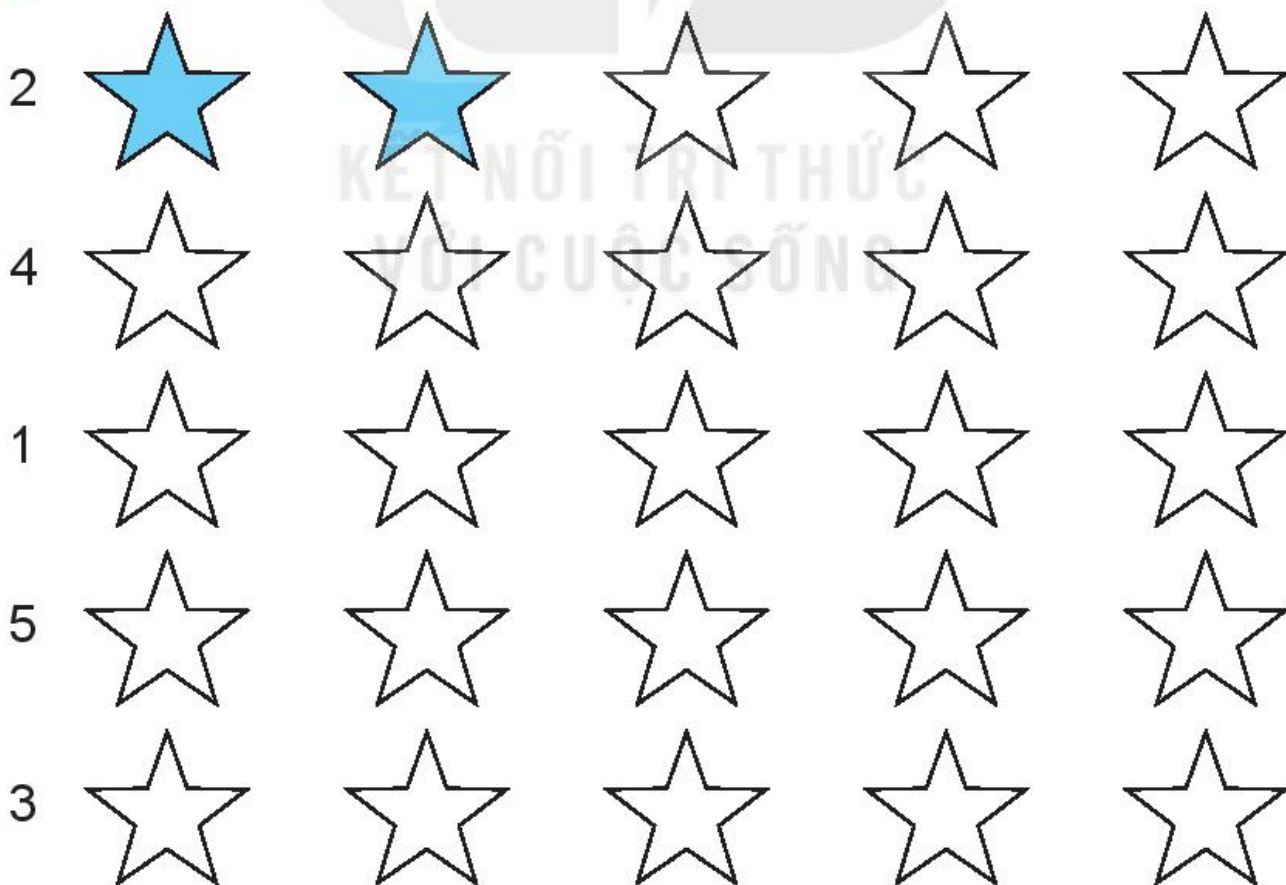


Cây có bông hoa.



Cây có quả.

2 ✎ Tô màu ngôi sao (theo mẫu).



- 3 ✎ Tô màu đỏ bình hoa có 3 bông hoa, màu vàng bình hoa có 5 bông hoa.



- 4 ✎ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.
Có bao nhiêu con vật trong bức tranh?



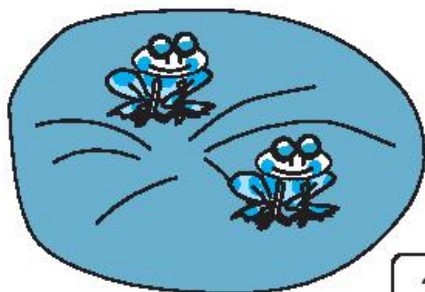
A. 2

B. 3

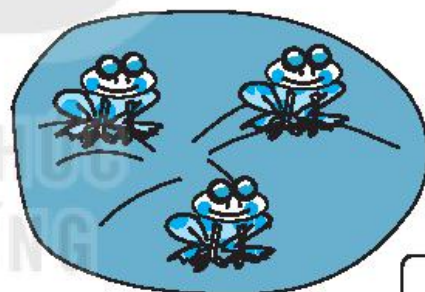
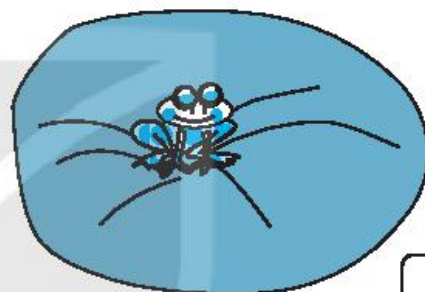
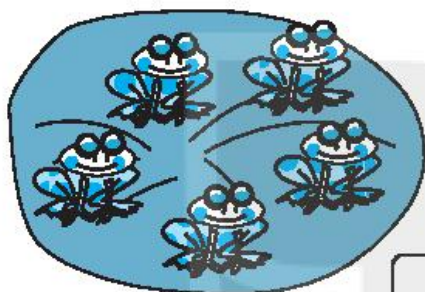
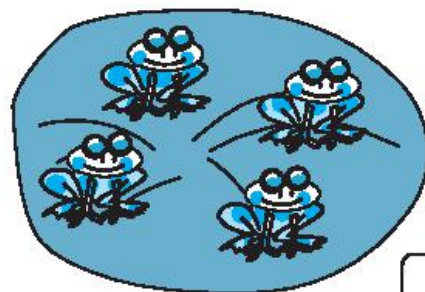
C. 4

Tiết 3

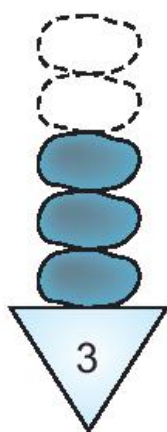
1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).



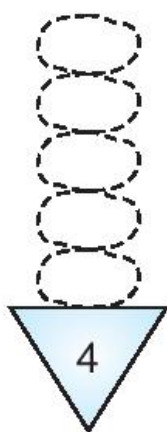
2



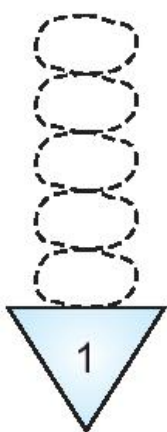
2 ✎ Tô màu (theo mẫu).



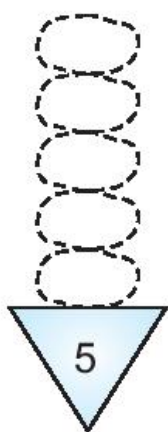
3



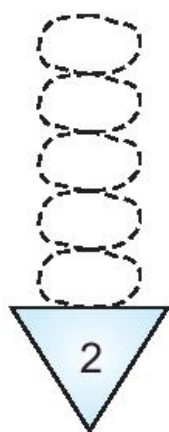
4



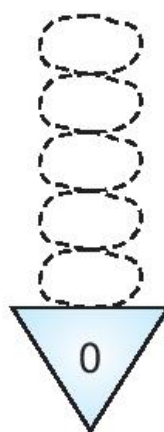
1



5

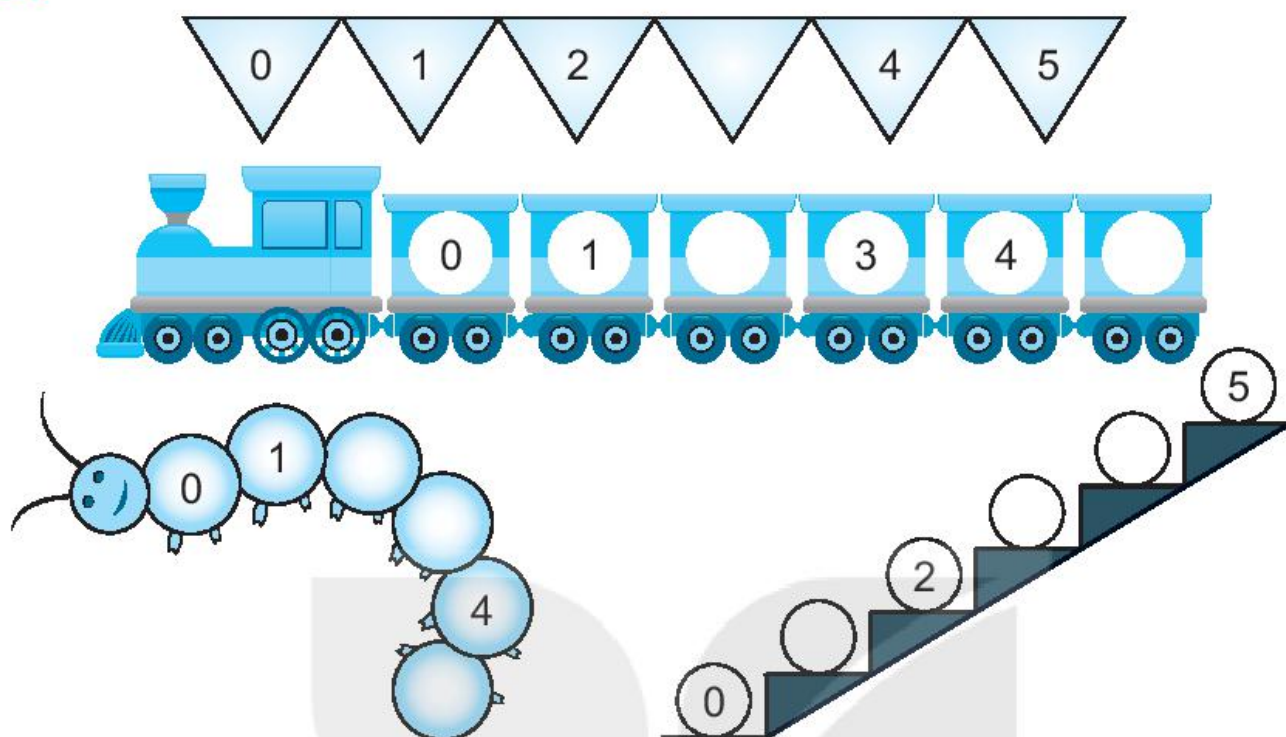


2

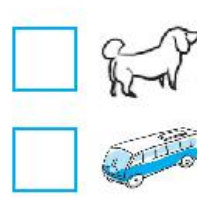
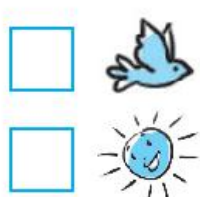
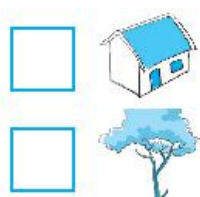


0

3 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.



4 ✎ Quan sát tranh rồi viết số thích hợp vào ô trống.



BÀI 2

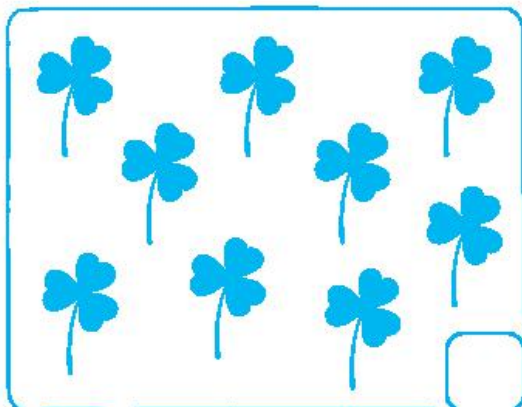
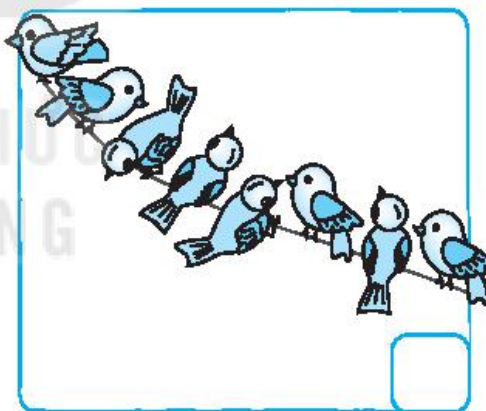
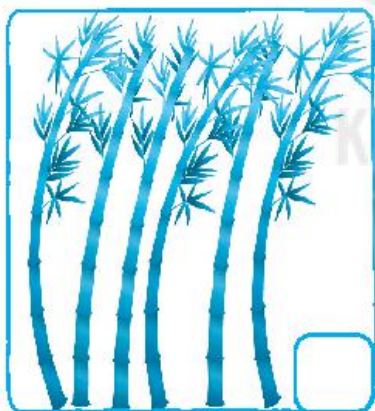
CÁC SỐ 6, 7, 8, 9, 10

Tiết 1

1 ✎ Viết số.

6	
7	
8	
9	
10	

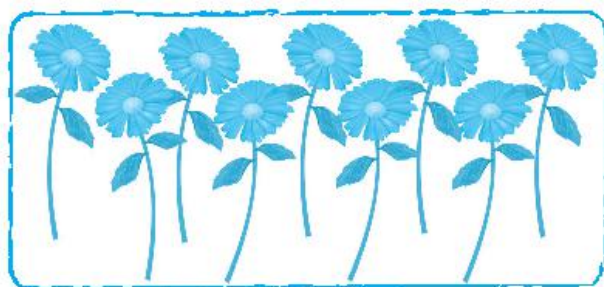
2 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.



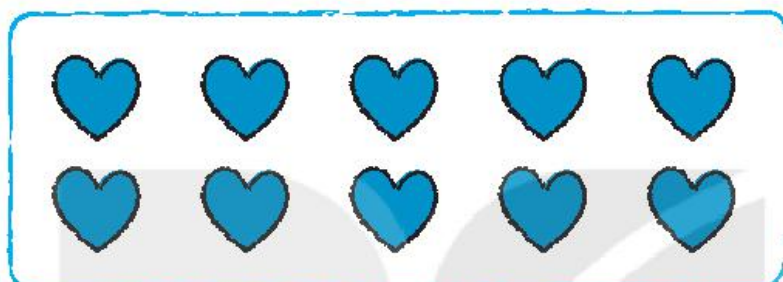
3 ✎ Khoanh vào số thích hợp (theo mẫu).



6 7 8



7 8 9



8 9 10

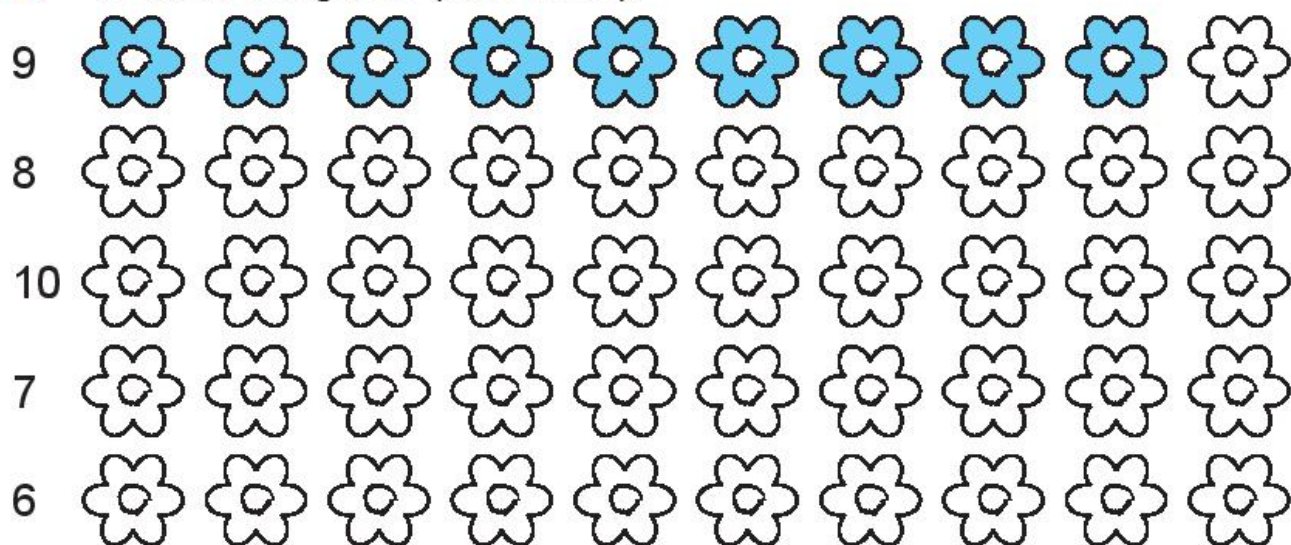


7 8 9



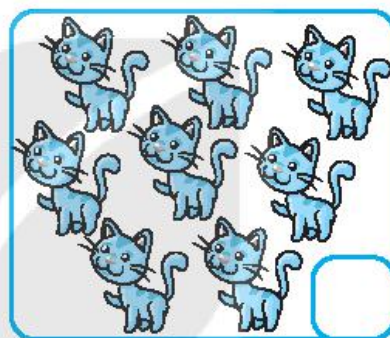
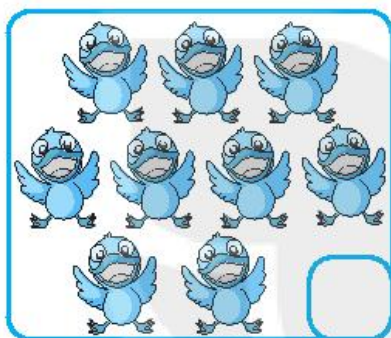
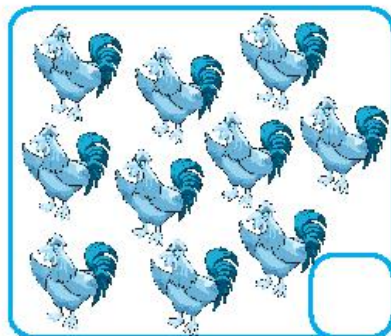
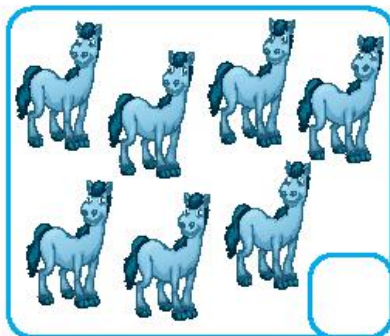
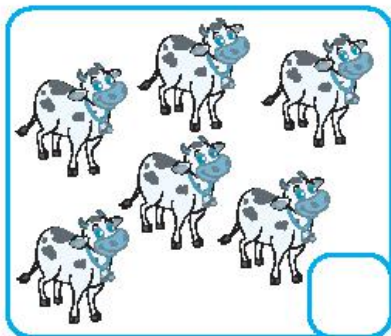
6 7 8

4 ✎ Tô màu bông hoa (theo mẫu).

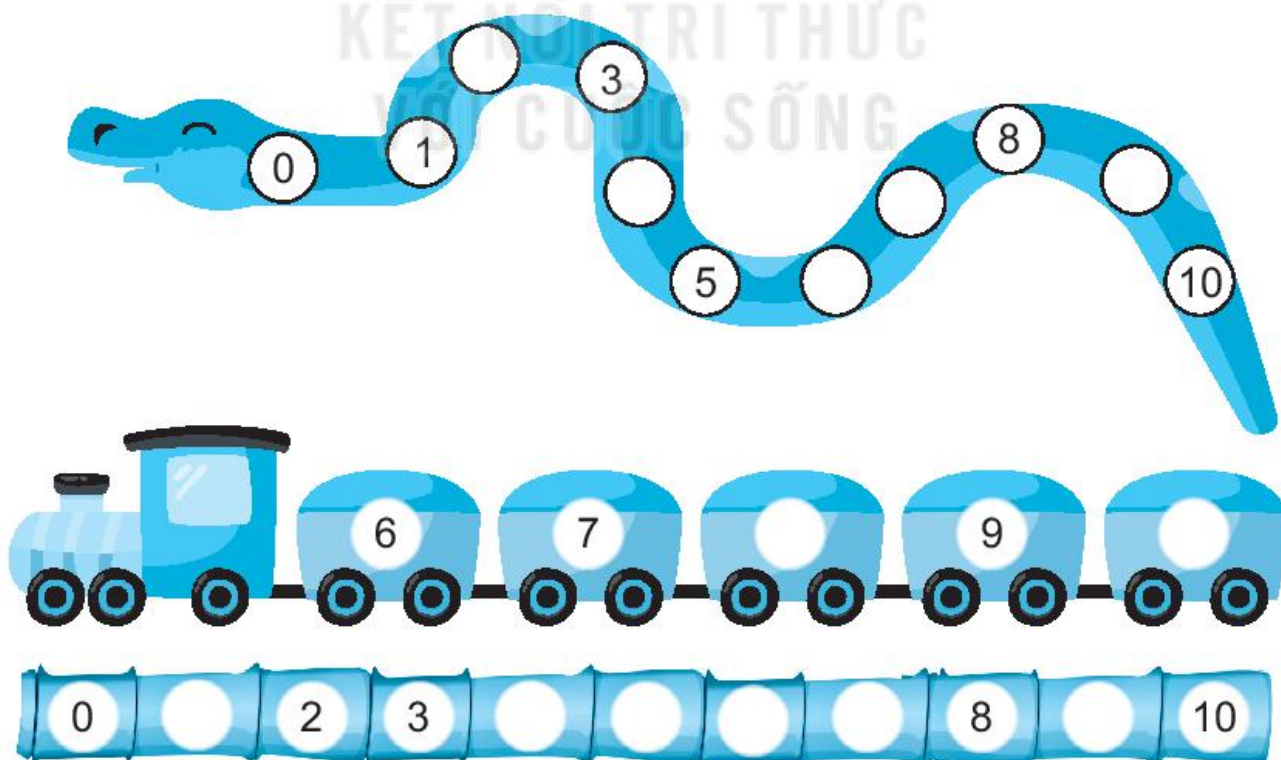


Tiết 2

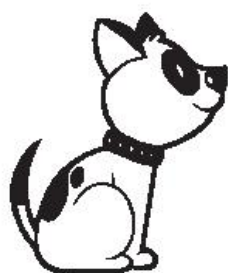
1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.



2 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.



3 Chó con tìm đường về nhà bằng cách đi qua các số theo thứ tự từ 0 đến 10.



0	→ 1	3	2	5
5	2	4	9	7
2	3	→ 4	8	10
3	0	5	10	2
1	2	6	→ 7	3
4	5	1	8	→ 9
0	6	4	7	10



Bằng cách giống như chó con, hãy giúp gà con tìm đường về nhà nhé!

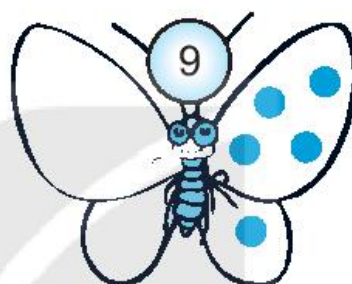
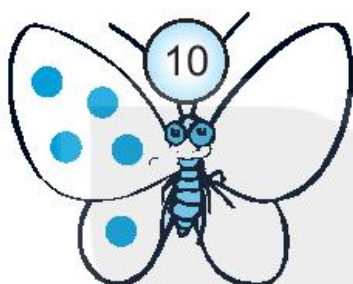
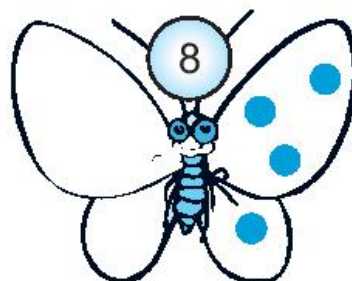
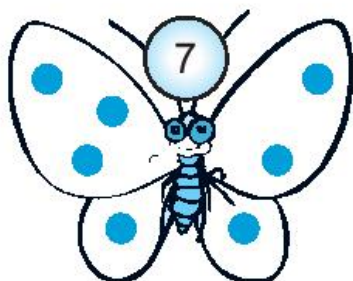


0	1	3	2	5	10	9
5	2	3	9	7	0	6
2	6	4	5	10	1	7
4	0	8	6	7	8	1
2	3	6	9	5	9	10



Tiết 3

1 ✎ Vẽ thêm các chấm tròn vào cánh bướm cho thích hợp (theo mẫu).



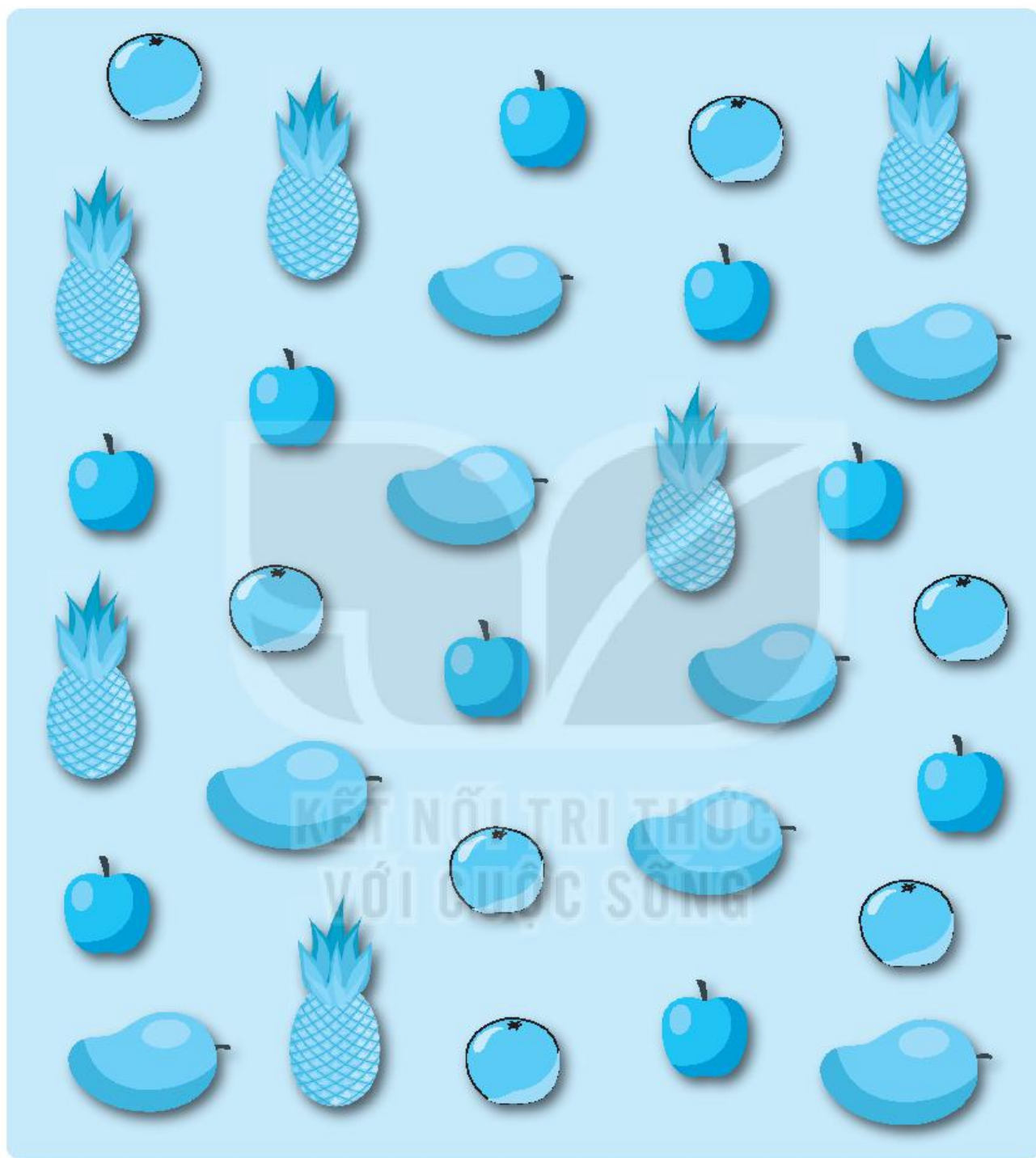
2 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.



Gia đình trong bức tranh có người.

Gia đình em có người.

3 ✎ Đếm rồi viết số thích hợp vào ô trống.



BÀI 3

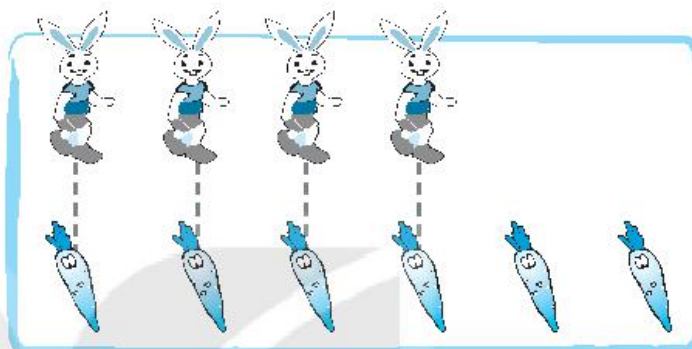
NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU

Tiết 1

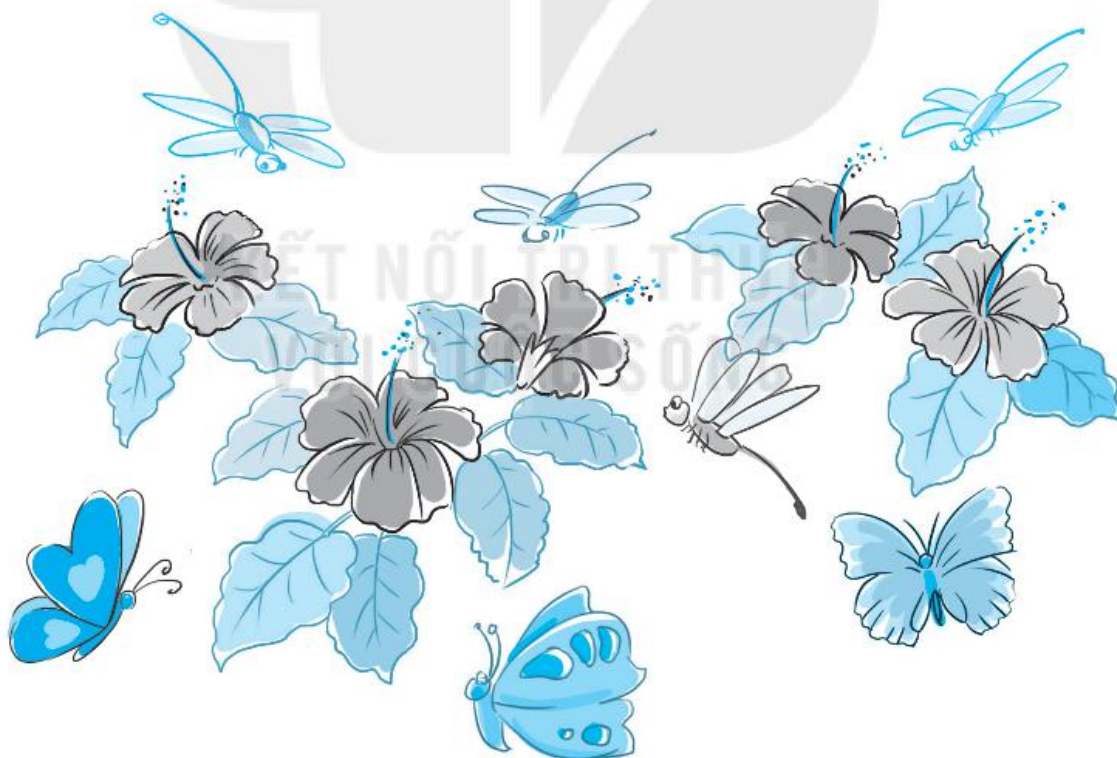
1 Khoanh vào chữ đặt trước câu đúng.

A. Số thỏ nhiều hơn số cà rốt.

B. Số thỏ ít hơn số cà rốt.



2 Khoanh vào chữ đặt trước câu đúng.



A. Số chuồn chuồn bằng số hoa.

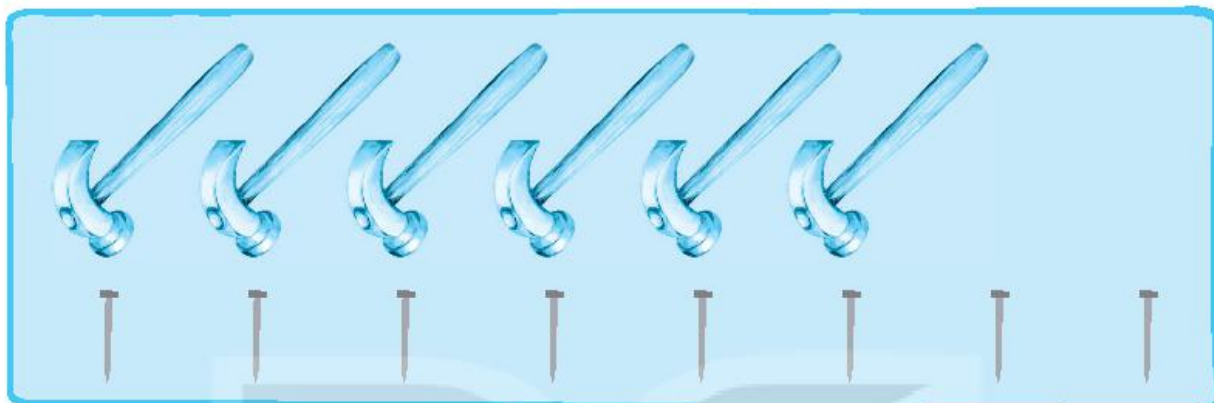
B. Số hoa nhiều hơn số bướm.

C. Số bướm nhiều hơn số chuồn chuồn.

Tiết 2

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

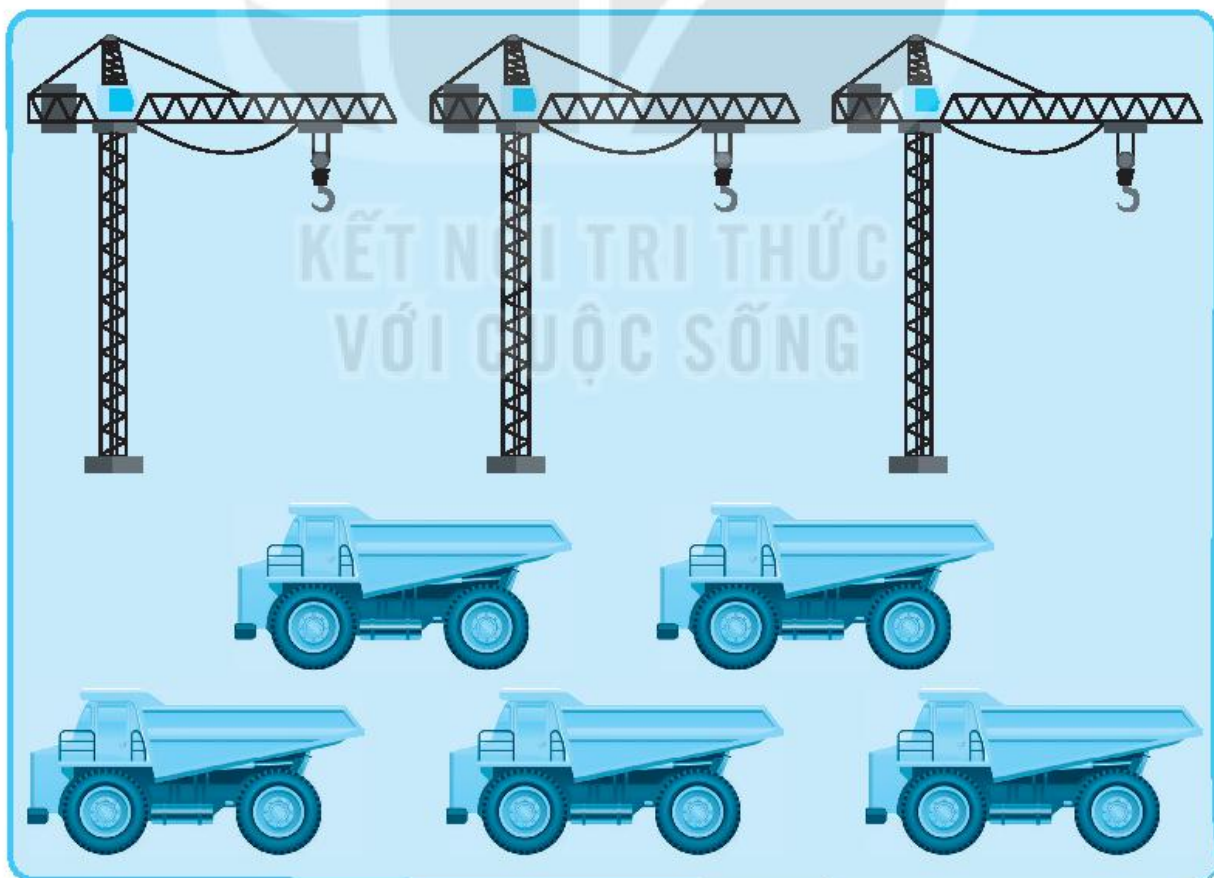
a) Số búa nhiều hơn hay ít hơn số đinh?



A. Số búa nhiều hơn số đinh.

B. Số búa ít hơn số đinh.

b) Số ô tô nhiều hơn hay ít hơn số cần cẩu?



A. Số ô tô ít hơn số cần cẩu.

B. Số ô tô nhiều hơn số cần cẩu.

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu đúng.

A. Số ngôi nhà ít hơn số cây cầu.

B. Số ngôi nhà nhiều hơn số cây cầu.

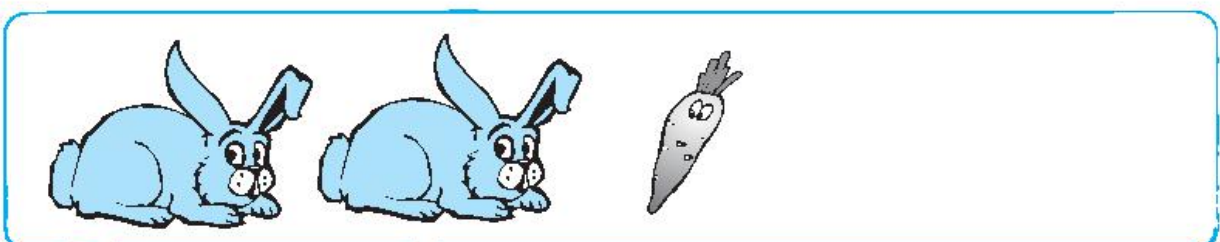


3 Vẽ thêm hoặc gạch bớt cà chua, cà rốt để:

a) Số cà chua ít hơn số sâu.



b) Số cà rốt nhiều hơn số thỏ.

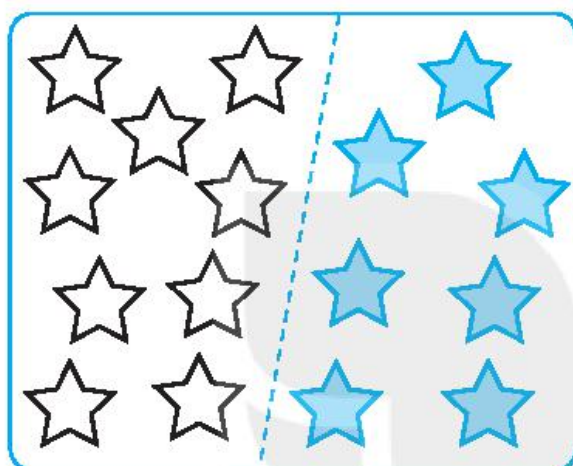


BÀI 4

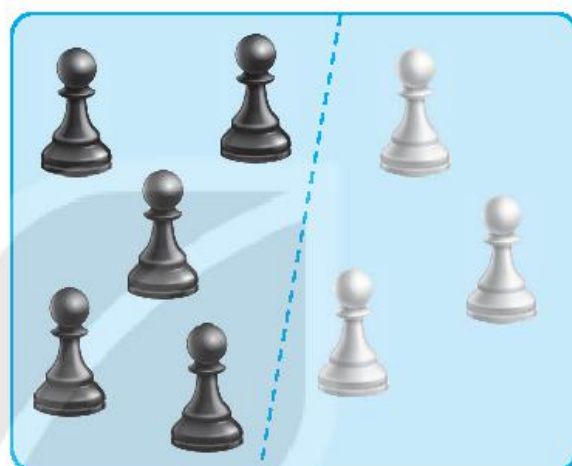
SƠ SÁNH SỐ

Tiết 1

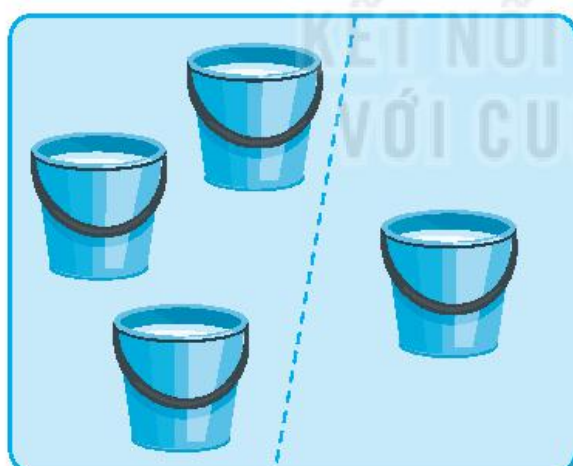
1 ✎ Viết vào ô trống (theo mẫu).



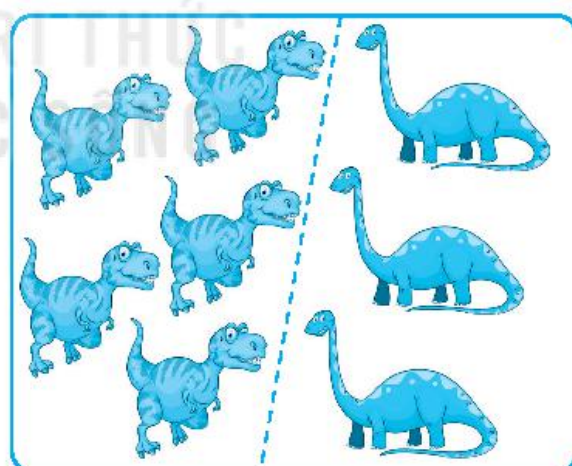
9 > 7



○



○



○

2 ✎ Viết vào ô trống (theo mẫu).

10 > 8

8 6

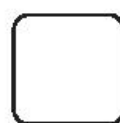
6 4

4 2

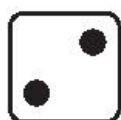
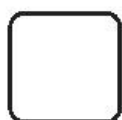
3 ✎ Vẽ thêm chấm tròn rồi viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).



$$\boxed{5} > 4$$



$$3 > \boxed{}$$

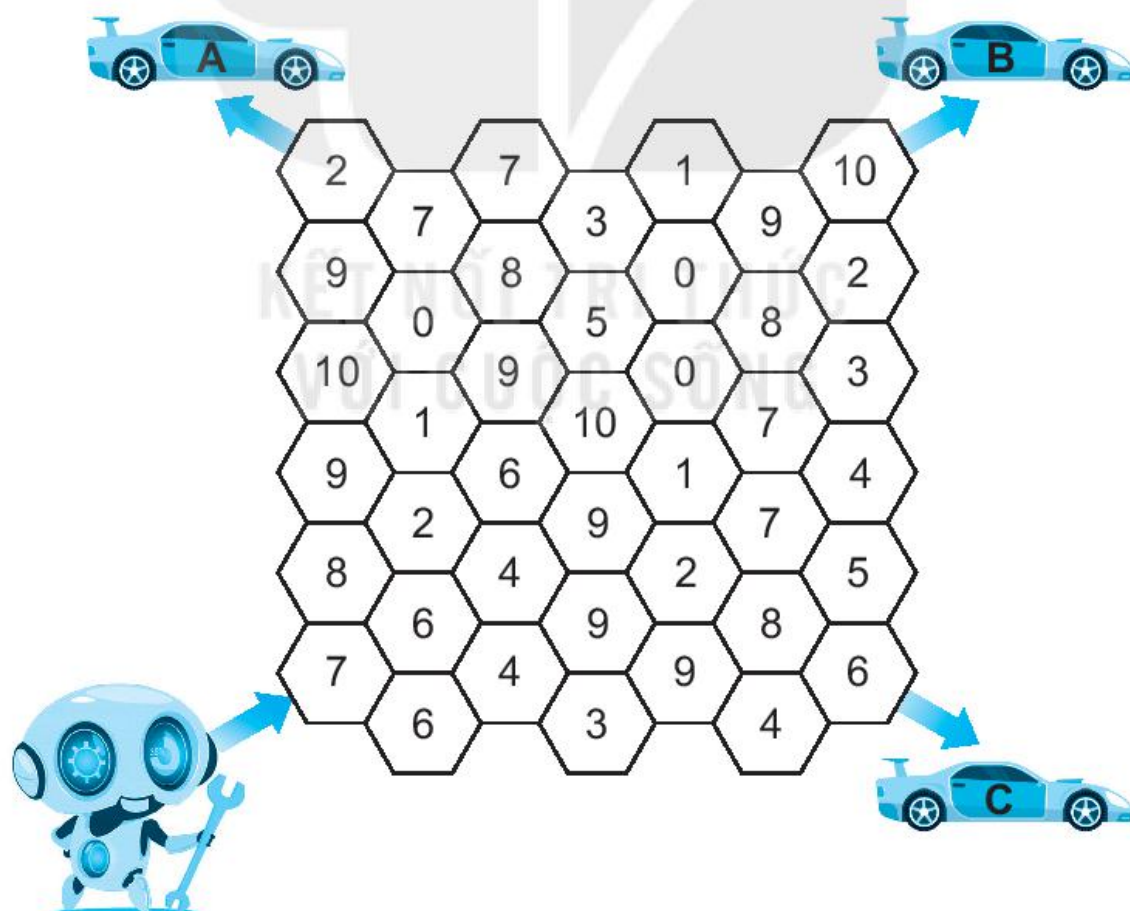


$$\boxed{} > 2$$



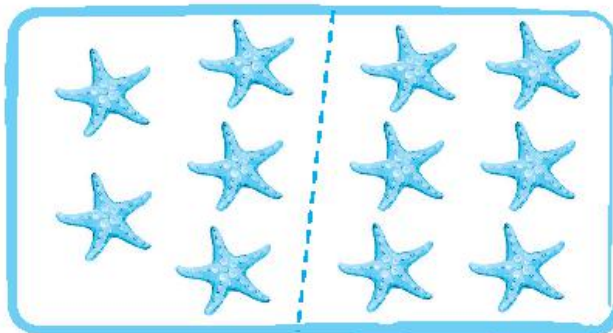
$$6 > \boxed{}$$

4 ✎ Hãy giúp rô-bốt tìm đường đến chiếc xe của mình bằng cách tô màu vào các ô có số lớn hơn 6.

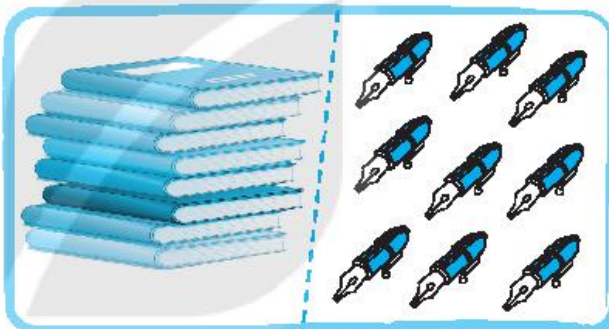
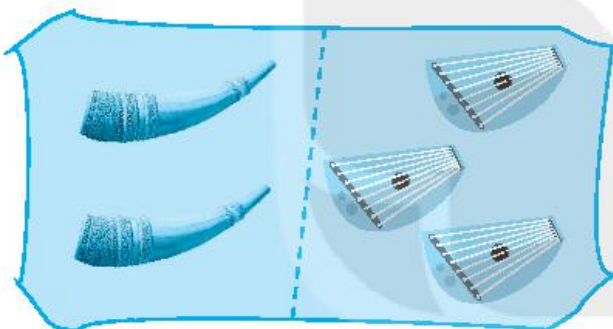
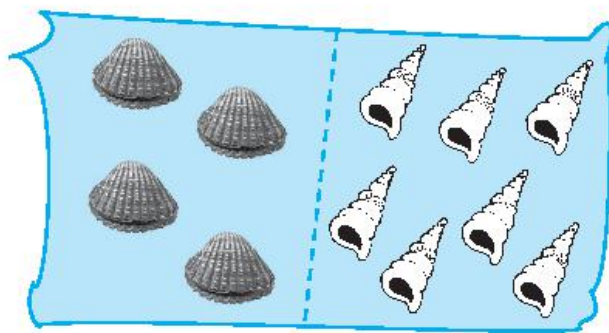


Tiết 2

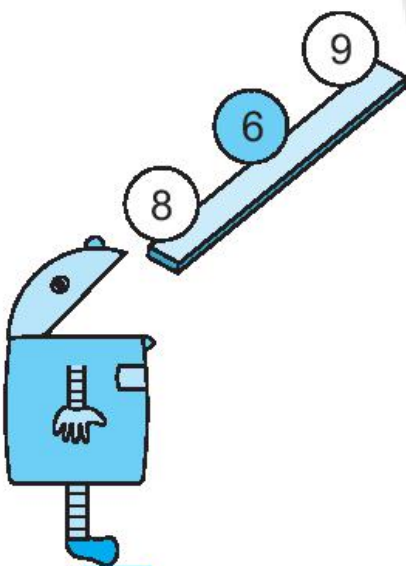
1 ✎ Viết vào ô trống (theo mẫu).



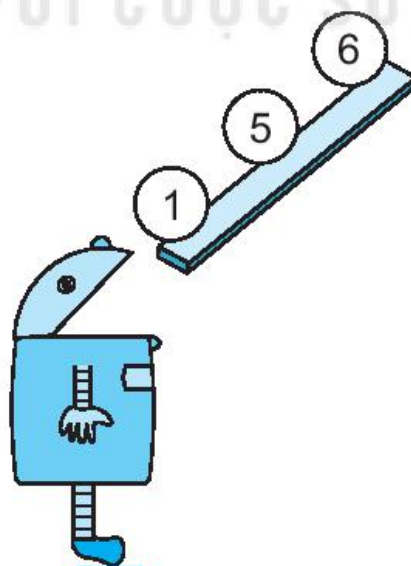
5 < 6



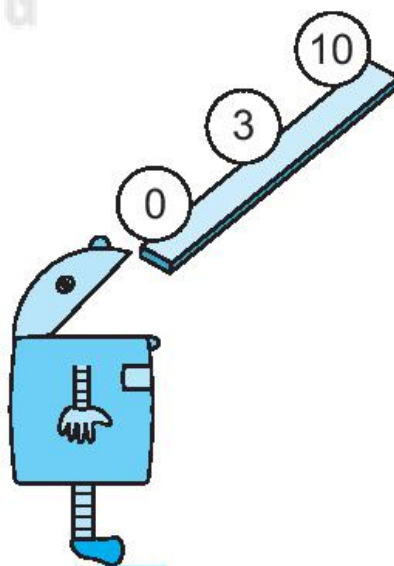
2 ✎ Tô màu vào quả bóng có số thích hợp (theo mẫu).



a) < 7



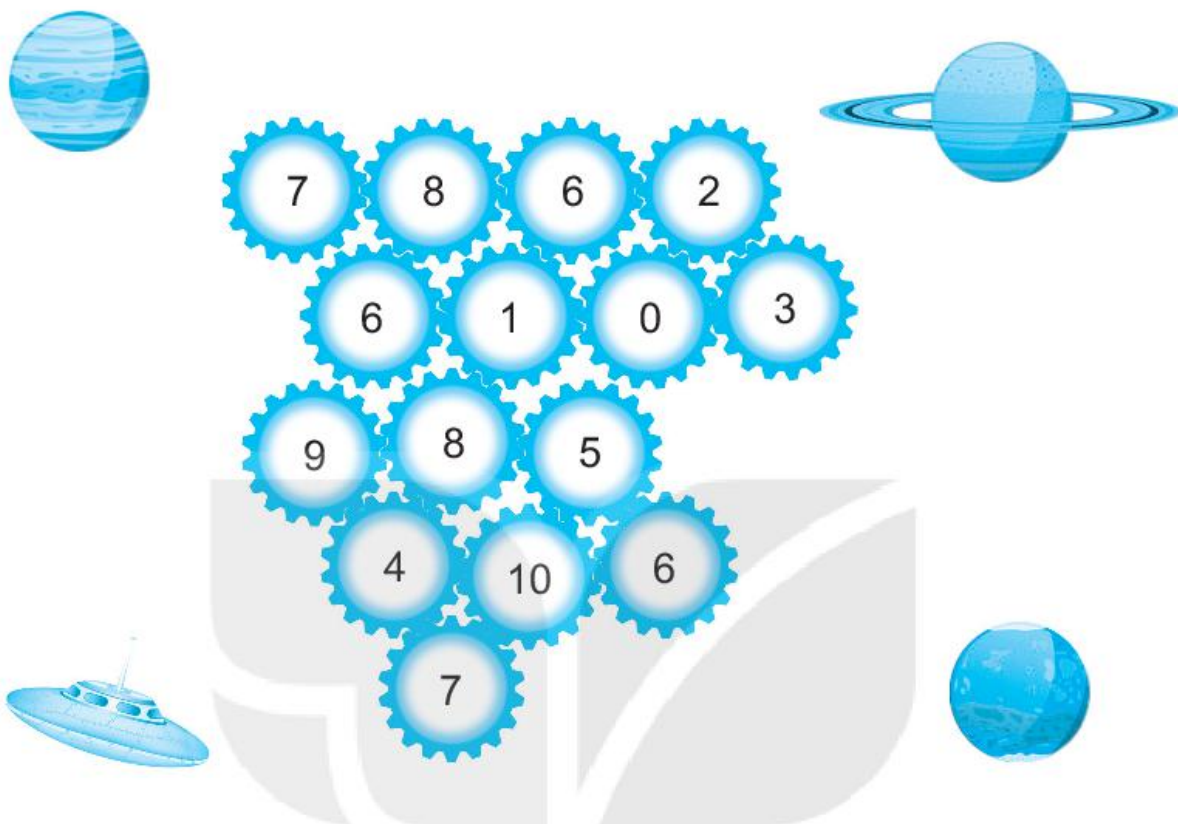
b) < 5



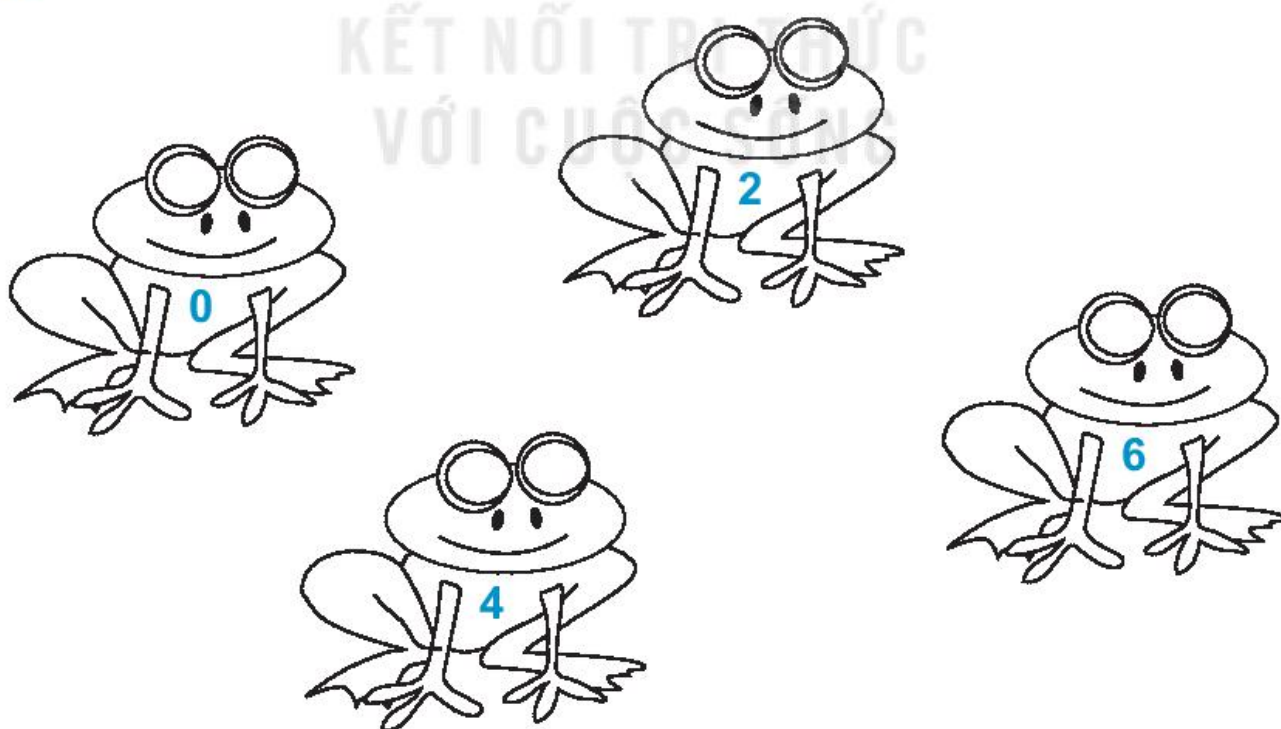
c) 4 <

3  Tô màu đỏ vào các ô có số bé hơn 5.

Tô màu vàng vào các ô có số lớn hơn 5.



4  Tô màu cho chú ếch ghi số vừa bé hơn 5 vừa lớn hơn 3.

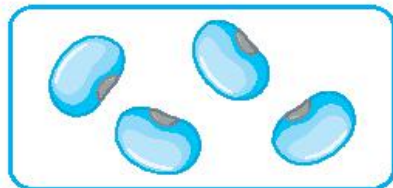


Tiết 3

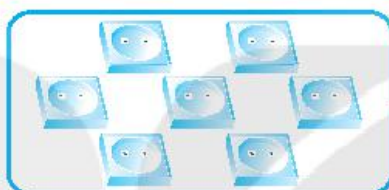
1 Nói và viết (theo mẫu).



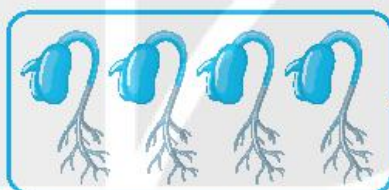
○



3 = 3



○

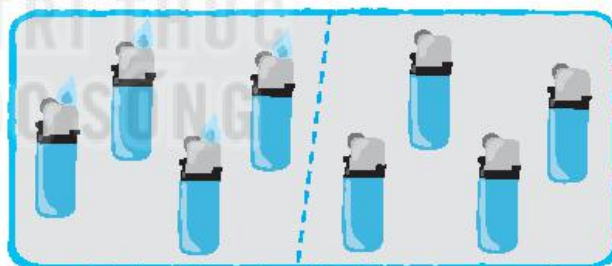


○

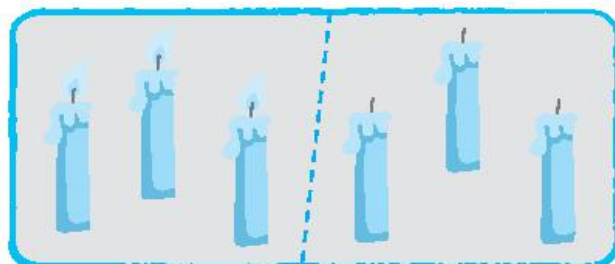
2 Viết vào ô trống (theo mẫu).



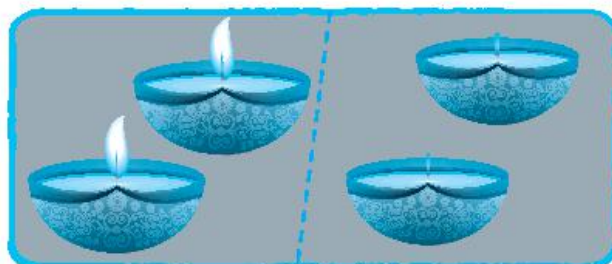
5 = 5



○

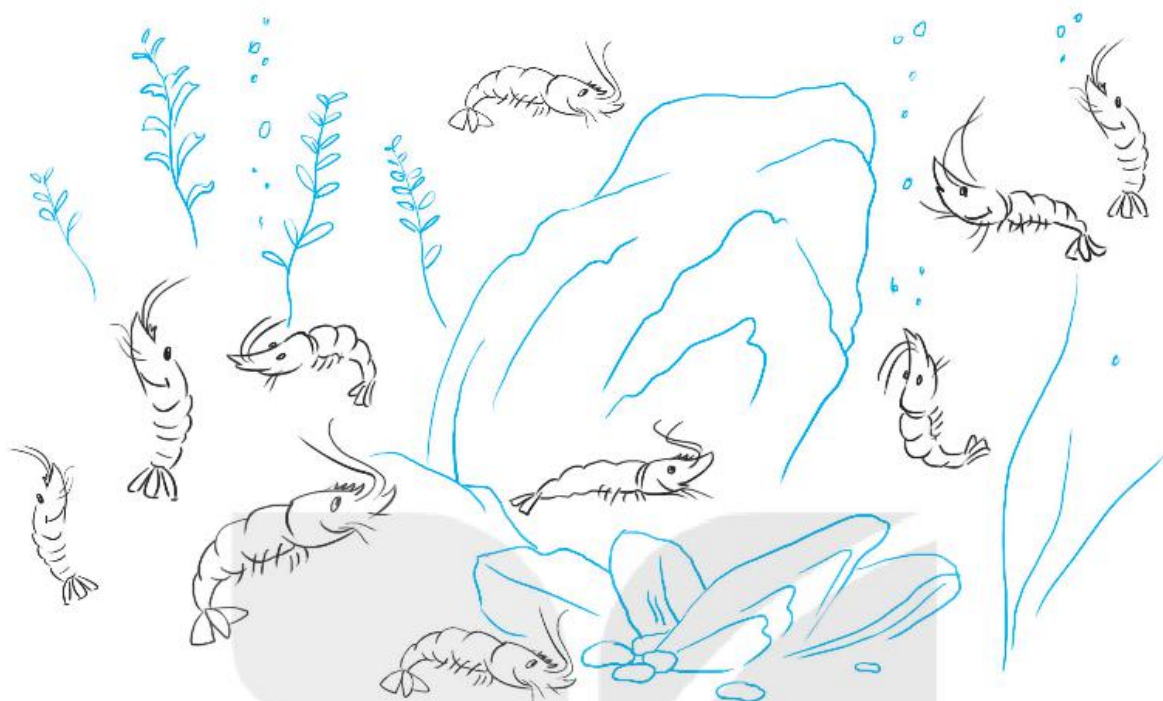


○

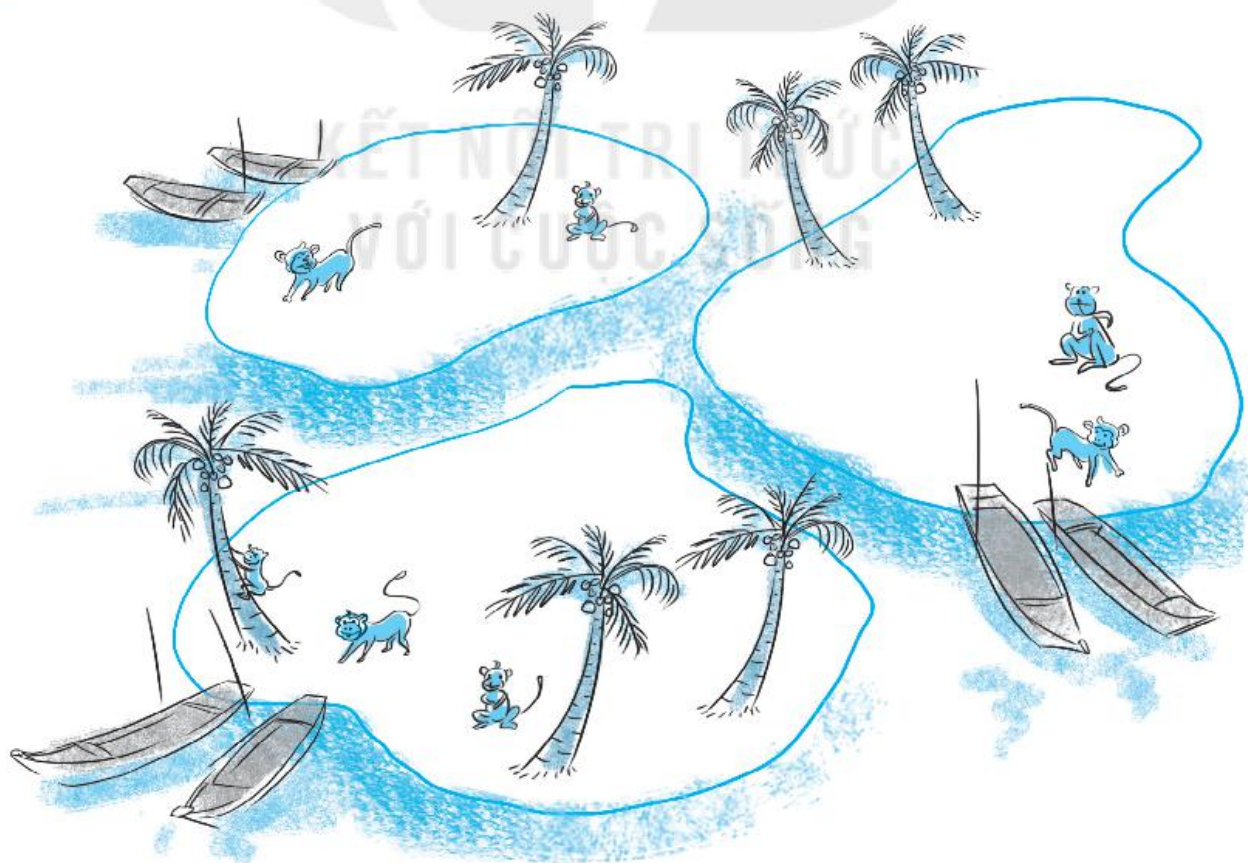


○

- 3 ✎ Tô màu xanh và nâu cho các chú tôm sao cho số tôm màu xanh bằng số tôm màu nâu.



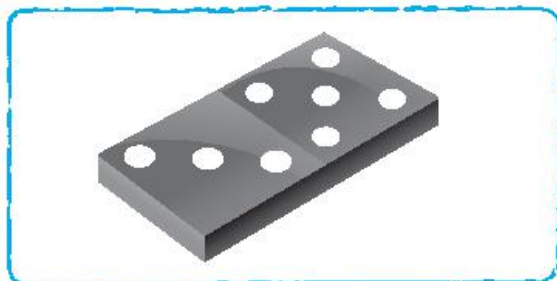
- 4 ✎ Tô màu vào hòn đảo có số thuyền, số cây dừa và số con khỉ bằng nhau.



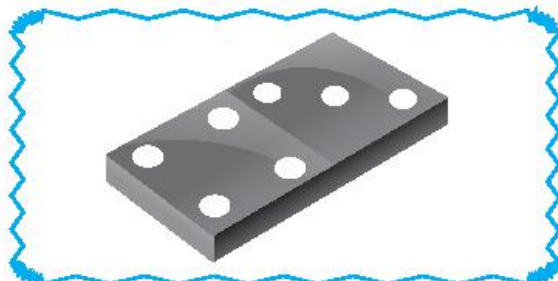
Tiết 4

1 Viết vào ô trống (theo mẫu).

a)



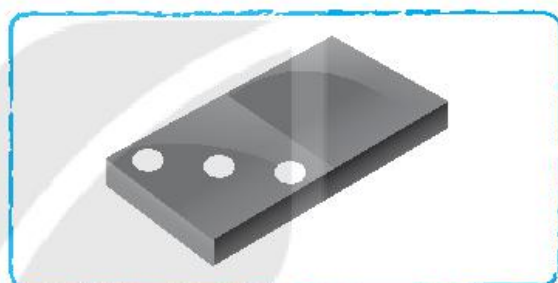
$$\boxed{3} < \boxed{5}$$



$$\boxed{} \bigcirc \boxed{}$$

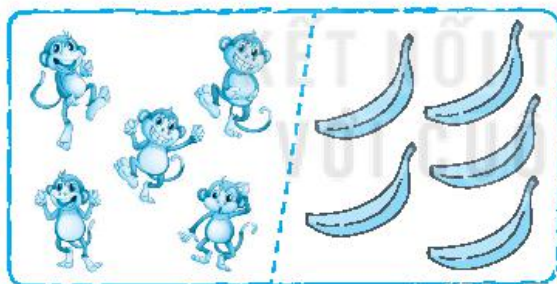


$$\boxed{} \bigcirc \boxed{}$$

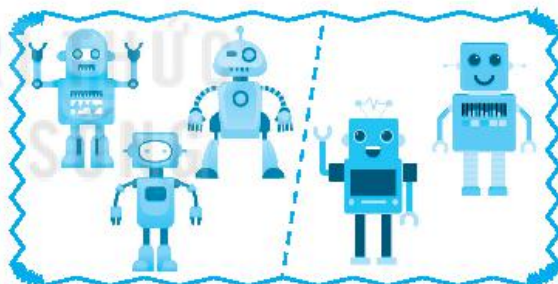


$$\boxed{} \bigcirc \boxed{}$$

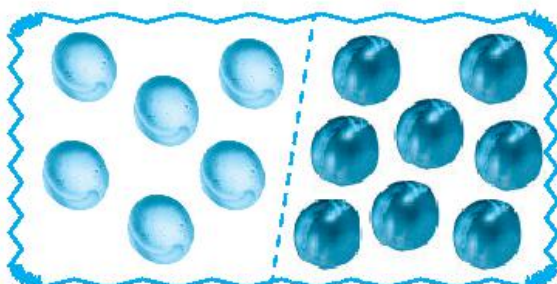
b)



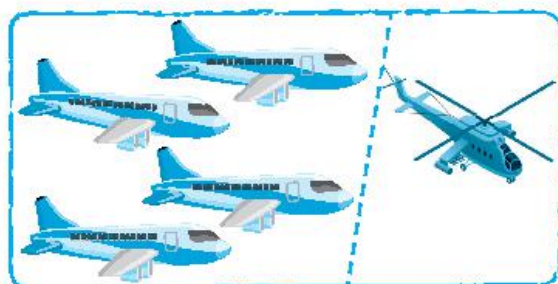
$$\boxed{} \bigcirc \boxed{}$$



$$\boxed{} \bigcirc \boxed{}$$

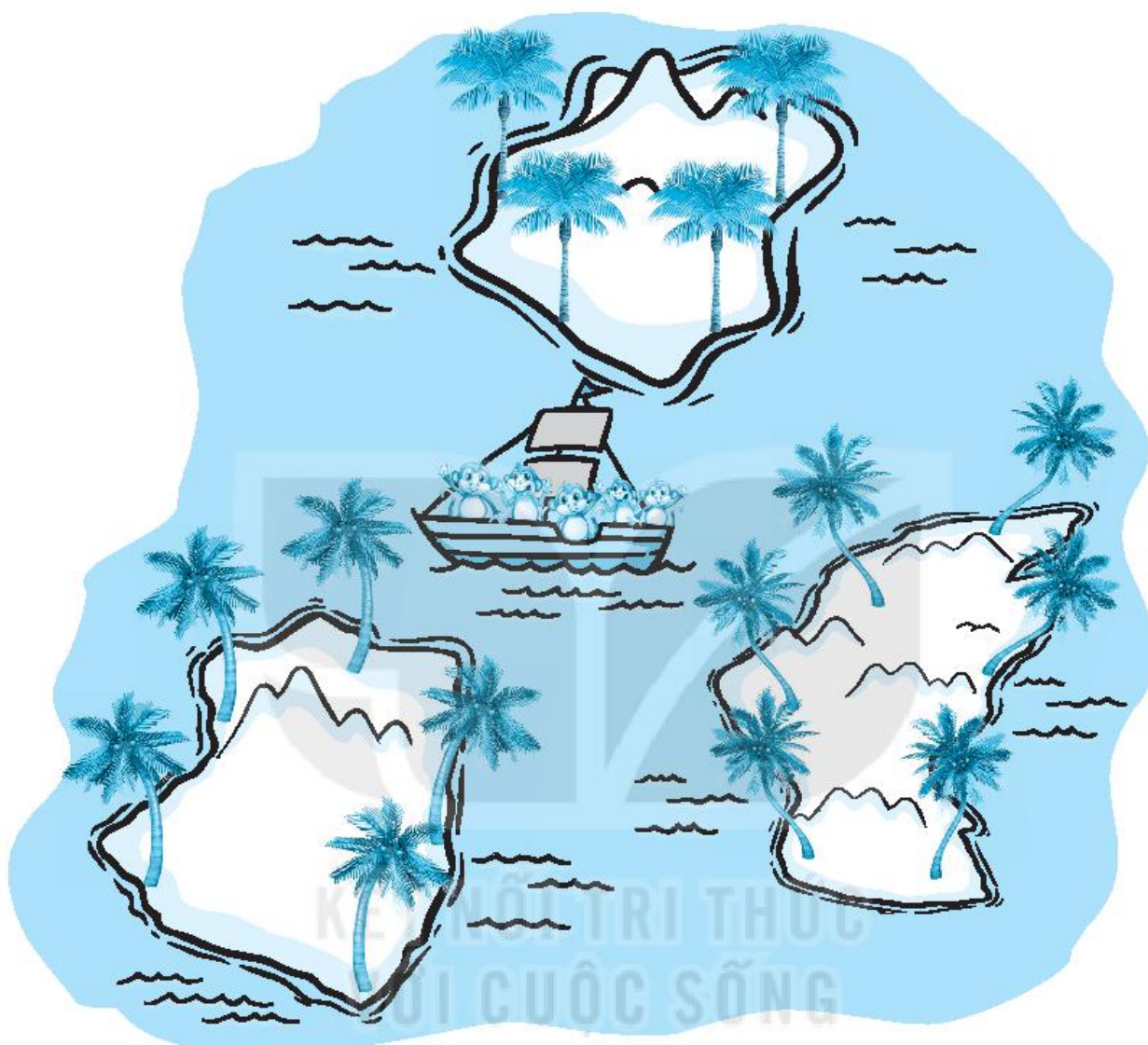


$$\boxed{} \bigcirc \boxed{}$$



$$\boxed{} \bigcirc \boxed{}$$

- 2 ✎ Có 5 con khỉ, mỗi con khỉ cần có một cây dừa. Em hãy tô màu vào hòn đảo có vừa đủ cây dừa cho khỉ (không thừa, không thiếu).



- 3 ✎ Khoanh vào chữ đặt dưới con khỉ có nhiều quả dừa nhất.



A



B



C

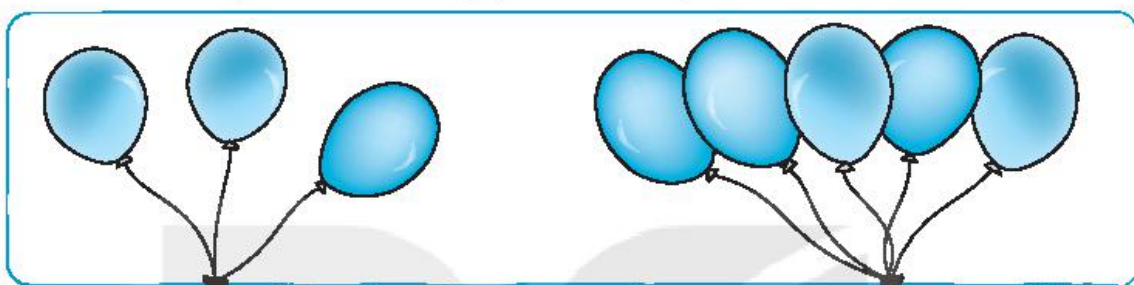
BÀI 5

MÂY VÀ MÂY

Tiết 1

1 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

a)



3 quả bóng bay

5 quả bóng bay

3 quả bóng bay và 5 quả bóng bay được 8 quả bóng bay.

b)

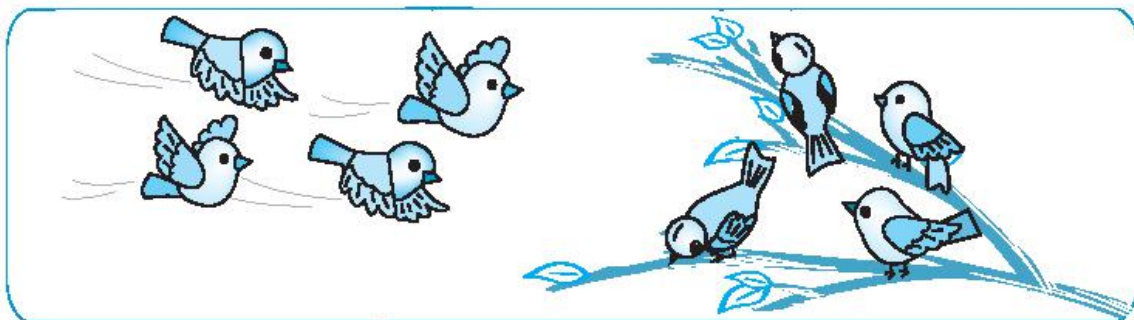


con ếch

con ếch

con ếch và con ếch được con ếch.

c)



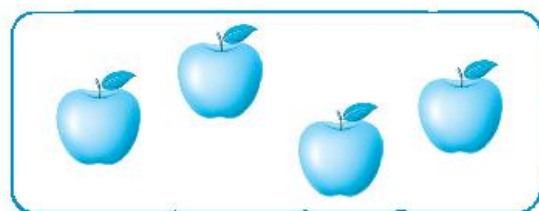
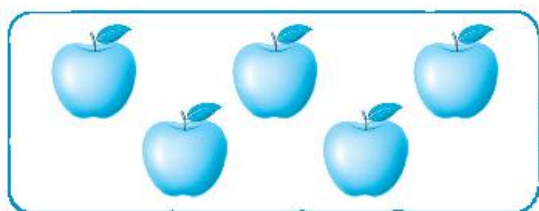
con chim

con chim

con chim và con chim được con chim.

2 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

a)



5 quả táo

4 quả táo

9 quả táo

b)

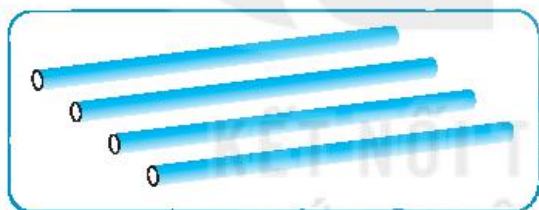


□ quả bóng

□ quả bóng

□ quả bóng

c)

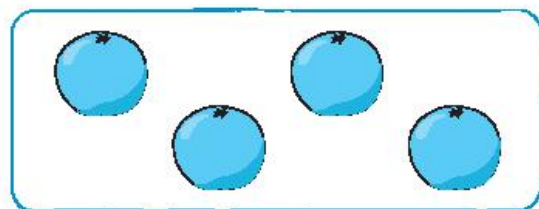
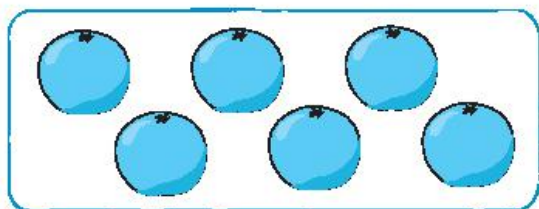


□ que tính

□ que tính

□ que tính

d)



□ quả cam

□ quả cam

□ quả cam

Tiết 2

1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

a)



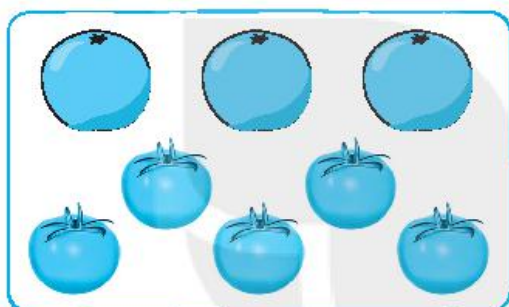
Có tất cả bông hoa.

Có bông hoa hồng.

Có bông hoa cúc.

5 gồm và

b)



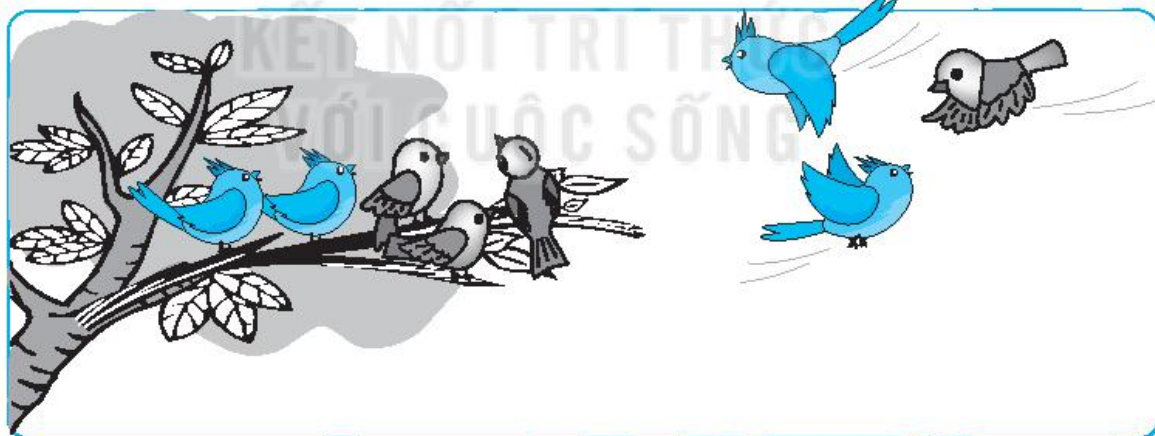
Có tất cả quả.

Có quả cam.

Có quả cà chua.

gồm và

c)



Có tất cả con chim.

Có con chim sẻ.

Có con chim đang bay.

Có con chim chào mào.

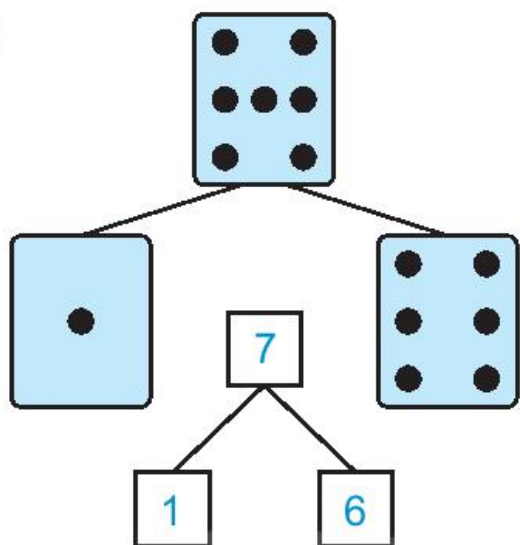
Có con chim đang đậu.

gồm và

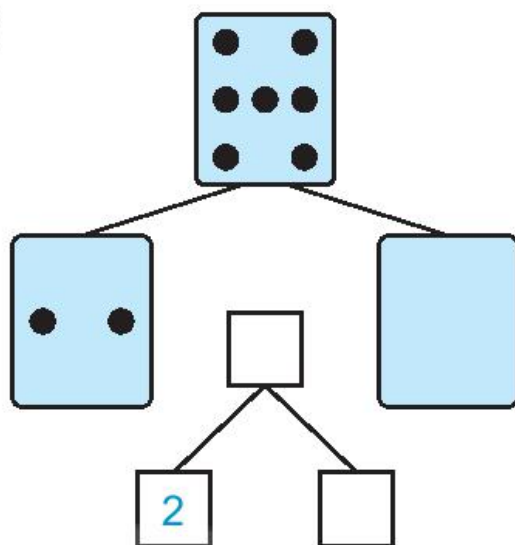
gồm và

2 ✎ Vẽ chấm tròn rồi viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

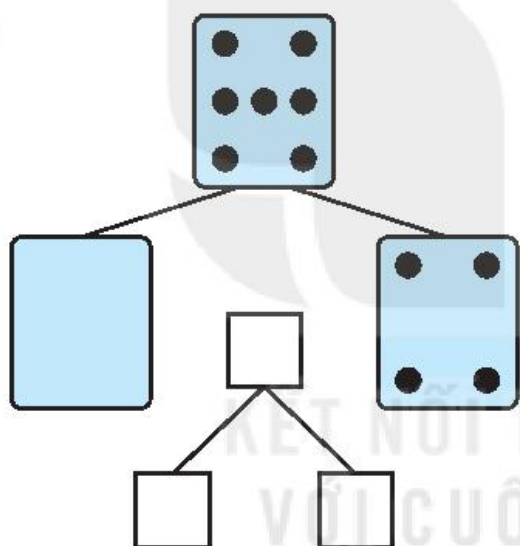
a)



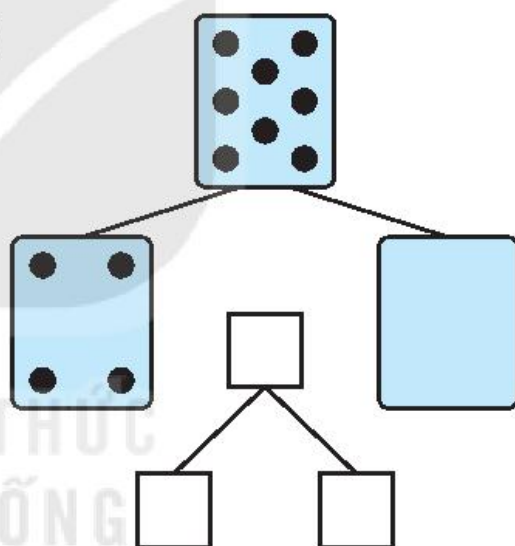
b)



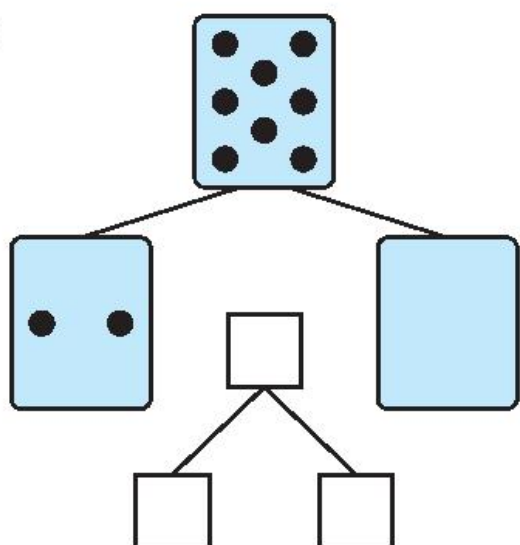
c)



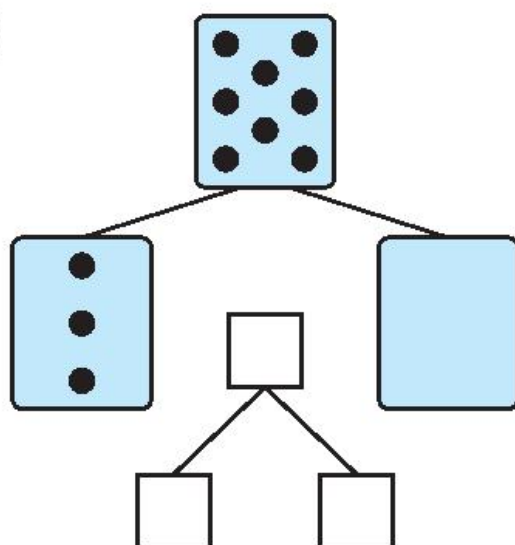
d)



e)



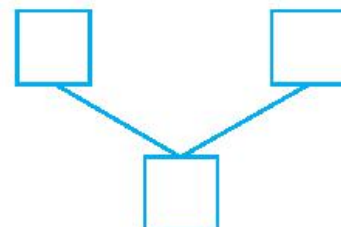
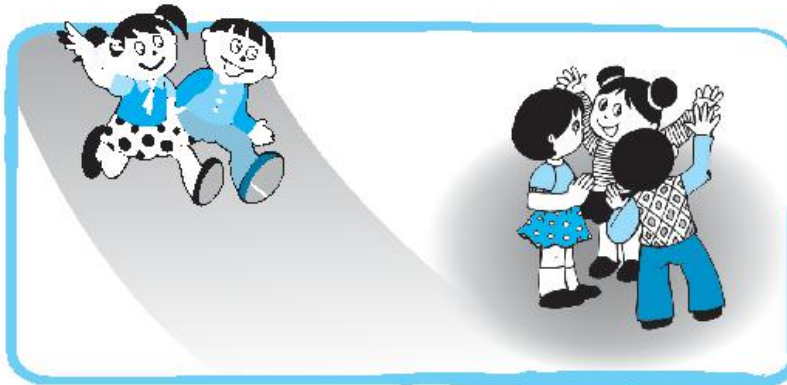
g)



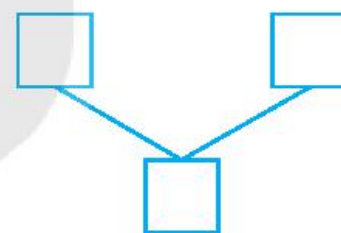
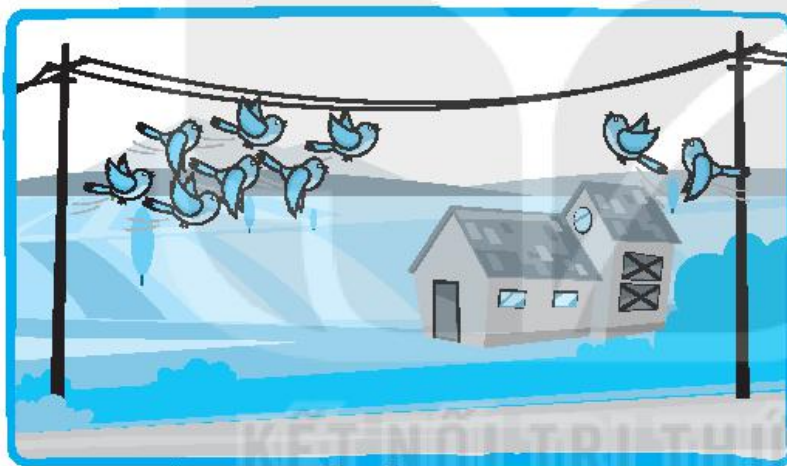
Tiết 3

1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

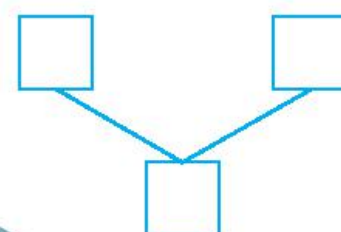
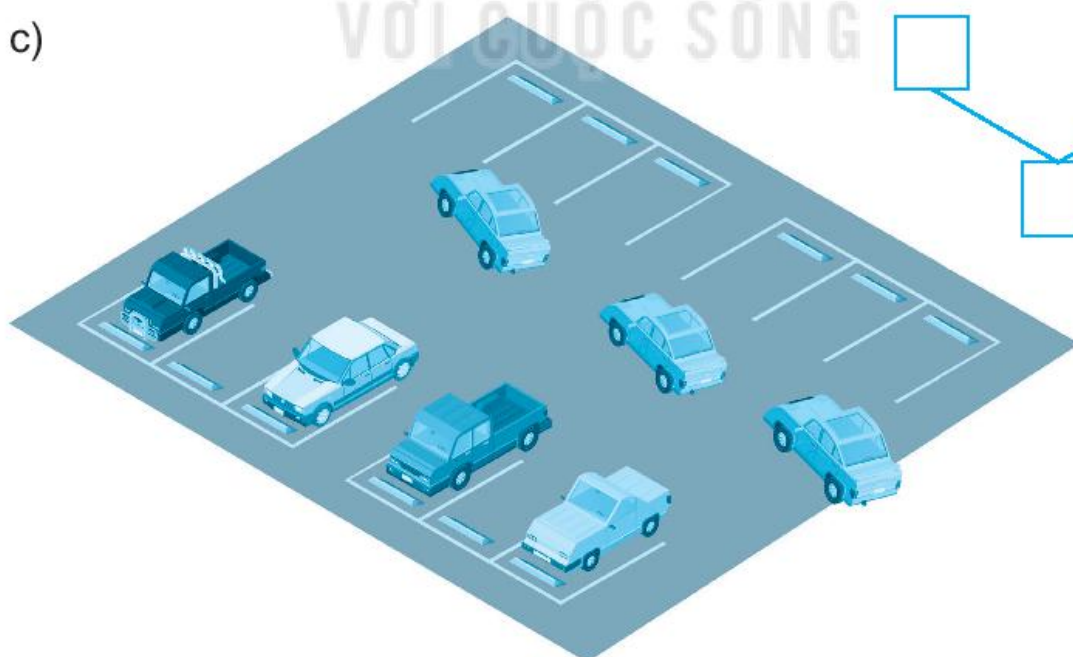
a)



b)



c)



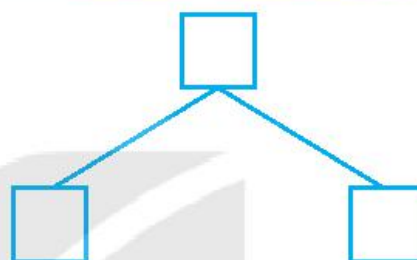
2 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.



Có tất cả bạn.

Có bạn nam.

Có bạn nữ.



3 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.



Có tất cả con chó.

Có con chó đốm.

Có con chó đứng.

Có con chó không đốm.

Có con chó ngồi.

gồm và

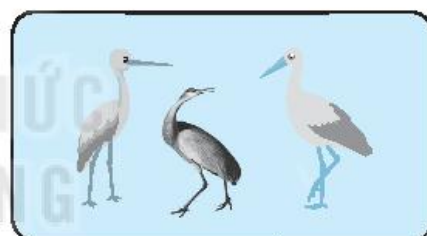
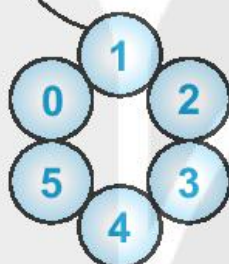
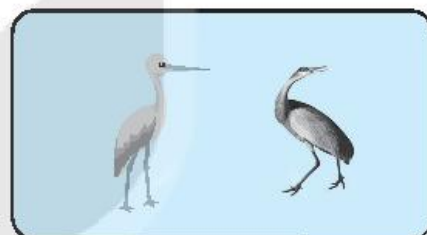
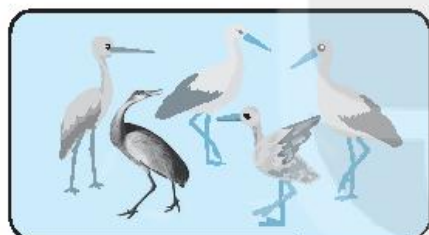
gồm và

BÀI 6

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

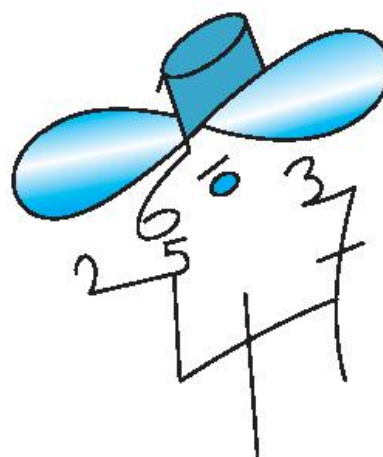
1 Nối số với bức tranh thích hợp (theo mẫu).



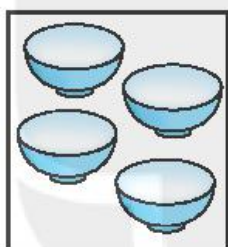
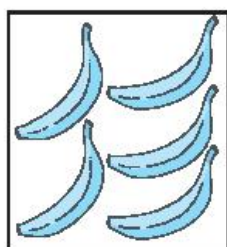
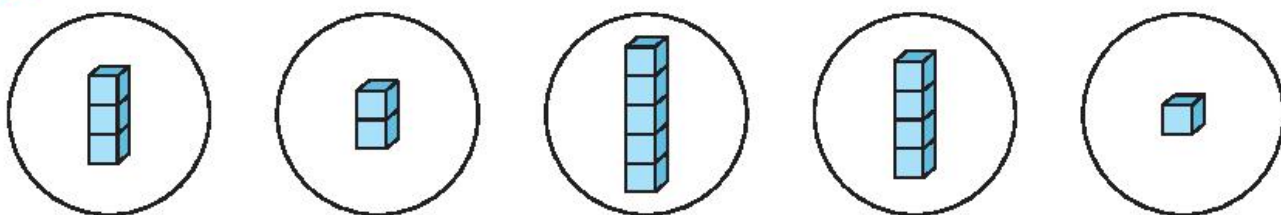
2 Viết tiếp vào chỗ chấm.

Trong hình bên, em nhìn thấy các số:

2,

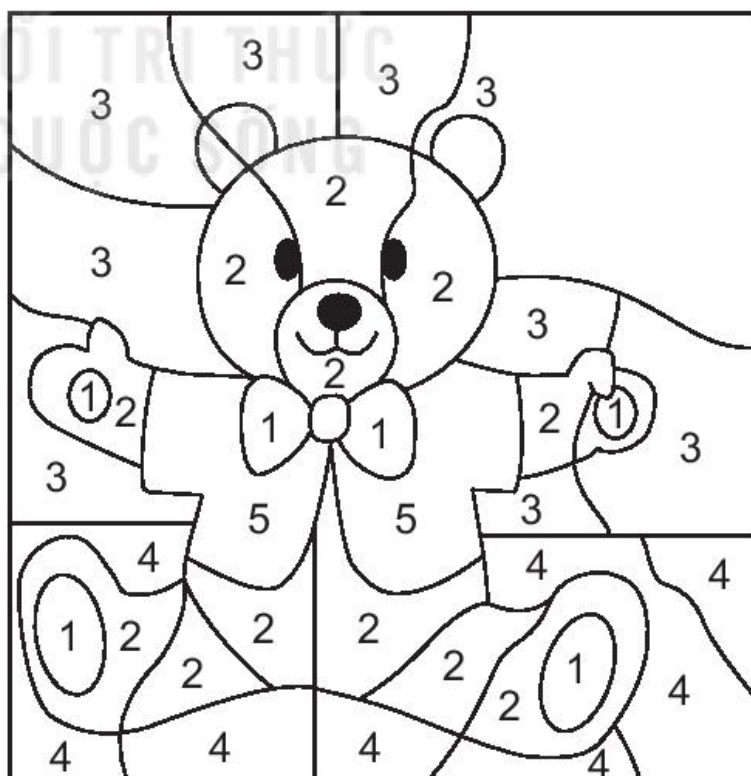


3 Nói (theo mẫu).



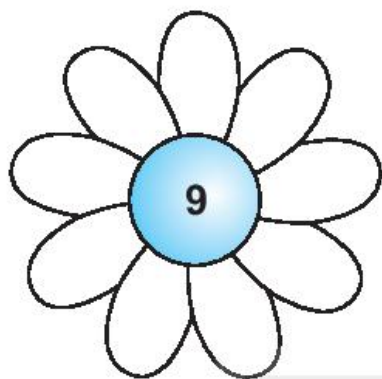
4 Tô bức tranh theo mã màu cho trước.

- 1: màu vàng
- 2: màu nâu
- 3: màu xanh da trời
- 4: màu xanh lá cây
- 5: màu đỏ

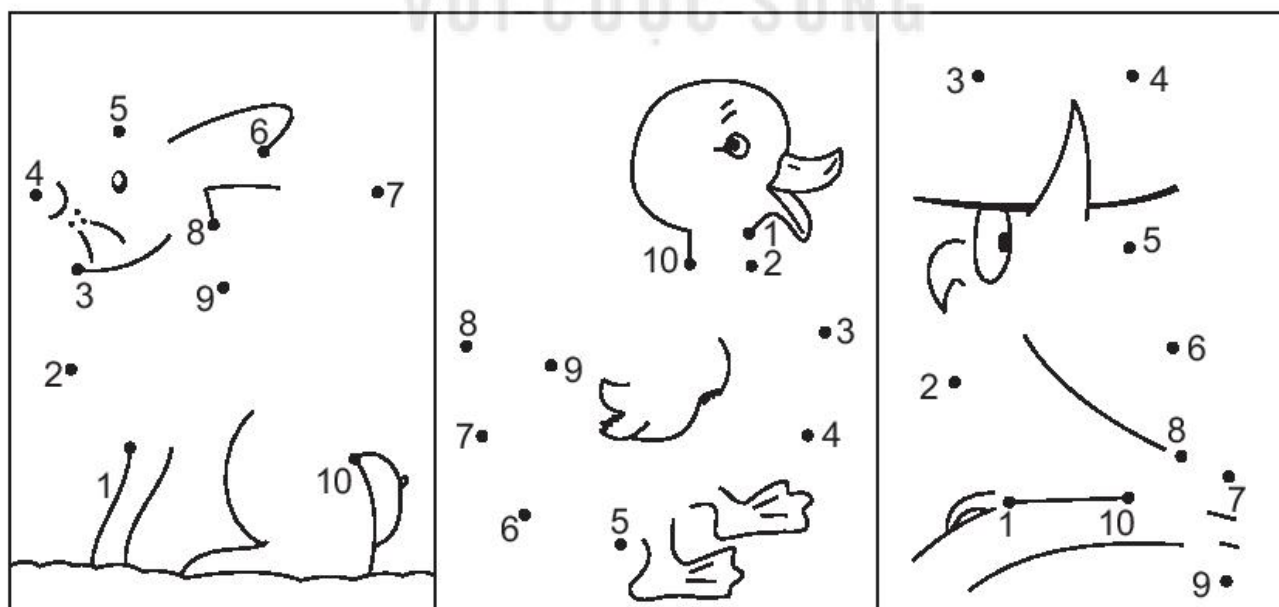


Tiết 2

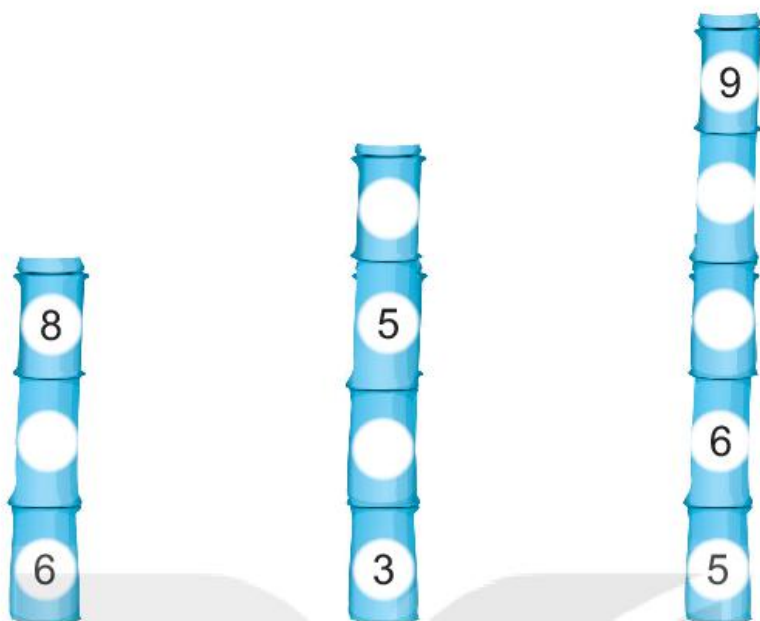
- 1** Vẽ thêm các cánh hoa để số cánh hoa bằng số ghi ở nhụy hoa (theo mẫu).



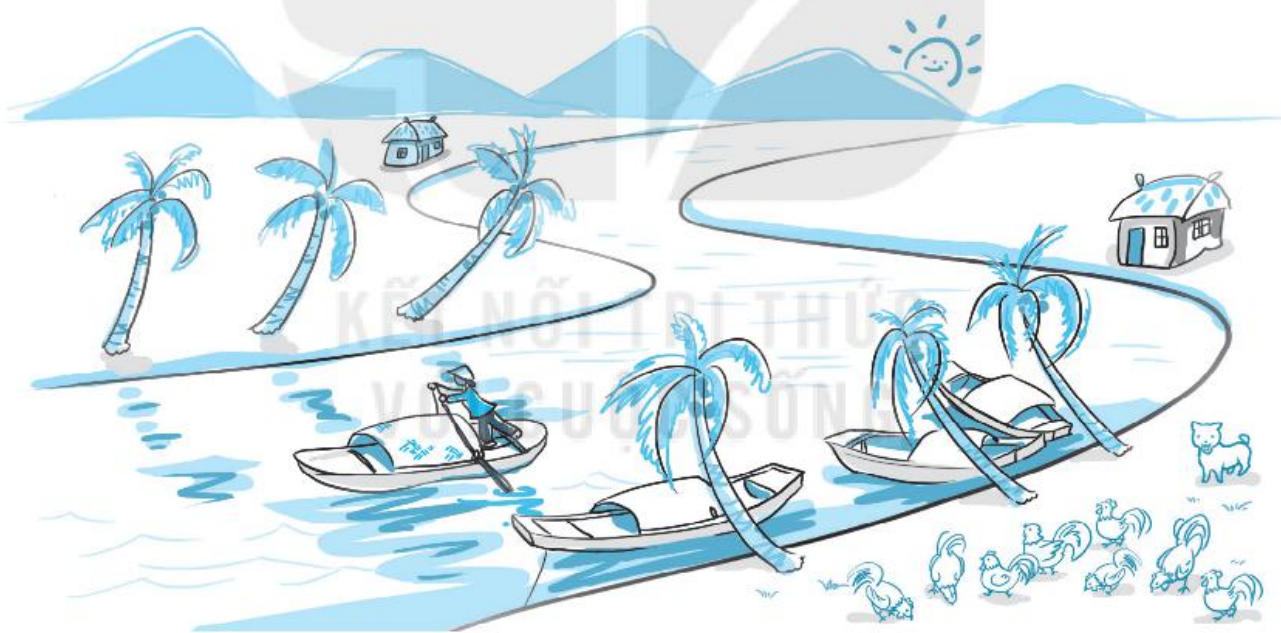
- 2** Nối các số theo thứ tự từ bé đến lớn để tìm ra bức tranh rồi tô màu.



3 ✎ Viết số thích hợp vào đốt tre còn trống.



4 ✎ Quan sát tranh, đếm rồi viết số thích hợp vào ô trống.



Tiết 3

1 >, <, = ?

$3 \square 5$

$7 \square 7$

$5 \square 9$

$6 \square 4$

$8 \square 10$

$3 \square 3$

$8 \square 8$

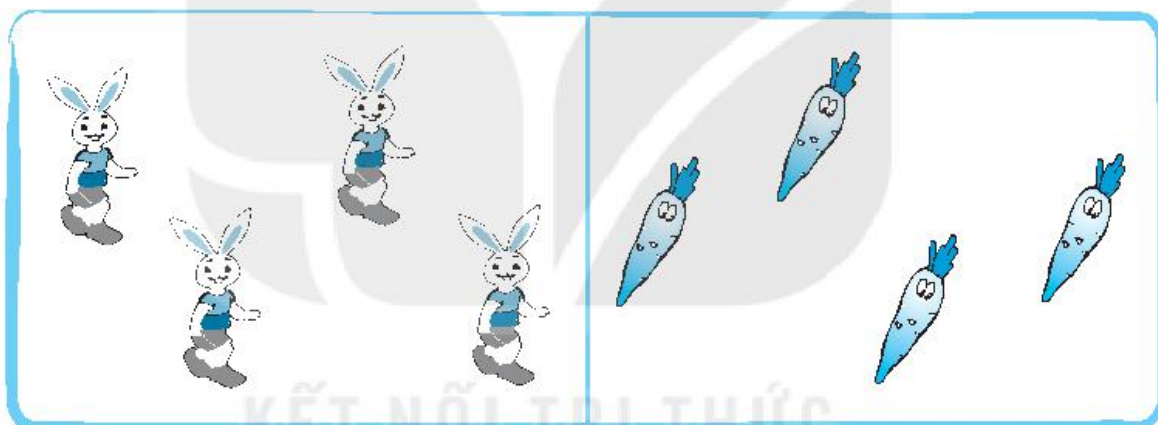
$4 \square 2$

$9 \square 6$

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Mỗi con thỏ ăn một củ cà rốt. Có đủ cà rốt cho thỏ không?

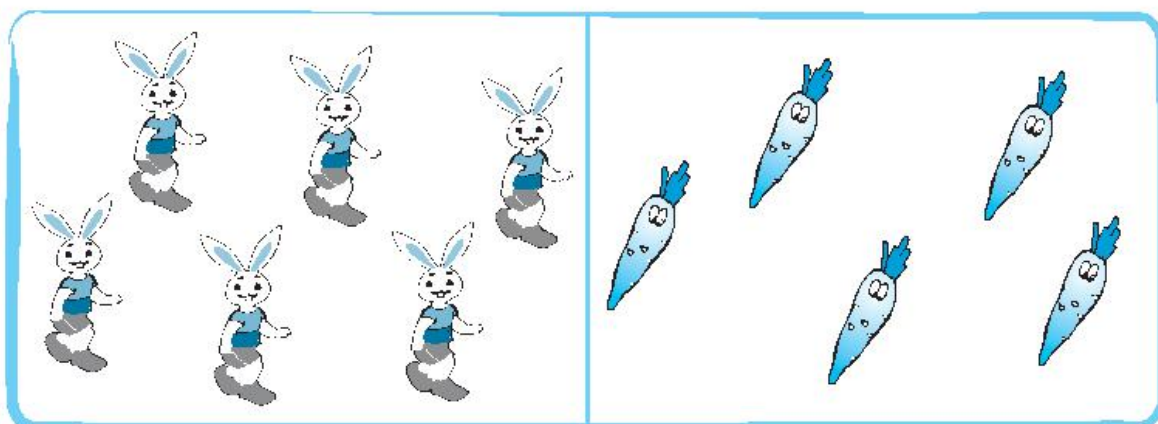
a)



A. Đủ

B. Không đủ

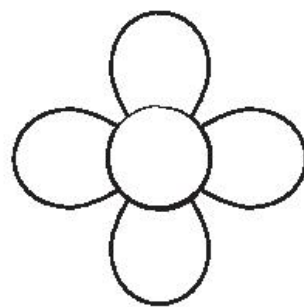
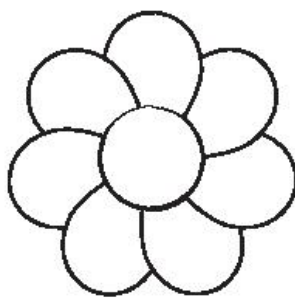
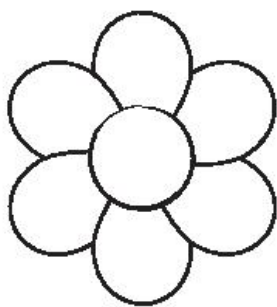
b)



A. Đủ

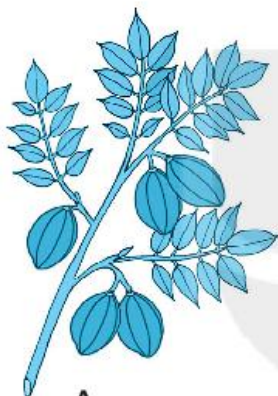
B. Không đủ

3 a) Tô màu vào bông hoa có nhiều cánh hoa nhất.



b) Khoanh vào chữ đặt dưới câu trả lời đúng.

Cành cây nào có ít quả nhất?



A

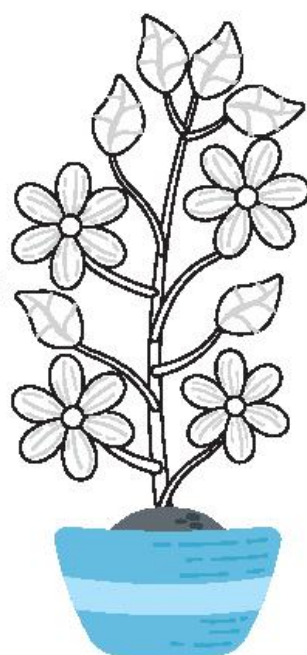
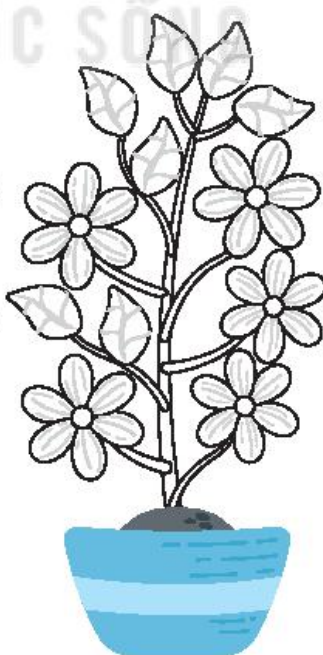
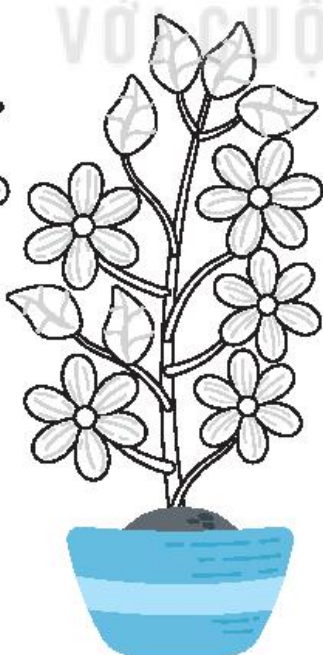
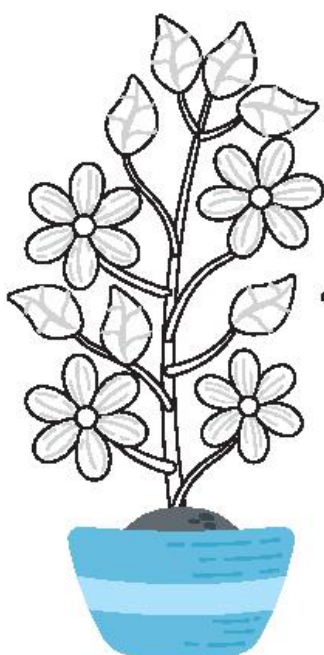


B



C

4 Tô màu vào cây có 4 bông hoa và 6 chiếc lá.



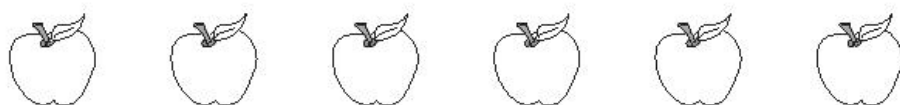
Tiết 4

1 Tô màu xanh hoặc đỏ vào mỗi quả táo sao cho:

a) Số quả táo màu xanh nhiều hơn số quả táo màu đỏ.



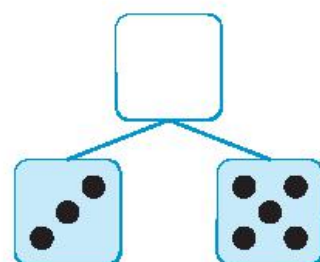
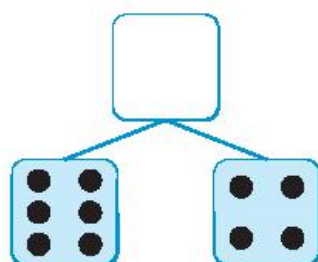
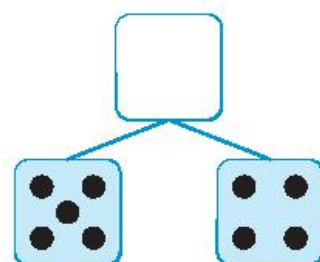
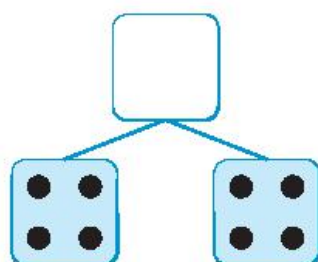
b) Số quả táo màu xanh ít hơn số quả táo màu đỏ.



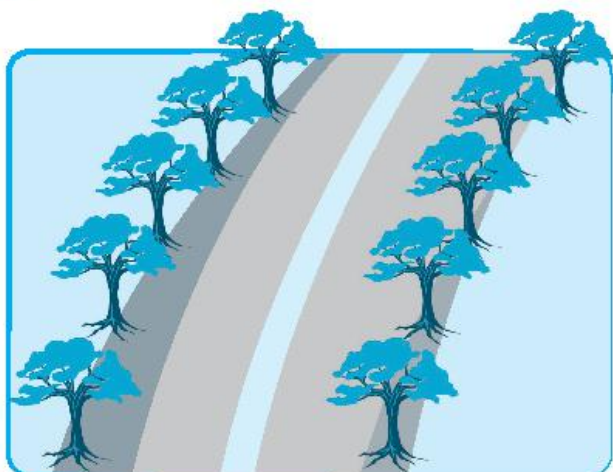
c) Số quả táo màu xanh bằng số quả táo màu đỏ.



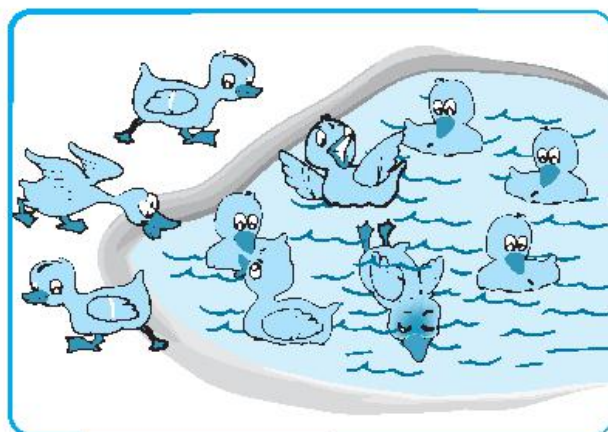
2 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).



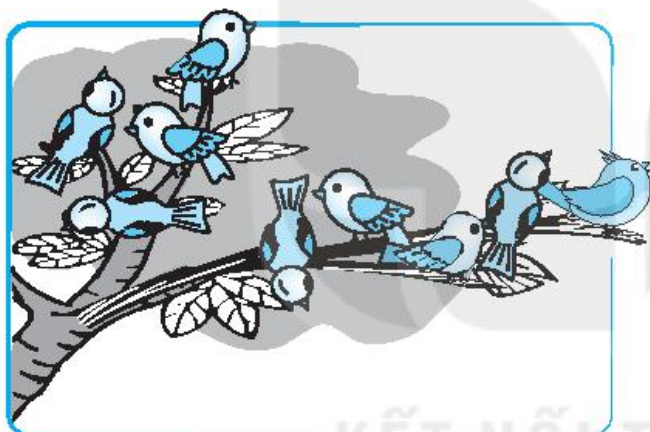
3 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.



10 gồm và



10 gồm và

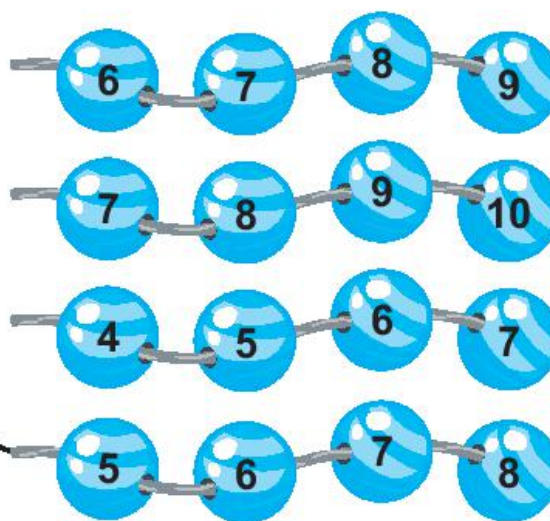
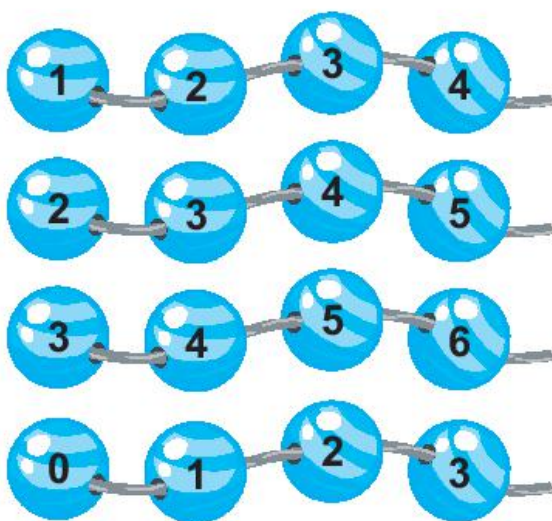


9 gồm và



9 gồm và

4 ✎ Nói (theo mẫu).

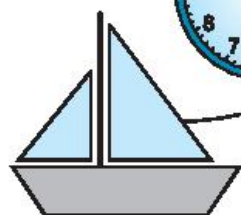
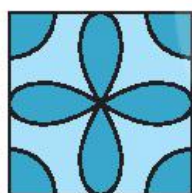


BÀI 7

HÌNH VUÔNG, HÌNH TRÒN, HÌNH TAM GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT

Tiết 1

1 Nối (theo mẫu).



Hình tròn



Hình chữ nhật



Hình tam giác



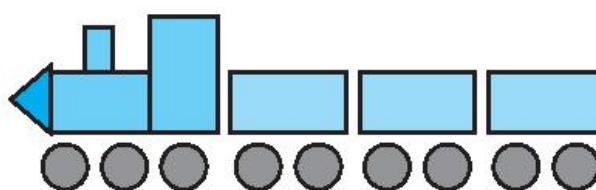
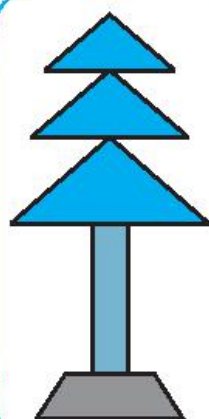
Hình vuông



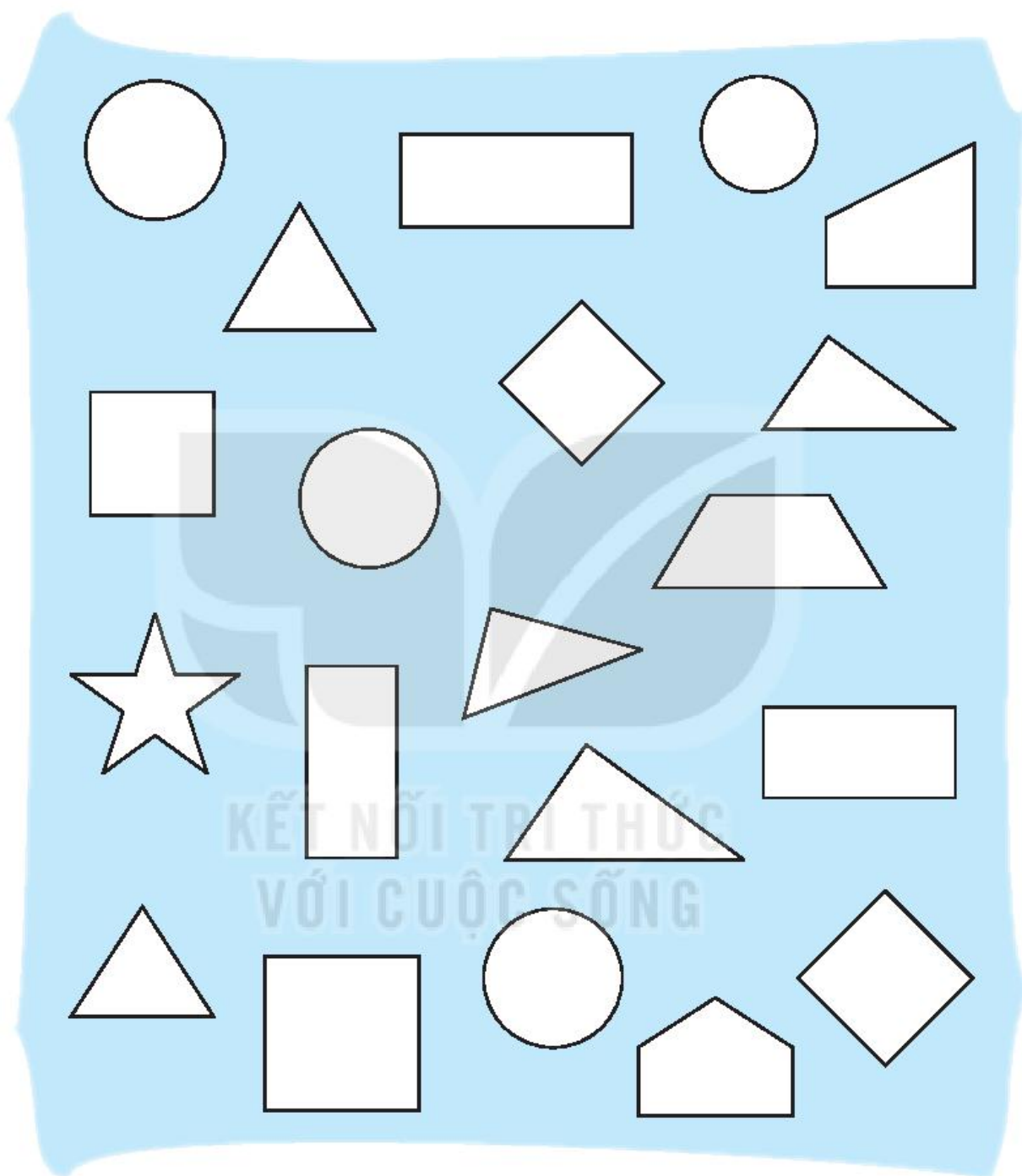
2 Viết số thích hợp vào ô trống.

Trong hình bên có:

- a) hình tròn.
- b) hình tam giác.
- c) hình chữ nhật.



- 3 a) Tô màu đỏ vào hình tròn, màu vàng vào hình vuông, màu xanh vào hình tam giác, màu nâu vào hình chữ nhật.



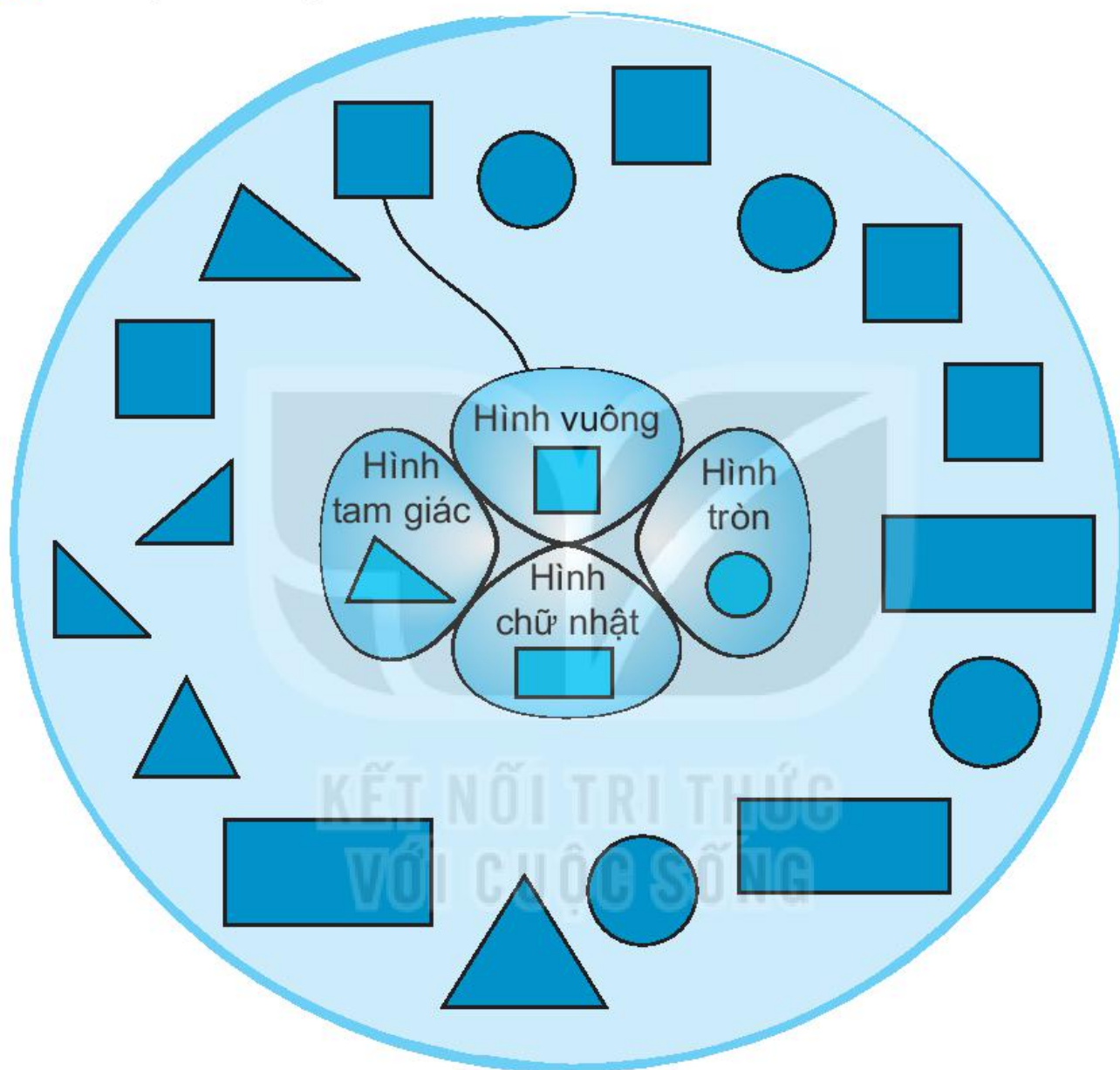
b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong các hình ở câu a:

- Màu có số hình được tô nhiều nhất là màu
- Màu có số hình được tô ít nhất là màu

Tiết 2

1 Nói (theo mẫu).

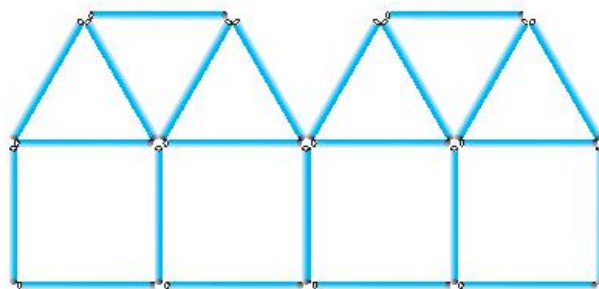


2 Các que tính được xếp thành hình H.

Viết số thích hợp vào ô trống.

Trong hình H có:

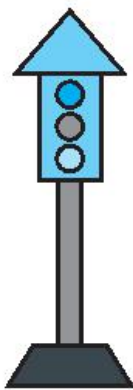
- hình tam giác.
- hình vuông.



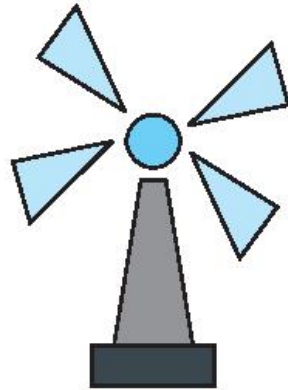
Hình H

3 Em quan sát mỗi bức tranh rồi viết số thích hợp vào bảng.

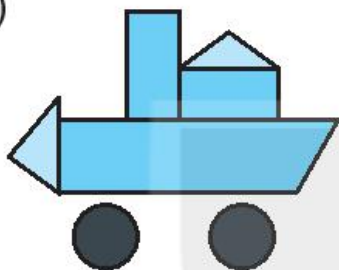
a)



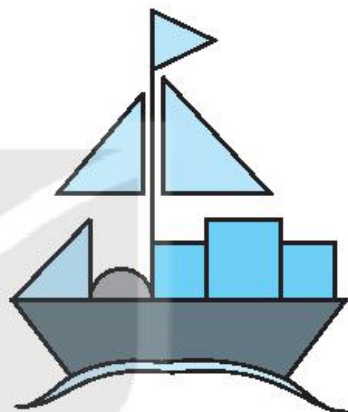
b)



c)

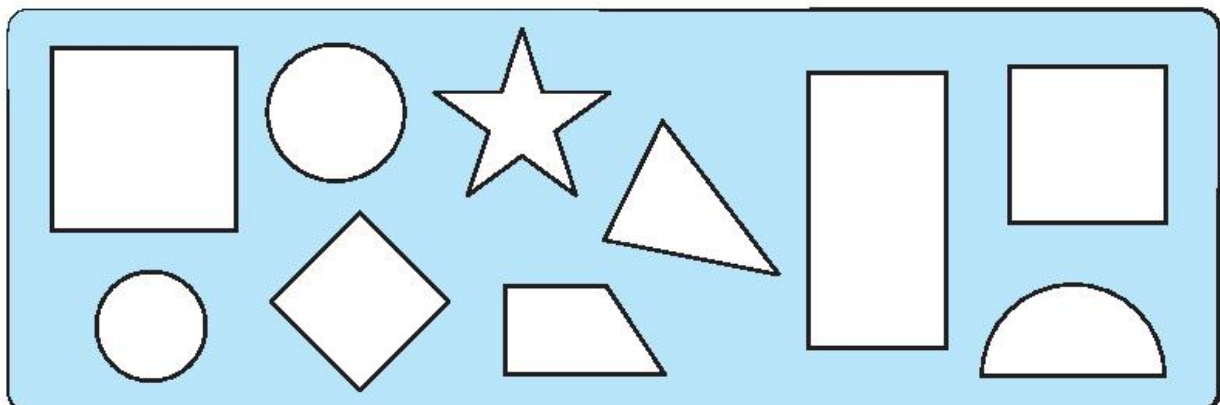


d)



	Hình vuông	Hình tròn	Hình tam giác	Hình chữ nhật
a)				2
b)			4	
c)		2		
d)	3			

4 Tô màu vào các hình không phải là hình vuông.

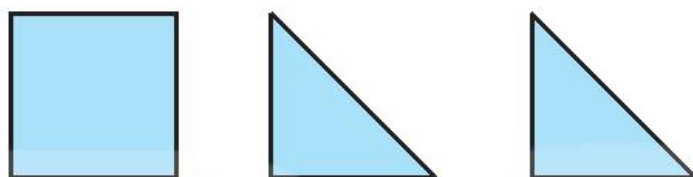


BÀI 8

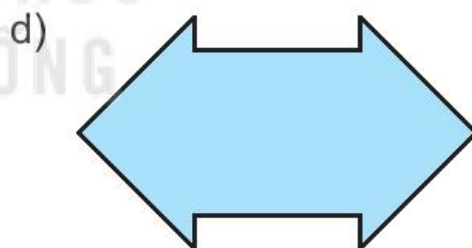
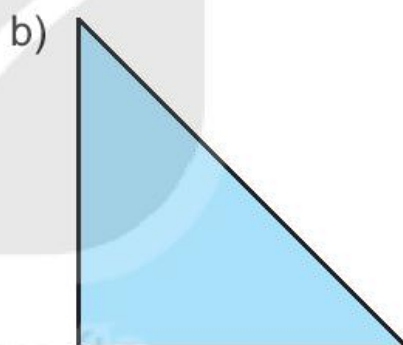
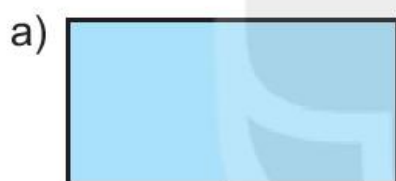
THỰC HÀNH LẮP GHÉP, XẾP HÌNH

Tiết 1

1 ✎ Từ ba miếng bìa dưới đây:

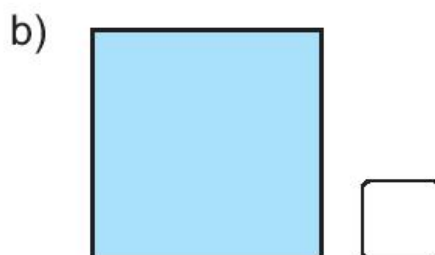
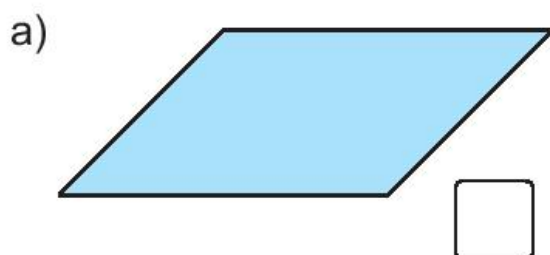


Em hãy ghép thành mỗi hình sau:



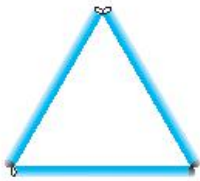
2 ✎ Đúng ghi Đ, sai ghi S.

Từ ba miếng bìa ở bài 1, có thể ghép thành hình sau:

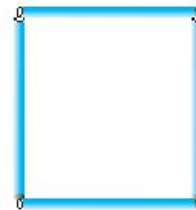


3 Em hãy xếp các que tính thành các hình và số sau:

a) Hình tam giác



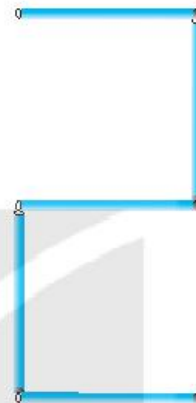
b) Hình vuông



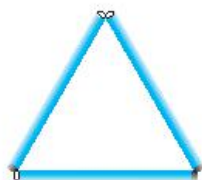
c) Hình chữ nhật



d) Số 2



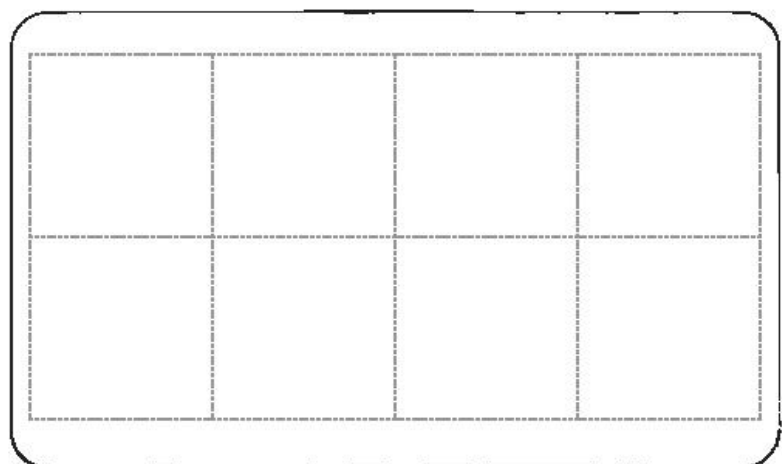
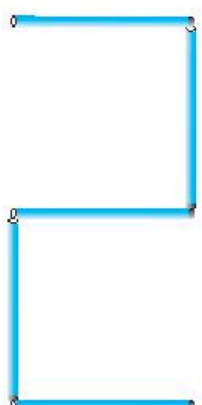
4 a) Em hãy xếp thêm 4 que tính vào hình **A** để được 3 hình tam giác.



Hình **A**

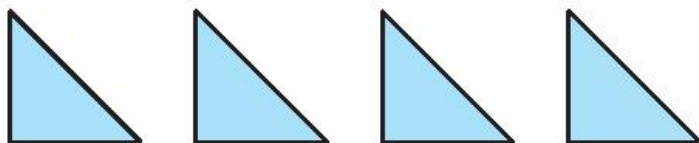


b) Em đổi chỗ 1 que tính ở số 2 để thành số 3.



Tiết 2

1 Từ bốn miếng bìa dưới đây:



Em hãy ghép thành mỗi hình sau:



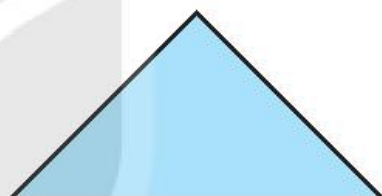
Hình 1



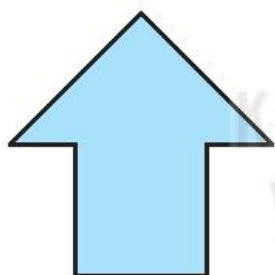
Hình 2



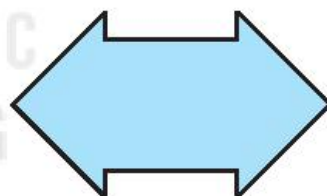
Hình 3



Hình 4



Hình 5

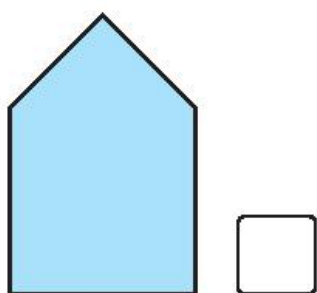


Hình 6

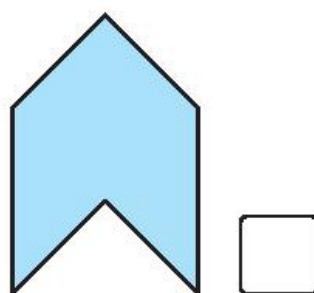
2 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

Từ bốn miếng bìa ở bài 1, có thể ghép thành hình sau:

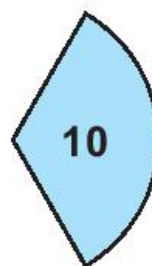
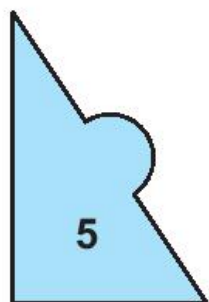
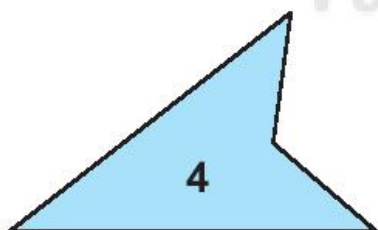
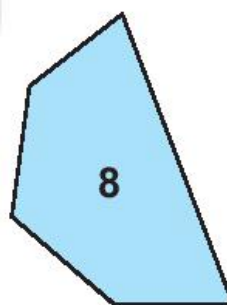
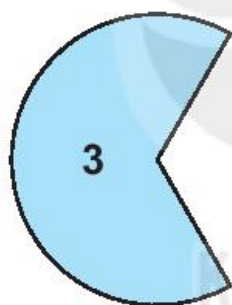
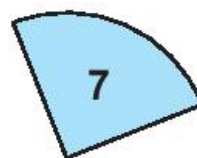
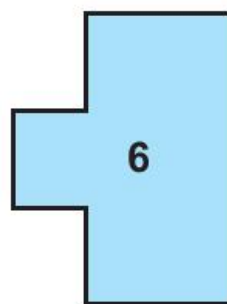
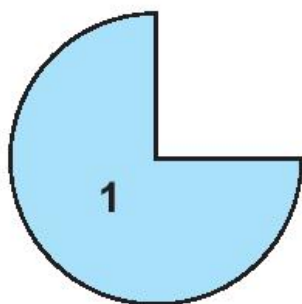
a)



b)



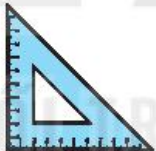
- 3 Em nối hai miếng bìa để ghép được một hình (hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật hoặc hình vuông).



BÀI 9

LUYỆN TẬP CHUNG

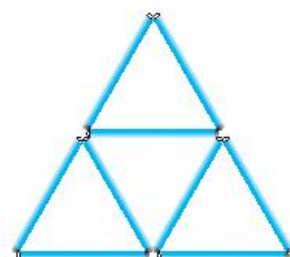
- 1 ✎ Tô màu đỏ vào ☐ dưới đồ vật có dạng hình tam giác, màu vàng vào ☐ dưới đồ vật có dạng hình tròn, màu xanh vào ☐ dưới đồ vật có dạng hình vuông, màu nâu vào ☐ dưới đồ vật có dạng hình chữ nhật.

		
Bánh xe ☐	Bảng lớp ☐	Biển báo giao thông ☐
		
Bìa sách ☐	Thước ê-ke ☐	Viên gạch hoa ☐
		
Chiếc khăn tay ☐	Lá cờ ☐	Đĩa DVD ☐

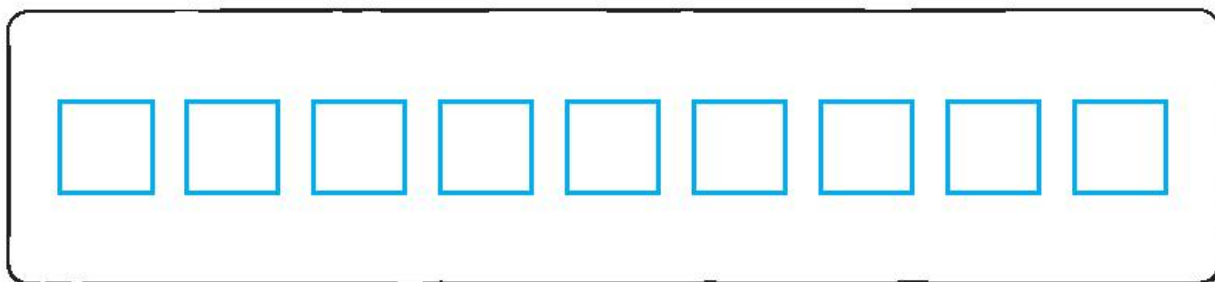
- 2 ✎ a) Em hãy xếp các que tính như hình bên.

b) Số ?

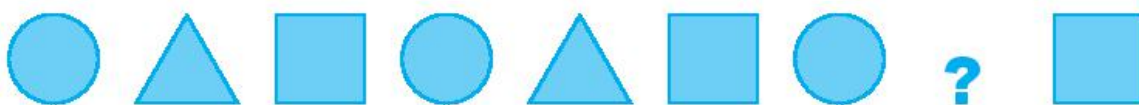
Hình bên có ☐ hình tam giác.



- 3 a) Tô màu đỏ, vàng, xanh rồi lại đỏ, vàng, xanh vào các hình vuông.



- b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Hình thích hợp đặt vào dấu “?” là:



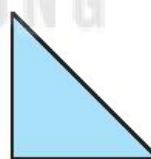
- c) Vẽ hình thích hợp vào chỗ trống dưới dấu “?”.



?

- 4 Số ?

Với các miếng bìa hình tam giác như hình bên:



Bạn Việt ghép thành hình H:



Hình H

Hình H được ghép bởi miếng bìa hình tam giác đã cho.

BÀI 10

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

Tiết 1

1 ✎ Đếm rồi viết số thích hợp vào ô trống.



$1 + 2 = \square$



$2 + 3 = \square$



$4 + 1 = \square$



$2 + 2 = \square$

2 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

a)



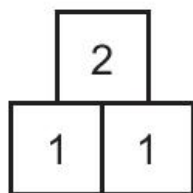
$\square + \square = \square$

b)

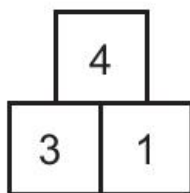


$\square + \square = \square$

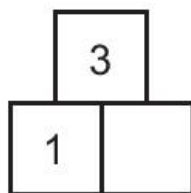
3 ✎ Số ?



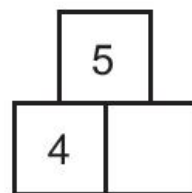
$1 + 1 = 2$



$3 + 1 = \square$



$1 + \square = 3$



$4 + \square = 5$

Tiết 2

1 Số ?

$1 + 1 = \square$

$2 + 1 = \square$

$3 + 1 = \square$

$4 + 1 = \square$

$1 + 2 = \square$

$2 + 2 = \square$

$3 + 2 = \square$

$4 + 2 = \square$

$1 + 3 = \square$

$2 + 3 = \square$

$3 + 3 = \square$

$1 + 4 = \square$

$2 + 4 = \square$

$5 + 1 = \square$

$1 + 5 = \square$

2 Số ?

a) $1 + 2 = \square$

$1 + 3 = \square$

$1 + 4 = \square$

$2 + 1 = \square$

$3 + 1 = \square$

$4 + 1 = \square$

b) $1 + 5 = \square$

$2 + 3 = \square$

$2 + 4 = \square$

$5 + 1 = \square$

$3 + 2 = \square$

$4 + 2 = \square$

3 Viết số thích hợp vào ô trống.

a)



$1 + \square = \square$

b)



$$4 + \square = \square$$

c)



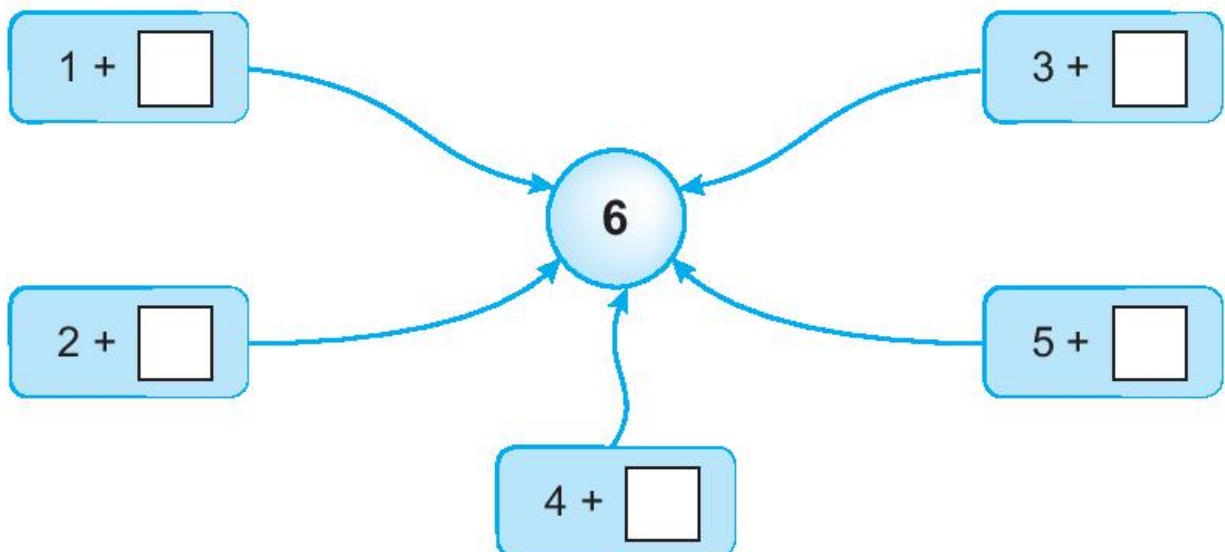
$$\square + 4 = \square$$

d)



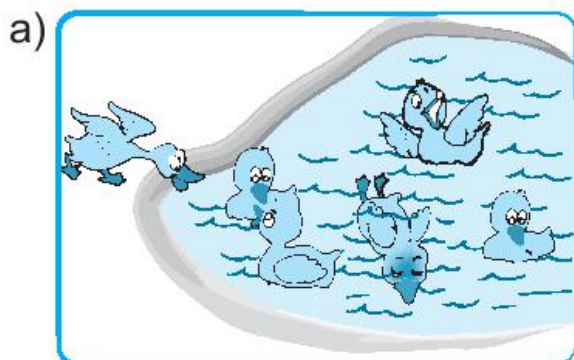
$$\square + 1 = \square$$

4 Số ?

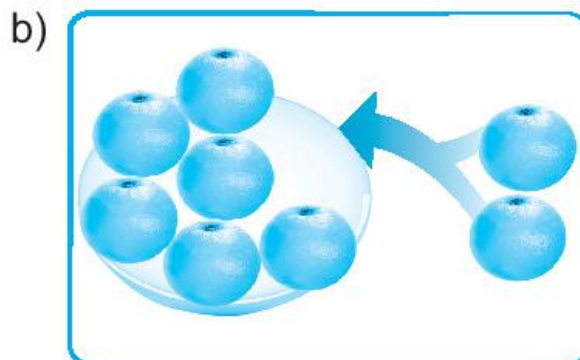


Tiết 3

1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

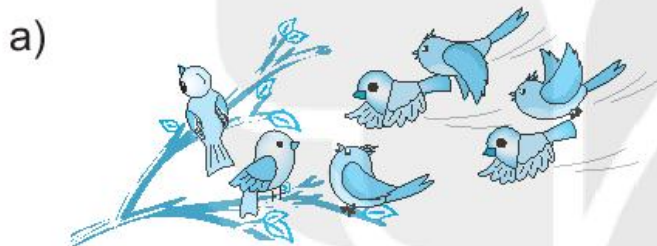


$$5 + 1 = \square$$

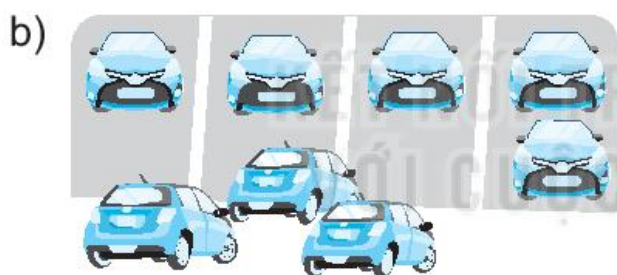


$$6 + 2 = \square$$

2 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

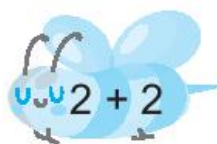


$$\square + \square = \square$$



$$\square + 3 = \square$$

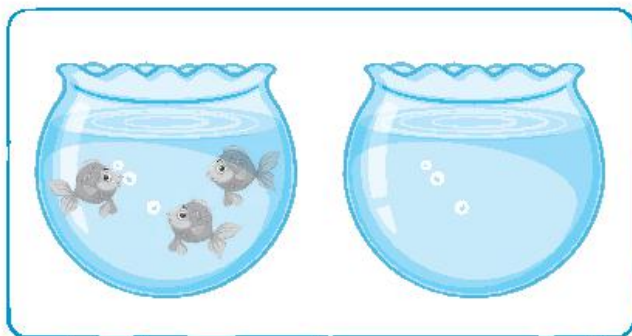
3 ✎ Nói (theo mẫu).



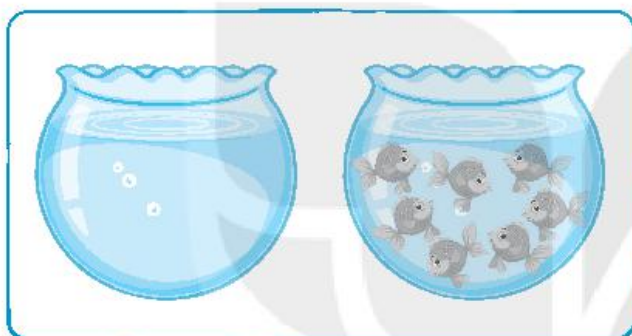
Xuất phát 	$4 + 2 = \square$	$4 + 3 = \square$	$4 + 4 = \square$
$5 + 4 = \square$	$5 + 3 = \square$	$5 + 2 = \square$	$5 + 1 = \square$
$5 + 5 = \square$	$6 + 1 = \square$	$6 + 2 = \square$	$6 + 3 = \square$
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG			
$7 + 3 = \square$	$7 + 2 = \square$	$7 + 1 = \square$	$6 + 4 = \square$
$8 + 1 = \square$	$8 + 2 = \square$	$9 + 1 = \square$	Đích

Tiết 4

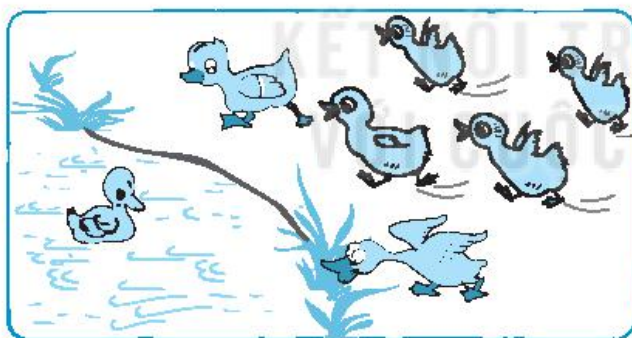
1  Nối (theo mẫu).



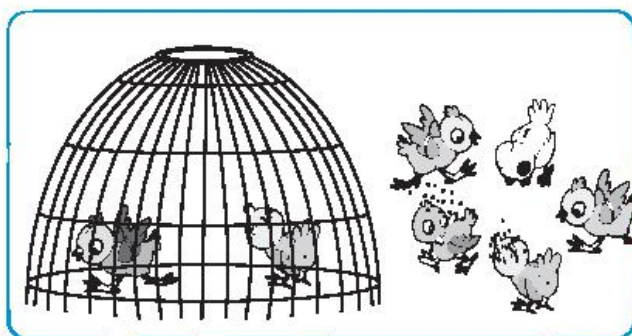
$$0 + 7 = 7$$



$$2 + 5 = 7$$



$$3 + 0 = 3$$



$$1 + 6 = 7$$

2 Số ?

$1 + 2 = \square$

$1 + 3 = \square$

$4 + 1 = \square$

$5 + 1 = \square$

$2 + 1 = \square$

$2 + 2 = \square$

$3 + 2 = \square$

$2 + 4 = \square$

$3 + 0 = \square$

$3 + 1 = \square$

$5 + 0 = \square$

$0 + 6 = \square$

3 Số ?

a)

7	
7	0

$7 + 0 = 7$

6	1

$6 + 1 = \square$

5	2

$5 + 2 = \square$

4	3

$4 + 3 = \square$

b)

3	4

$3 + 4 = \square$

2	5

$2 + 5 = \square$

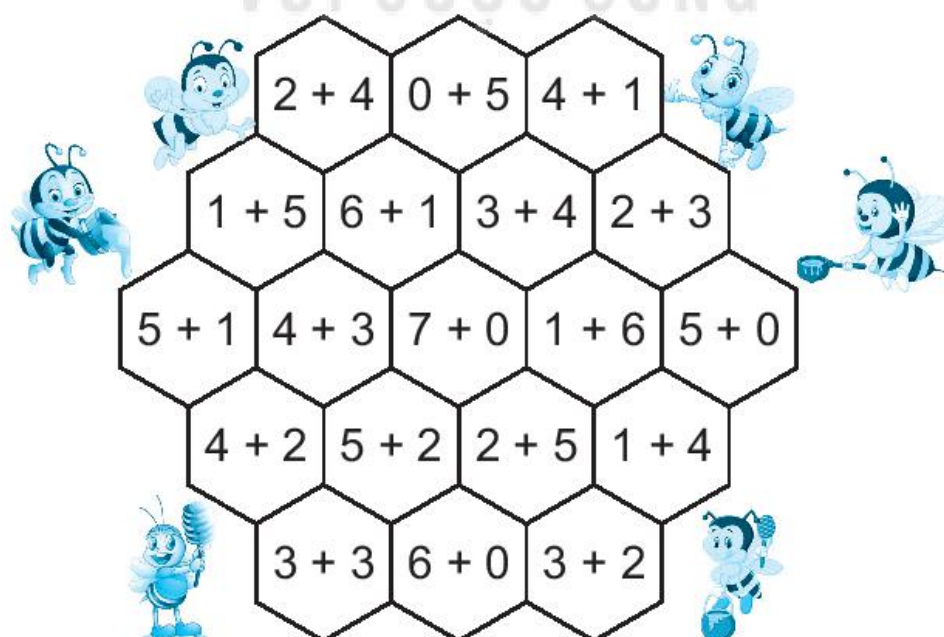
1	6

$1 + 6 = \square$

0	7

$0 + 7 = \square$

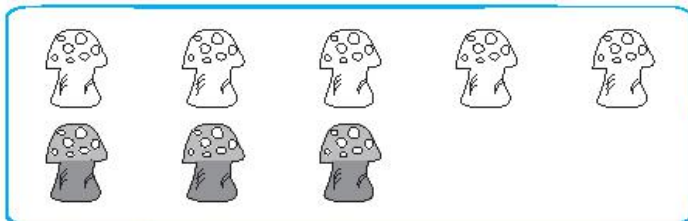
4 Tô màu đỏ vào ô ghi phép tính có kết quả bằng 5, màu vàng vào ô ghi phép tính có kết quả bằng 6, màu nâu vào ô ghi phép tính có kết quả bằng 7.



Tiết 5

1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

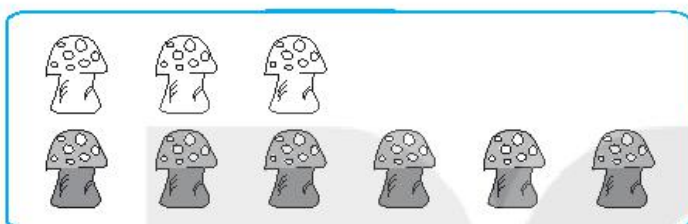
a)



$5 + 3 = \square$

$3 + 5 = \square$

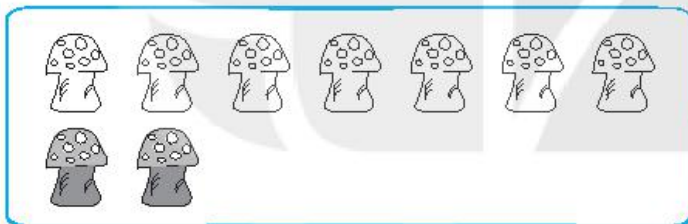
b)



$3 + 6 = \square$

$6 + 3 = \square$

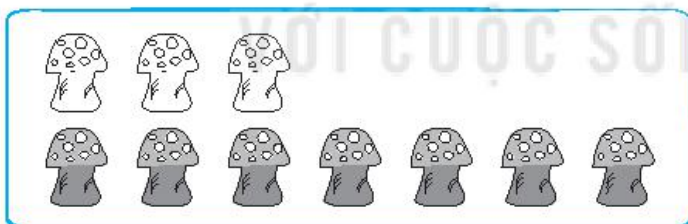
c)



$7 + 2 = \square$

$2 + 7 = \square$

d)



$3 + 7 = \square$

$7 + 3 = \square$

2 ✎ Số ?

a) $6 + 2 = \square$

$5 + 4 = \square$

$3 + 5 = \square$

$7 + 2 = \square$

$2 + 6 = \square$

$4 + 5 = \square$

$5 + 3 = \square$

$2 + 7 = \square$

b) $7 + 1 = \square$

$8 + 1 = \square$

$0 + 8 = \square$

$9 + 0 = \square$

$3 + 6 = \square$

$4 + 4 = \square$

$6 + 3 = \square$

$1 + 7 = \square$

3 ✎ Viết phép cộng thích hợp (theo mẫu).

a)



$$\boxed{4} + \boxed{5} = \boxed{9}$$

b)



$$\boxed{} + \boxed{} = \boxed{}$$

c)



$$\boxed{} + \boxed{} = \boxed{}$$

4 ✎ Số ?

a) $\boxed{2} + 3 \rightarrow \boxed{5}$

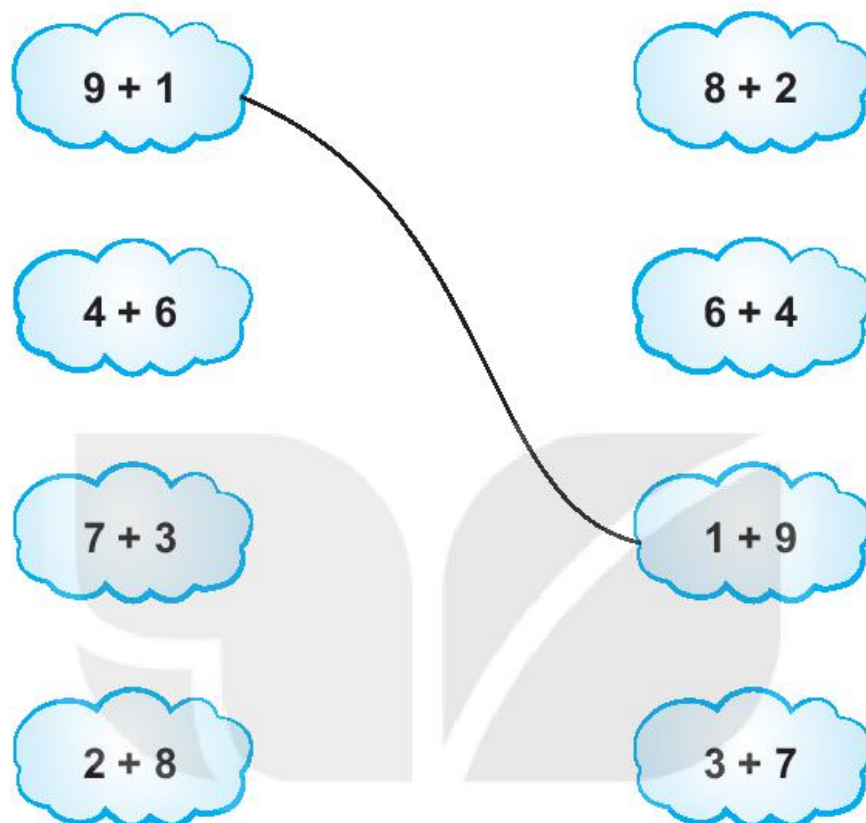
c) $\boxed{3} + 5 \rightarrow \boxed{}$

b) $\boxed{7} + 2 \rightarrow \boxed{}$

d) $\boxed{6} + 4 \rightarrow \boxed{}$

Tiết 6

1 ✎ Nói (theo mẫu).



2 ✎ Số ?

a) $5 + 3 = \square$

$5 + 5 = \square$

$0 + 9 = \square$

b) $\square + 5 = 10$

$7 + \square = 9$

$1 + 8 = \square$

$4 + 4 = \square$

$6 + 4 = \square$

$4 + \square = 8$

$\square + 0 = 6$

3 ✎ a) Số ?

$3 \xrightarrow{+3} \square \xrightarrow{+4} \square$

$2 \xrightarrow{+5} \square \xrightarrow{+2} \square$

b) Tính (theo mẫu).

Mẫu: $4 + 2 + 3 = 6 + 3 = 9$

Nhẩm: $4 + 2 = 6$
 $6 + 3 = 9$

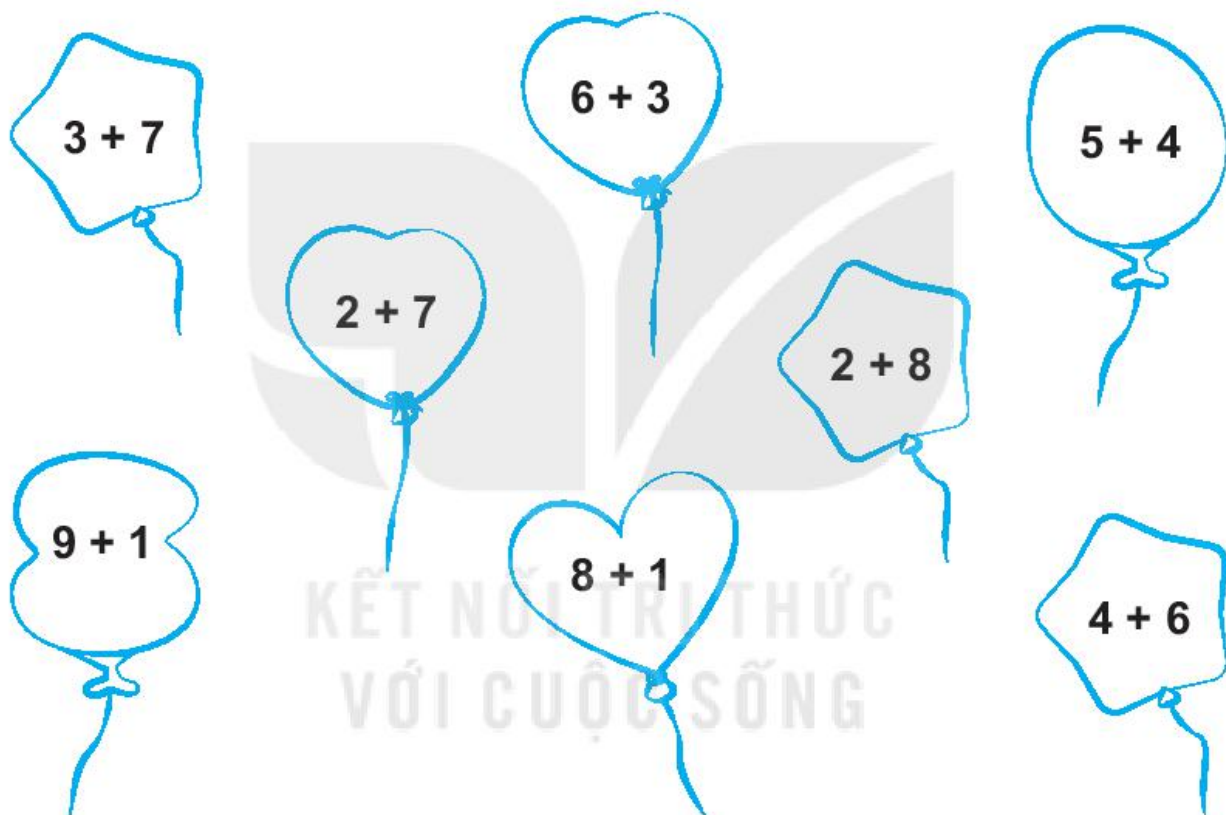
$5 + 4 + 1 = \dots\dots\dots$

$3 + 4 + 1 = \dots\dots\dots$

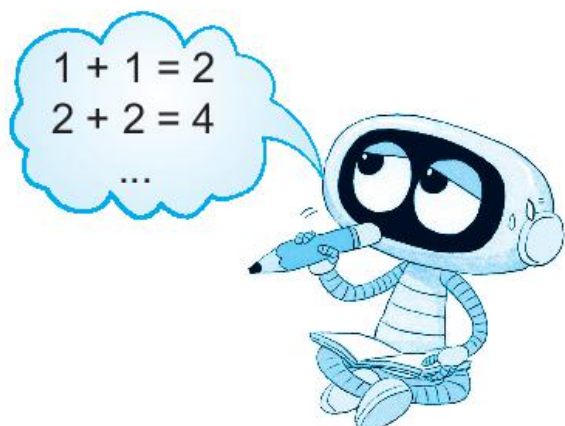
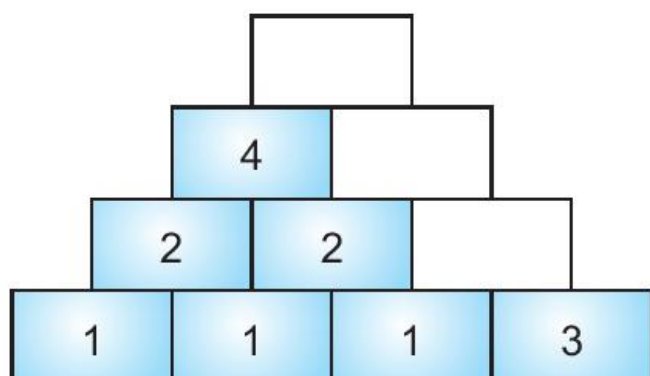
$2 + 5 + 2 = \dots\dots\dots$

$7 + 3 + 0 = \dots\dots\dots$

4 ✎ Tô màu đỏ vào quả bóng ghi phép tính có kết quả bằng 9, màu xanh vào quả bóng ghi phép tính có kết quả bằng 10.



5 ✎ Số ?



BÀI 11

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

Tiết 1

1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

$$\boxed{7} - \boxed{} = \boxed{}$$



2 ✎ Nói (theo mẫu).



$$7 - 3 = 4$$



$$6 - 2 = 4$$



$$9 - 6 = 3$$



$$6 - 4 = 2$$



$$10 - 4 = 6$$



$$8 - 4 = 4$$

3 Số ?

—	5	5	5	5
	1	2	3	4
	4			

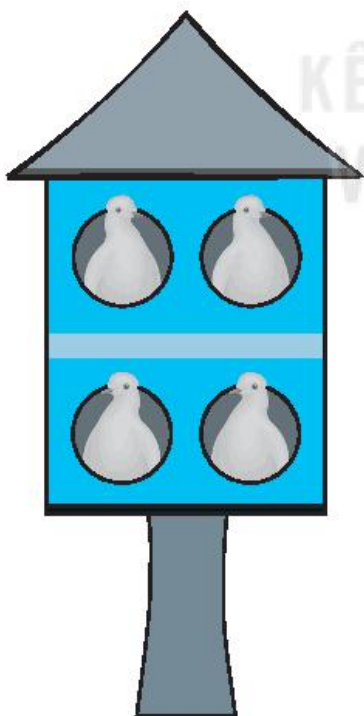
4 Viết số thích hợp vào ô trống.

a) Còn lại mấy quả trứng chưa nở?

$$\boxed{10} - \boxed{} = \boxed{}$$



b) Còn lại mấy con chim trong chuồng?

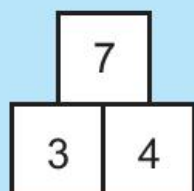


$$\boxed{9} - \boxed{} = \boxed{}$$

Tiết 2

1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

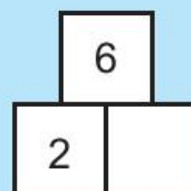
a)



$$7 - 3 = \bigcirc$$

$$7 - 4 = \bigcirc$$

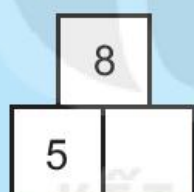
b)



$$6 - 2 = \bigcirc$$

$$6 - 4 = \bigcirc$$

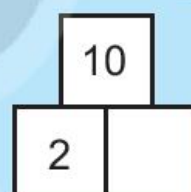
c)



$$8 - 5 = \bigcirc$$

$$8 - 3 = \bigcirc$$

d)



$$10 - \bigcirc = \bigcirc$$

$$10 - \bigcirc = \bigcirc$$

2 ✎ Số ?

-	6	6	6	6	6
	1	2	3	4	5
	5				

3 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

Có mấy gấu bông?

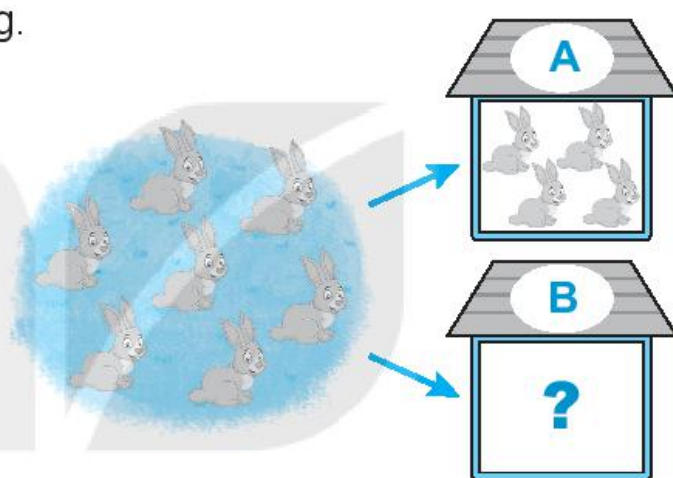
$$\boxed{7} - \boxed{} = \boxed{}$$



4 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

Chuồng **B** có bao nhiêu con thỏ?

$$\boxed{} - \boxed{} = \boxed{}$$



5 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

Cả hai tay cầm mấy lá cờ?

$$\boxed{} + \boxed{} = \boxed{}$$

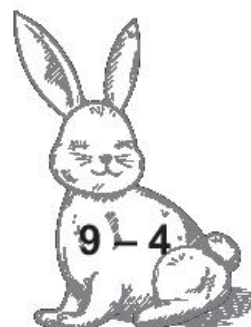
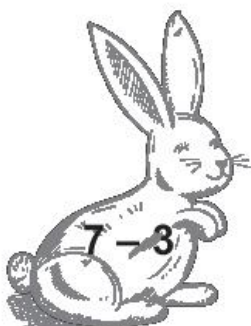
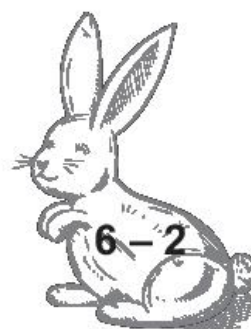


Tiết 3

1  Số ?

      	$7 - 1 = 6$
      	$7 - 2 = \square$
      	$7 - 3 = \square$
      	$7 - 4 = \square$
      	$7 - 5 = \square$
      	$7 - 6 = \square$

2  Tô màu những chú thỏ ghi phép tính có kết quả bé hơn 5.



3 Số ?

—	8	8	8	8	8	8	8
	1	2	3	4	5	6	7
	7						

4 Số ?

$$6 - 3 = \square$$

$$7 - 4 = \square$$

$$8 - 6 = \square$$

$$6 - \square = 2$$

$$7 - \square = 3$$

$$8 - \square = 7$$

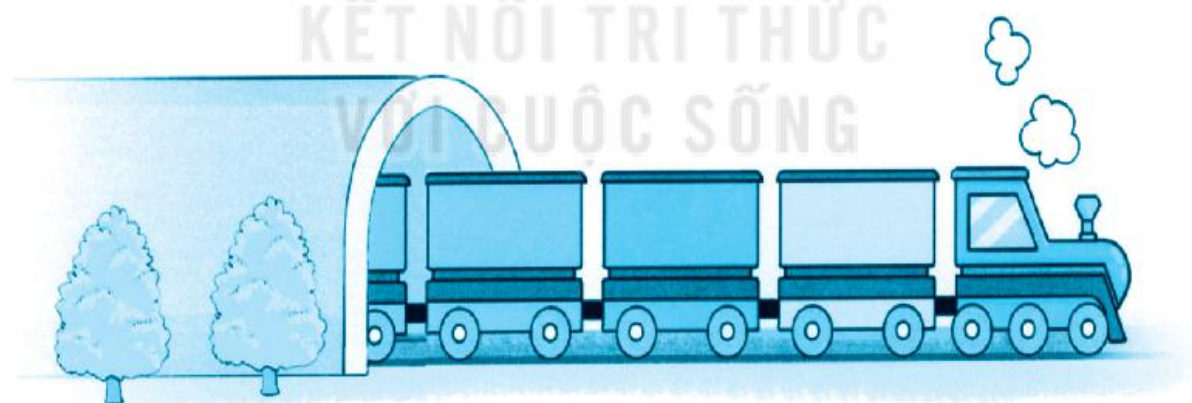
$$\square - 1 = 5$$

$$\square - 6 = 1$$

$$\square - 7 = 1$$

5 Viết số thích hợp vào ô trống.

Đoàn tàu hoả có 10 toa chở hàng đi qua một đường hầm. Biết 3 toa chở hàng đã ra khỏi đường hầm. Hỏi còn mấy toa chở hàng ở trong đường hầm?



$$\square 10 - \square = \square$$

Tiết 4

1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

Trên đĩa có 4 quả táo.



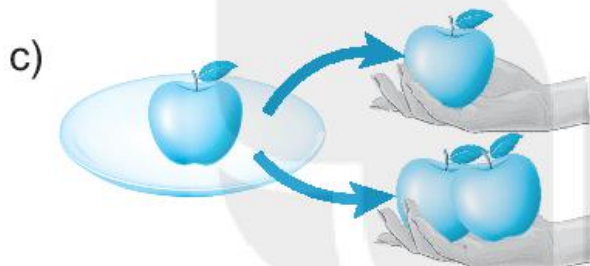
Lấy đi 1 quả, còn mấy quả?

$$4 - 1 = \square$$



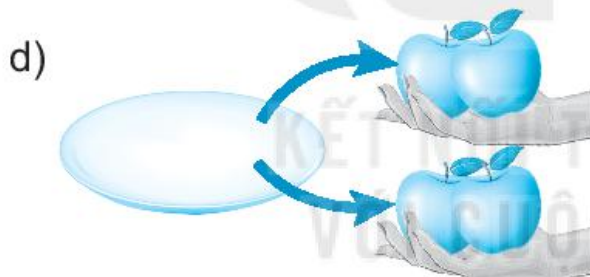
Lấy đi 2 quả, còn mấy quả?

$$4 - \square = \square$$



Lấy đi 3 quả, còn mấy quả?

$$4 - \square = \square$$



Lấy đi 4 quả, còn mấy quả?

$$4 - \square = \square$$



Không lấy đi quả nào, còn mấy quả?

$$4 - 0 = \square$$

2 ✎ Số ?

$$6 + 0 = \square$$

$$0 + 6 = \square$$

$$4 + 0 = \square$$

$$0 + 5 = \square$$

$$6 - 0 = \square$$

$$3 - 0 = \square$$

$$2 - 0 = \square$$

$$7 - 0 = \square$$

$$6 - 6 = \square$$

$$3 - 3 = \square$$

$$2 - 2 = \square$$

$$7 - 7 = \square$$

3 ✎ Nói hai phép tính có cùng kết quả.

$8 - 5$

$6 - 0$

$7 - 3$

$4 - 4$

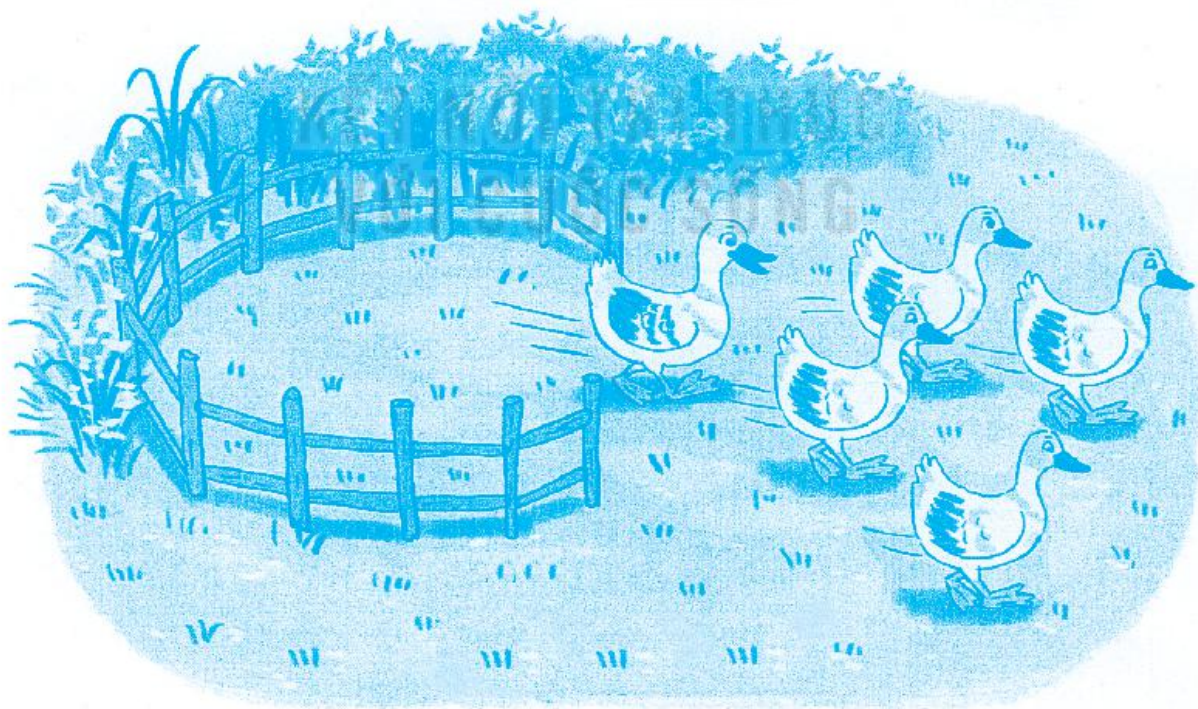
$5 - 1$

$10 - 4$

$5 - 5$

$3 - 0$

4 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.



5

-

=

Tiết 5

1 a) Số ?

$3 - 0 = \square$

$3 - 1 = \square$

$3 - 2 = \square$

$3 - 3 = \square$

$4 - 0 = \square$

$4 - 1 = \square$

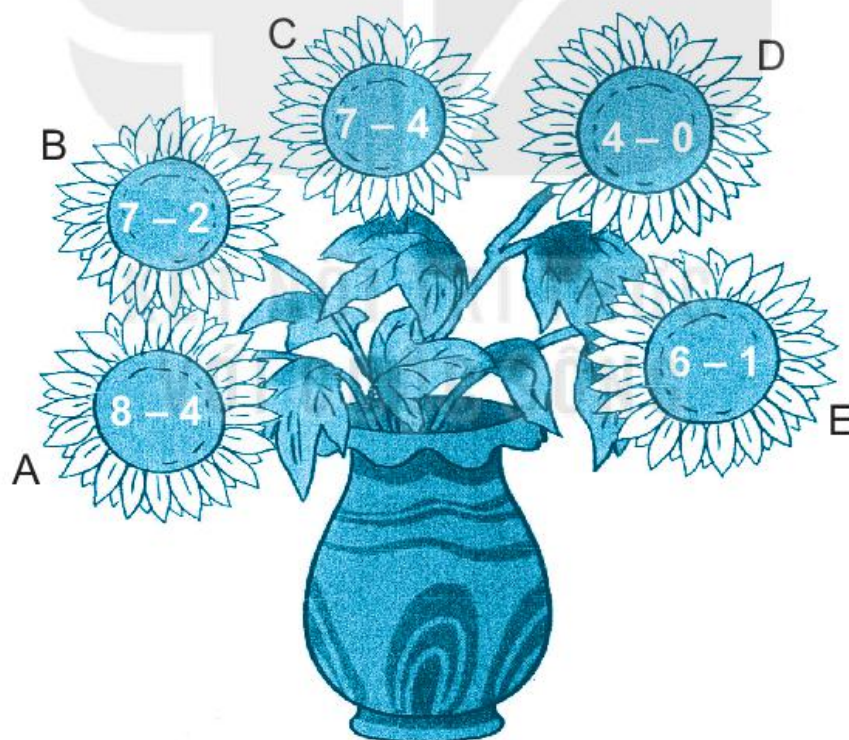
$4 - 2 = \square$

$4 - 3 = \square$

b) Số ?

–	10	10	10	10	10	10	10	10	10
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	9								

2 Viết tiếp vào chỗ chấm.



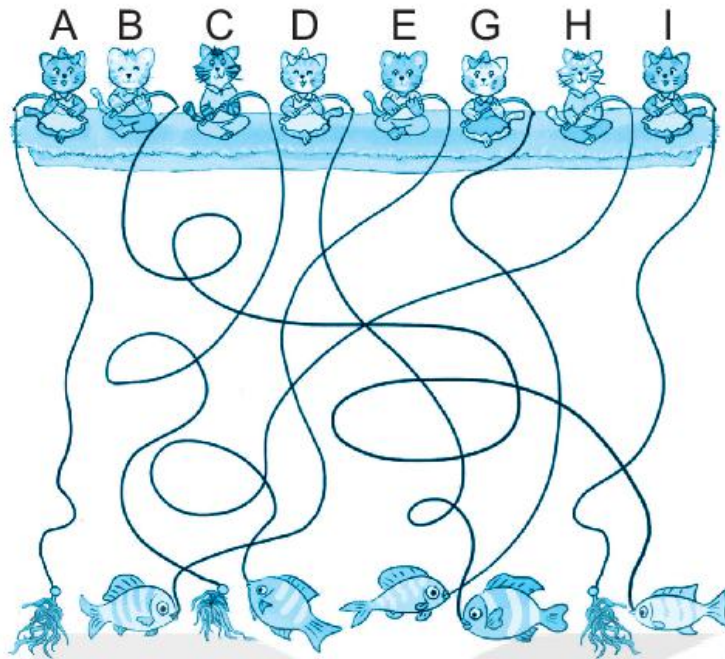
a) Bông hoa ghi phép tính có kết quả bé nhất là bông hoa

b) Các bông hoa ghi phép tính có cùng kết quả là:

– Bông hoa và bông hoa

– Bông hoa và bông hoa

3



a) Viết tiếp vào chỗ chấm.

Những chú mèo có cá cần câu là:

b) Số ? $8 - \square = 3$; $8 - \square = 5$.

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Có 10 con gà gồm cả gà mẹ và gà con. Có 7 gà con đang chơi ở ngoài.

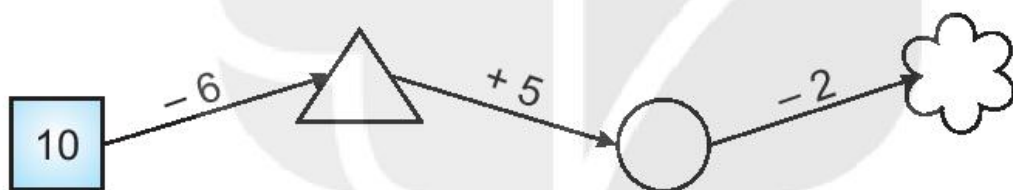
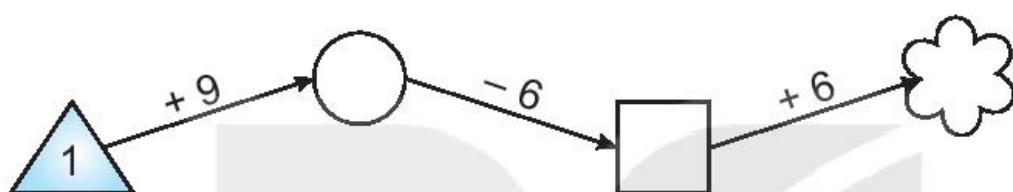
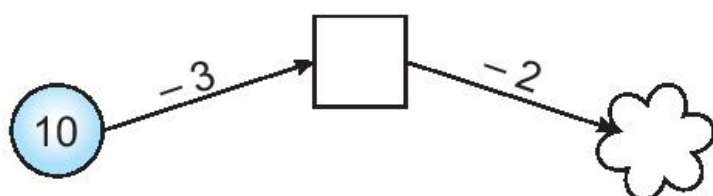
Hỏi có mấy gà con đang ở trong cánh gà mẹ?

A. 7 gà con B. 3 gà con C. 2 gà con



Tiết 6

1 Số ?



2 Số ?

$$7 - 5 - 1 = \square$$

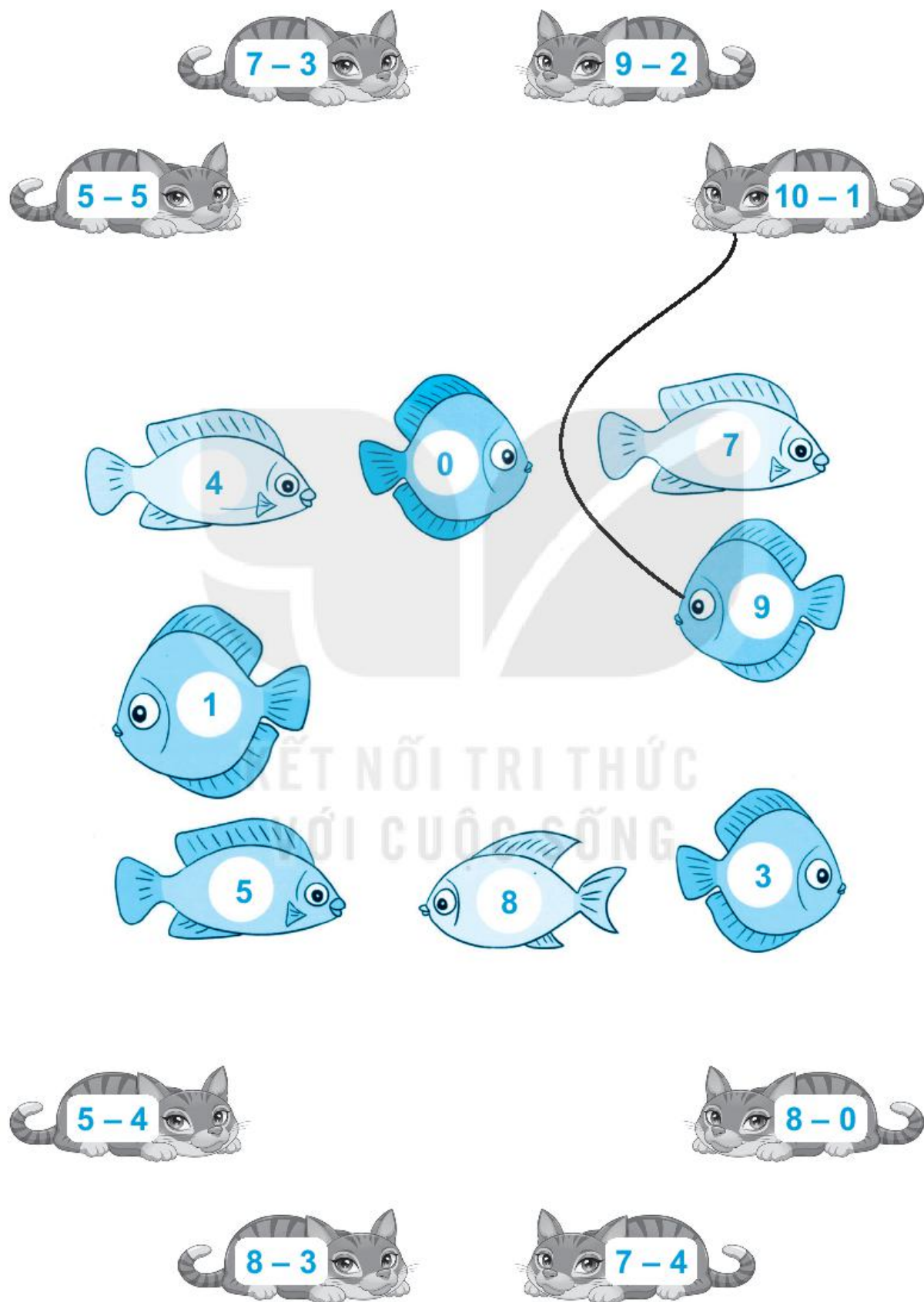
$$10 - 6 - 2 = \square$$

3 Viết số thích hợp vào ô trống.

Trên ô tô có 10 bạn, đến bến đỗ đầu tiên có 3 bạn xuống xe, đến bến đỗ thứ hai có 6 bạn xuống xe. Hỏi lúc này, còn mấy bạn ở trên ô tô?

$$\square - \square - \square = \square$$

4 Nói (theo mẫu).



BÀI 12

BẢNG CỘNG, BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10

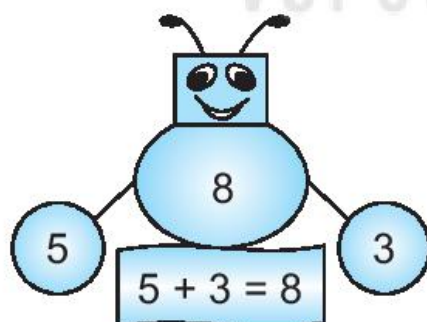
Tiết 1

1 SỐ ?

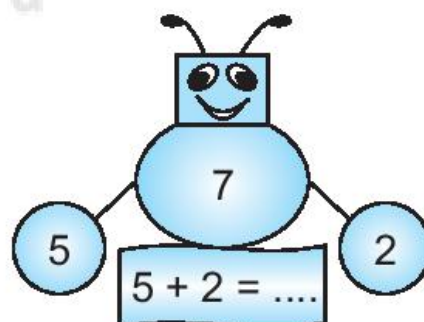
 	$5 + 1 = \square$
 	$4 + 2 = \square$
 	$3 + 3 = \square$
 	$2 + 4 = \square$
 	$1 + 5 = \square$

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu).

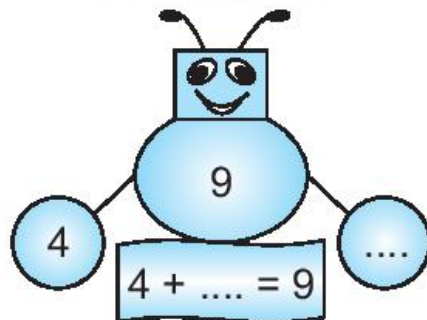
a)



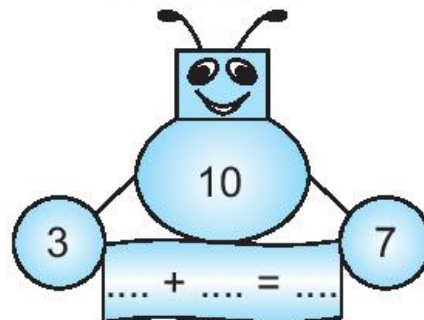
b)



c)



d)



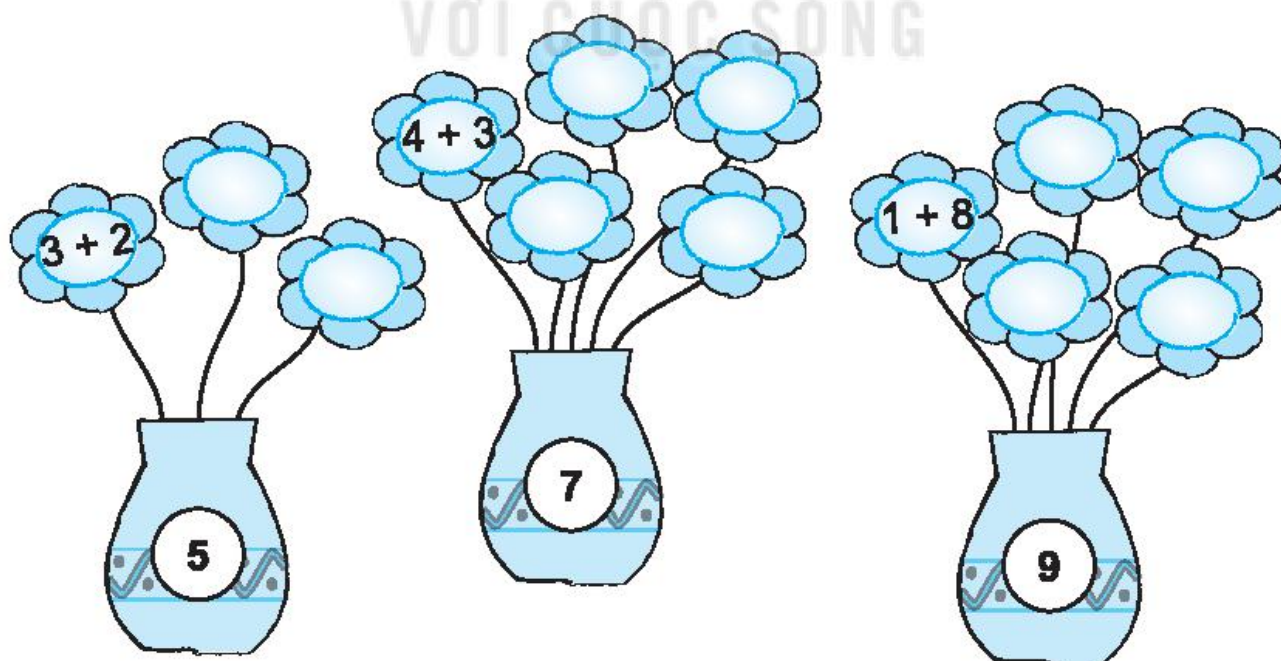
3 a) Số ?

$3 + 1 = \square$	$4 + 1 = \square$	$5 + 1 = \square$	$6 + 1 = \square$	$7 + 1 = \square$
$3 + 2 = \square$	$4 + 2 = \square$	$5 + 2 = \square$	$6 + 2 = \square$	$7 + 2 = \square$
$3 + 3 = \square$	$4 + 3 = \square$	$5 + 3 = \square$	$6 + 3 = \square$	$7 + 3 = \square$
$3 + 4 = \square$	$4 + 4 = \square$	$5 + 4 = \square$	$6 + 4 = \square$	
$3 + 5 = \square$	$4 + 5 = \square$	$5 + 5 = \square$		
$3 + 6 = \square$	$4 + 6 = \square$			
$3 + 7 = \square$				



b) Trong bảng trên, tô màu đỏ vào các phép tính có kết quả bằng 10, màu vàng vào các phép tính có kết quả bằng 8, màu xanh vào các phép tính có kết quả bằng 6.

4 Viết phép cộng (theo mẫu).

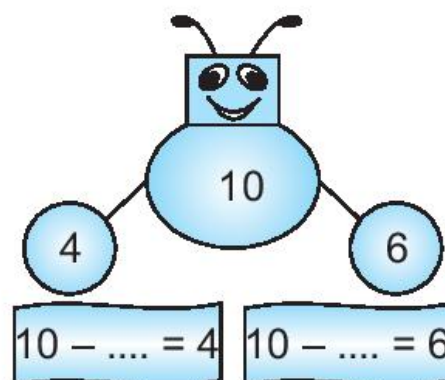
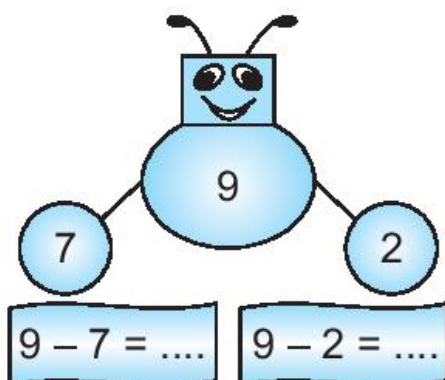
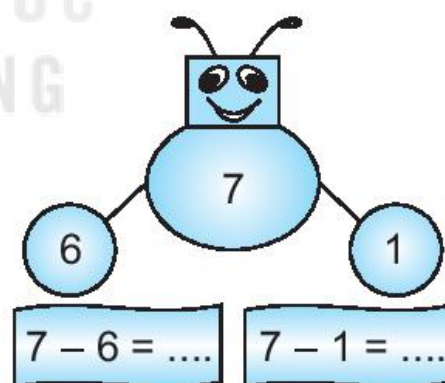
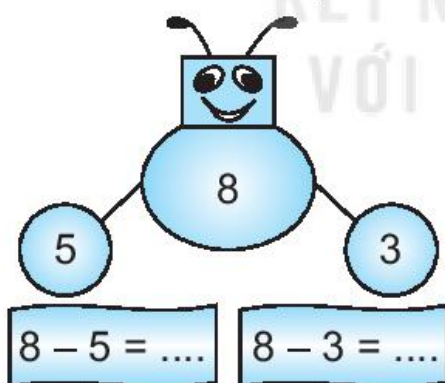


Tiết 2

1 Số ?

	$9 - 1 = \square$
	$9 - 2 = \square$
	$9 - 3 = \square$
	$9 - 4 = \square$
	$9 - 5 = \square$
	$9 - 6 = \square$
	$9 - 7 = \square$
	$9 - 8 = \square$

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



3 a) Số ?

$8 - 1 = \square$	$7 - 1 = \square$	$6 - 1 = \square$	$5 - 1 = \square$	$4 - 1 = \square$
$8 - 2 = \square$	$7 - 2 = \square$	$6 - 2 = \square$	$5 - 2 = \square$	$4 - 2 = \square$
$8 - 3 = \square$	$7 - 3 = \square$	$6 - 3 = \square$	$5 - 3 = \square$	$4 - 3 = \square$
$8 - 4 = \square$	$7 - 4 = \square$	$6 - 4 = \square$	$5 - 4 = \square$	
$8 - 5 = \square$	$7 - 5 = \square$	$6 - 5 = \square$		
$8 - 6 = \square$	$7 - 6 = \square$			
$8 - 7 = \square$				



b) Trong bảng trên, tô màu đỏ vào các phép tính có kết quả bằng 5, màu vàng vào các phép tính có kết quả bằng 3, màu xanh vào các phép tính có kết quả bằng 1.

4 Nối (theo mẫu).



Tiết 3

1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

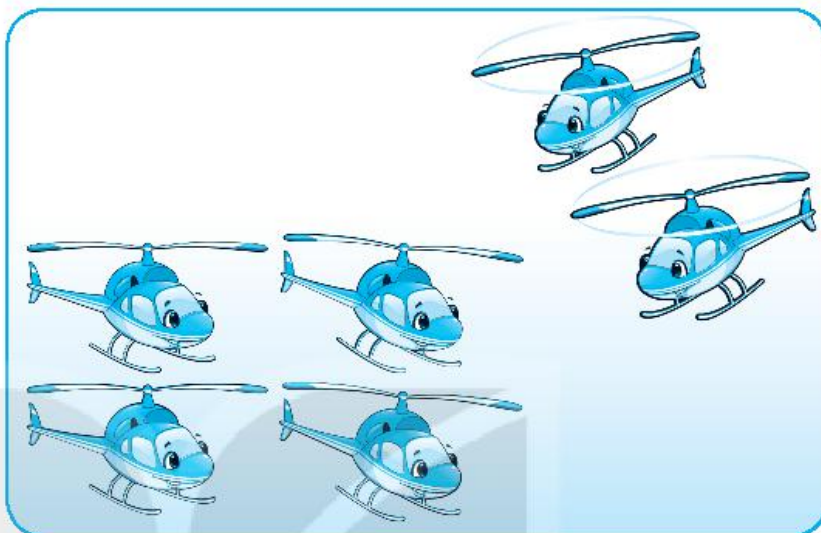
a)

$$4 + \square = \square$$

$$\square + 4 = \square$$

$$6 - \square = \square$$

$$6 - \square = \square$$



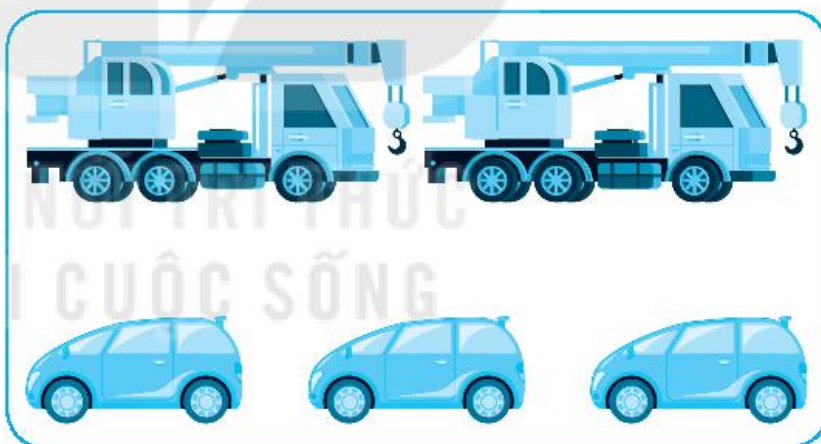
b)

$$\square + \square = \square$$

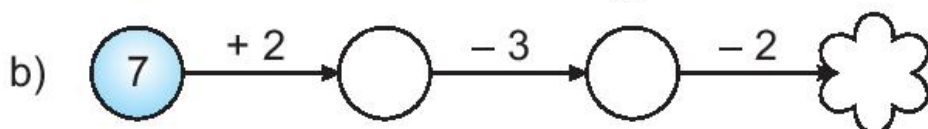
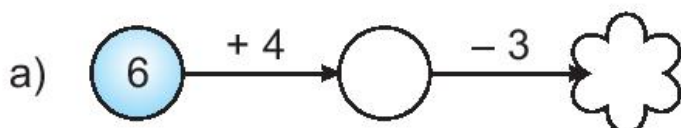
$$\square + \square = \square$$

$$\square - \square = \square$$

$$\square - \square = \square$$



2 ✎ Số ?

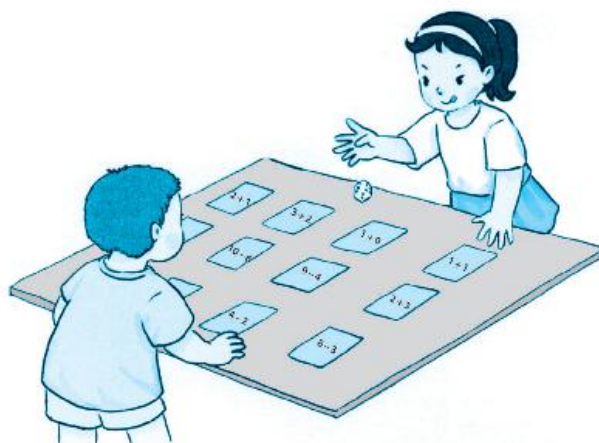
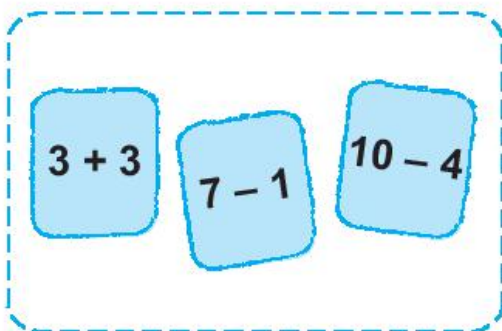
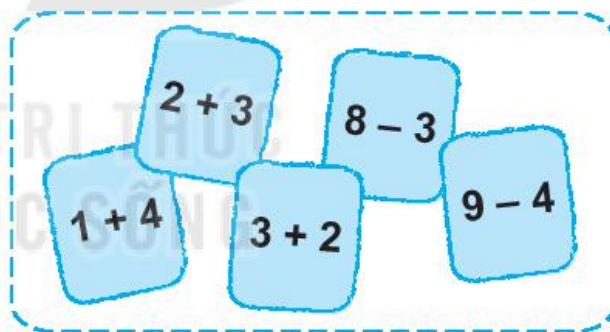
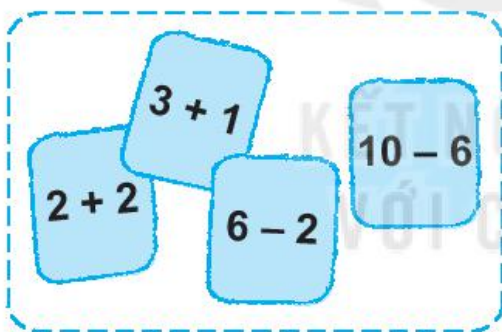
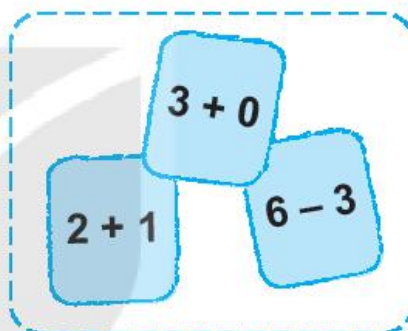
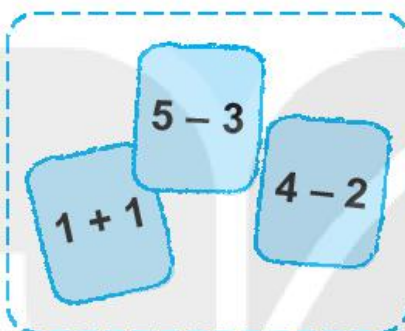
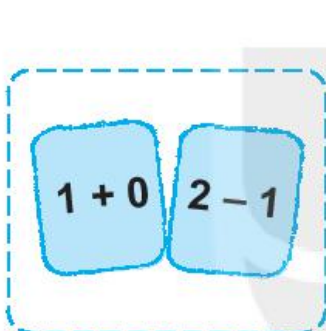


3 Trò chơi

Chọn tấm thẻ nào?

Cách chơi:

Em tự chơi. Lần lượt gieo xúc xắc. Chọn tấm thẻ ghi phép tính có kết quả bằng số chấm nhận được ở mặt trên xúc xắc. Trò chơi kết thúc khi em chọn được 10 tấm thẻ.



BÀI 13

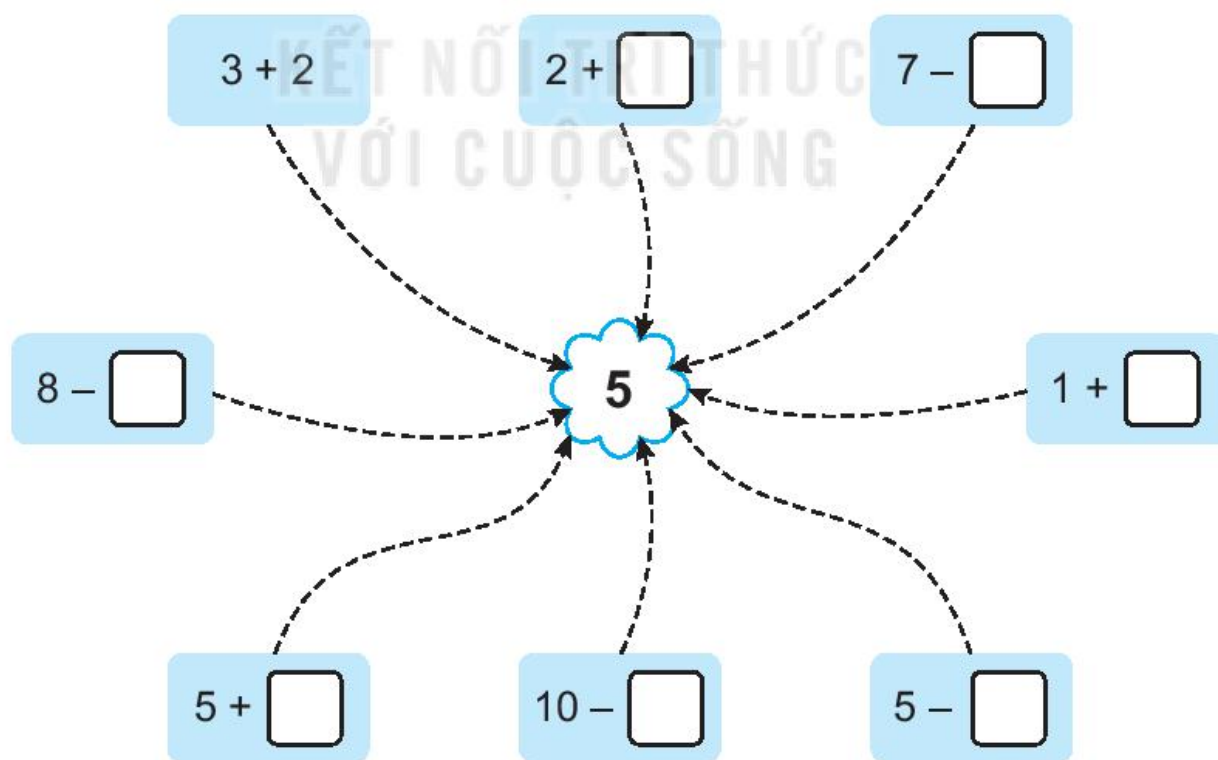
LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1  Số ?

a) $5 + 2 = \square$	$3 + 5 = \square$	$1 + 9 = \square$	$6 + 0 = \square$
$2 + 5 = \square$	$5 + \square = 8$	$\square + 1 = 10$	$0 + 6 = \square$
b) $4 + 2 = \square$	$5 + 2 = \square$	$4 + 6 = \square$	$5 + 4 = \square$
$6 - 4 = \square$	$7 - 5 = \square$	$10 - 4 = \square$	$9 - 5 = \square$
$6 - 2 = \square$	$7 - 2 = \square$	$10 - 6 = \square$	$9 - 4 = \square$

2  Số ?



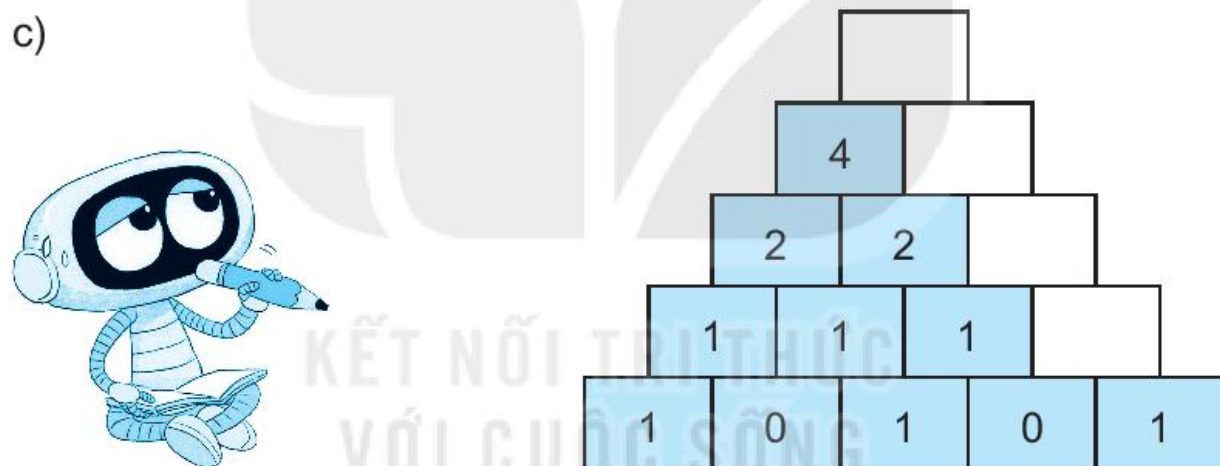
3 SỐ ?

a)

+	2	3	4	1	7	2	8
	5	5	5	6	3	7	0
	7						

b)

-	6	8	9	10	5	7	4
	1	2	3	4	2	4	0
	5						



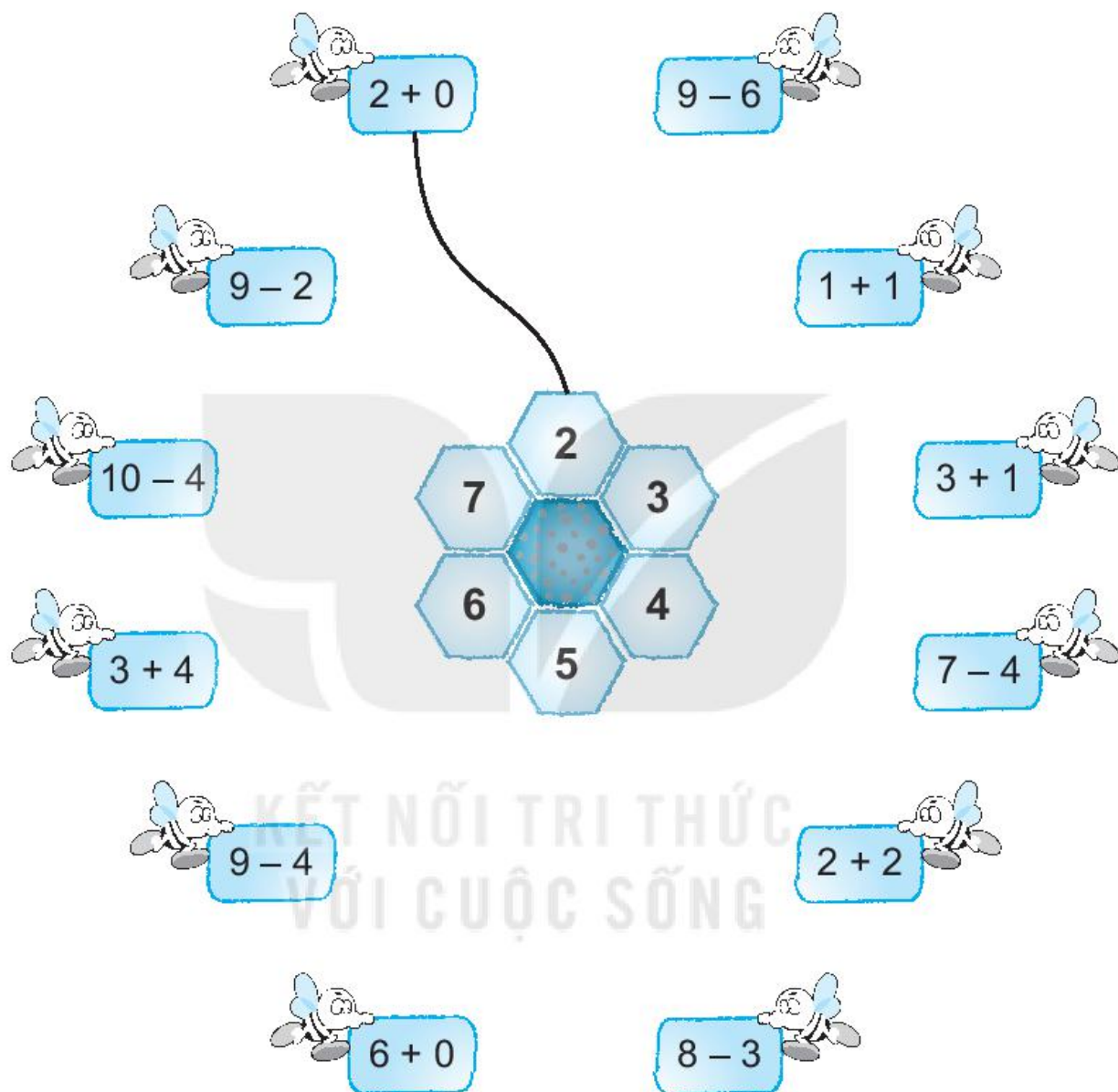
4 Viết phép tính thích hợp.



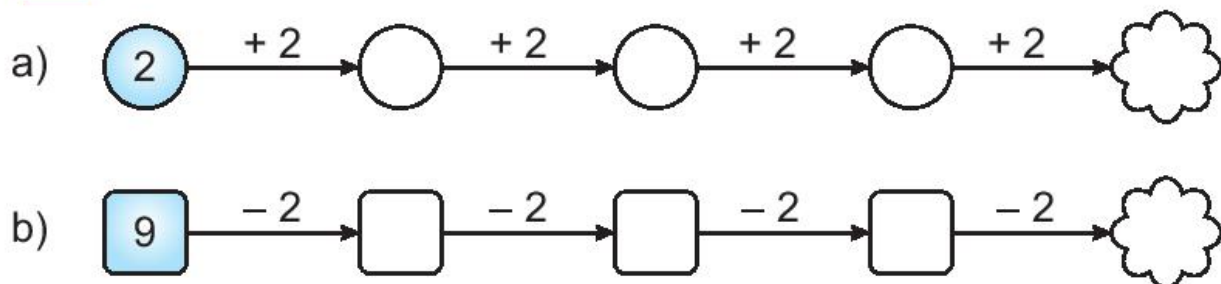
--	--	--	--	--

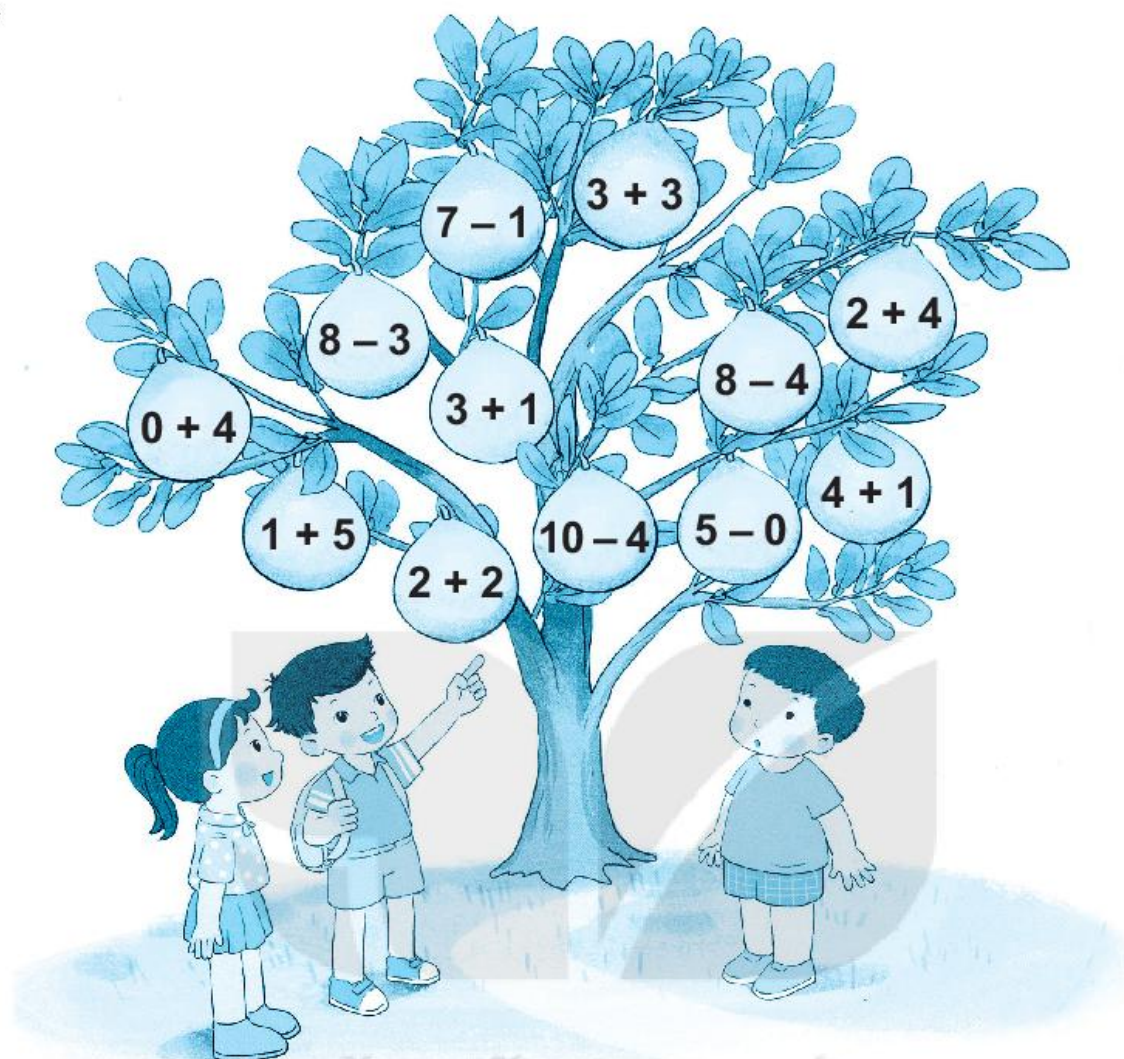
Tiết 2

1 Nói (theo mẫu).



2 Số ?





Bạn Việt hái được các quả bưởi ghi phép tính có kết quả bằng 5. Bạn Mai hái được các quả bưởi ghi phép tính có kết quả bằng 6. Bạn Nam hái được các quả bưởi ghi phép tính có kết quả bằng 4.

a) Viết số quả bưởi mỗi bạn hái được vào ô trống.

Tên	Việt	Mai	Nam
Số quả bưởi			

b) Viết tiếp vào chỗ chấm.

Bạn hái được nhiều bưởi nhất.

Bạn hái được ít bưởi nhất.

Tiết 3

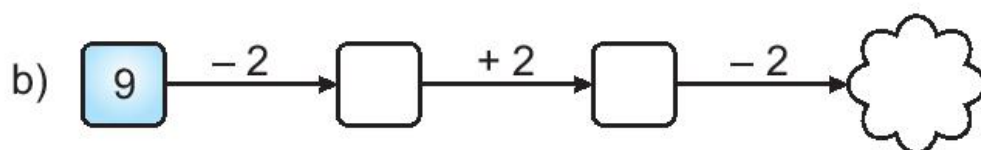
1 Số ?

a) $\square + 5 = 8$

$6 - \square = 2$

$6 + \square = 10$

$\square - 3 = 3$



2 >, <, = ?

a) $8 \square 6 + 1$

b) $3 + 4 \square 4 + 3$

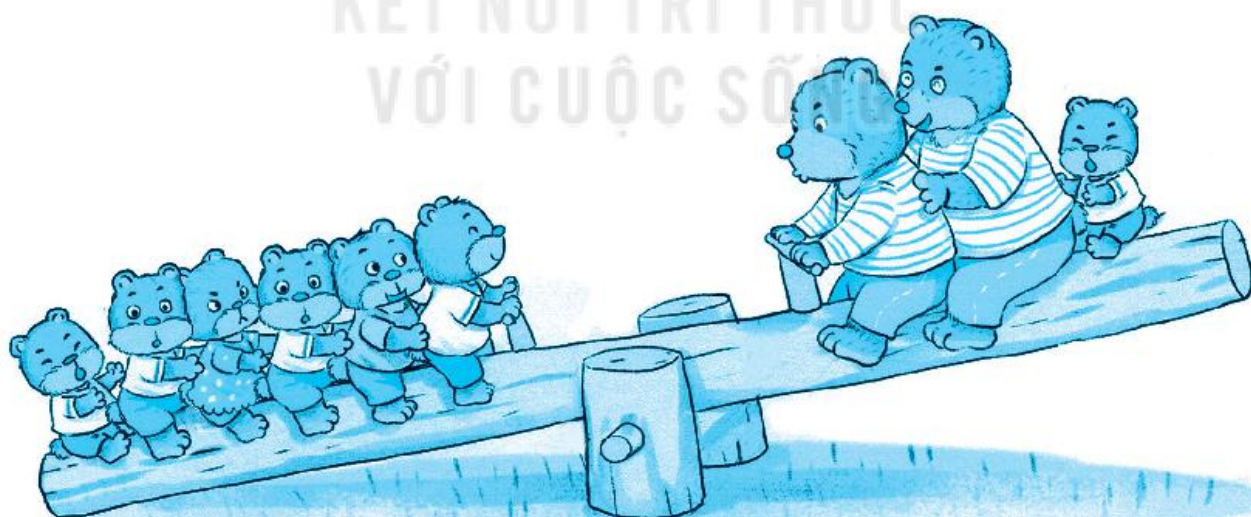
$7 \square 10 - 3$

$7 + 2 \square 7 + 1$

$9 \square 9 + 1$

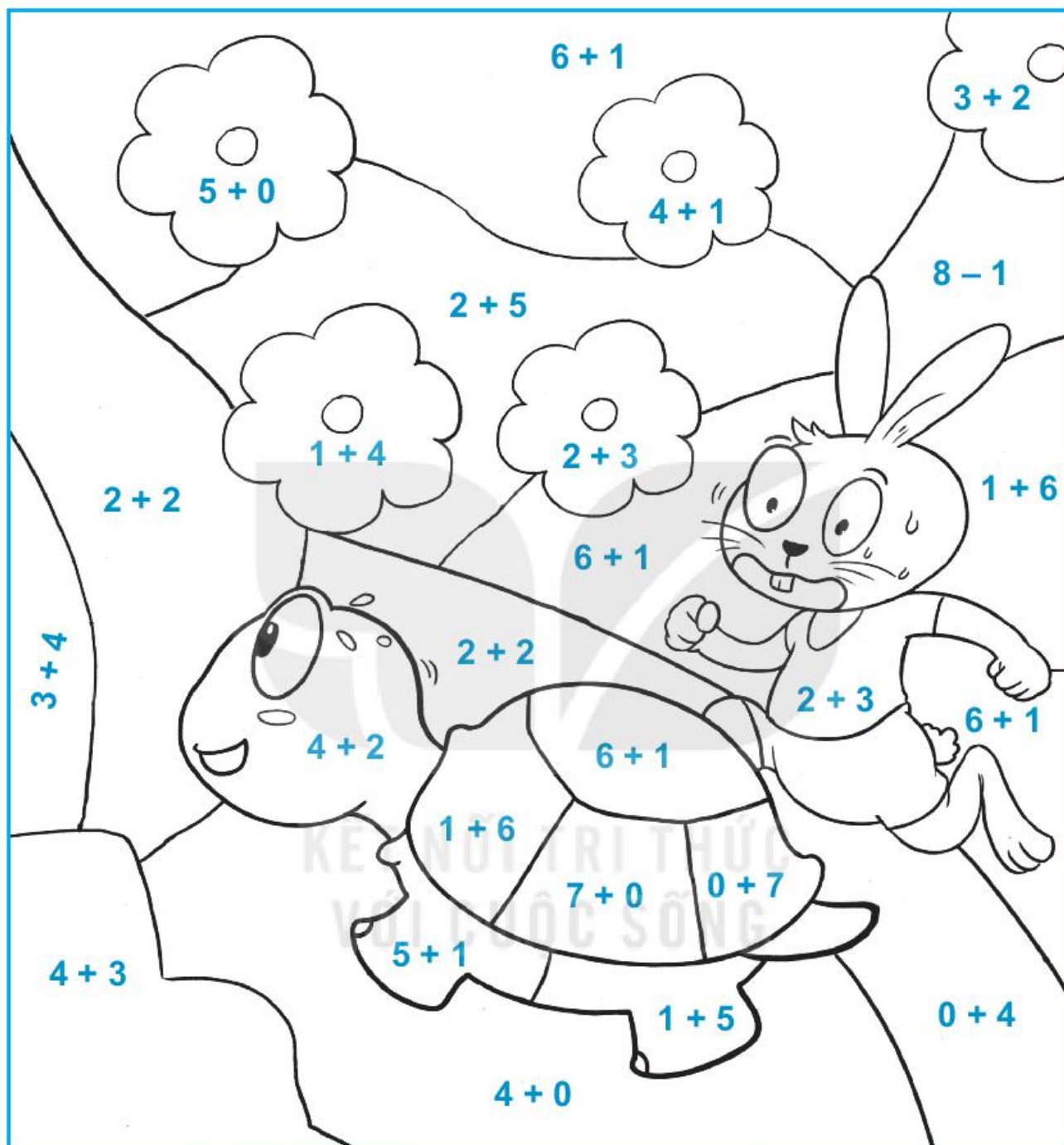
$10 - 2 \square 10 - 3$

3 Viết phép tính thích hợp.



$\square \square \square \square \square$

4 Tô màu.



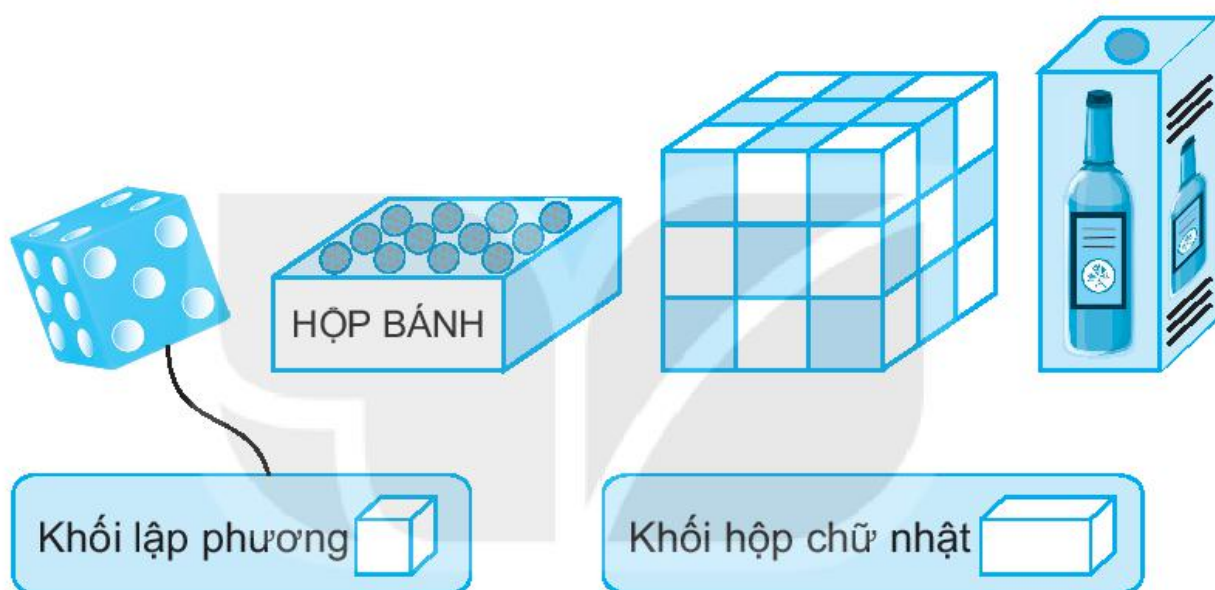
- Tô màu đỏ vào vùng chứa phép tính có kết quả bằng 5.
- Tô màu vàng vào vùng chứa phép tính có kết quả bằng 6.
- Tô màu xanh vào vùng chứa phép tính có kết quả bằng 7.
- Tô màu nâu vào vùng chứa phép tính có kết quả bằng 4.

BÀI 14

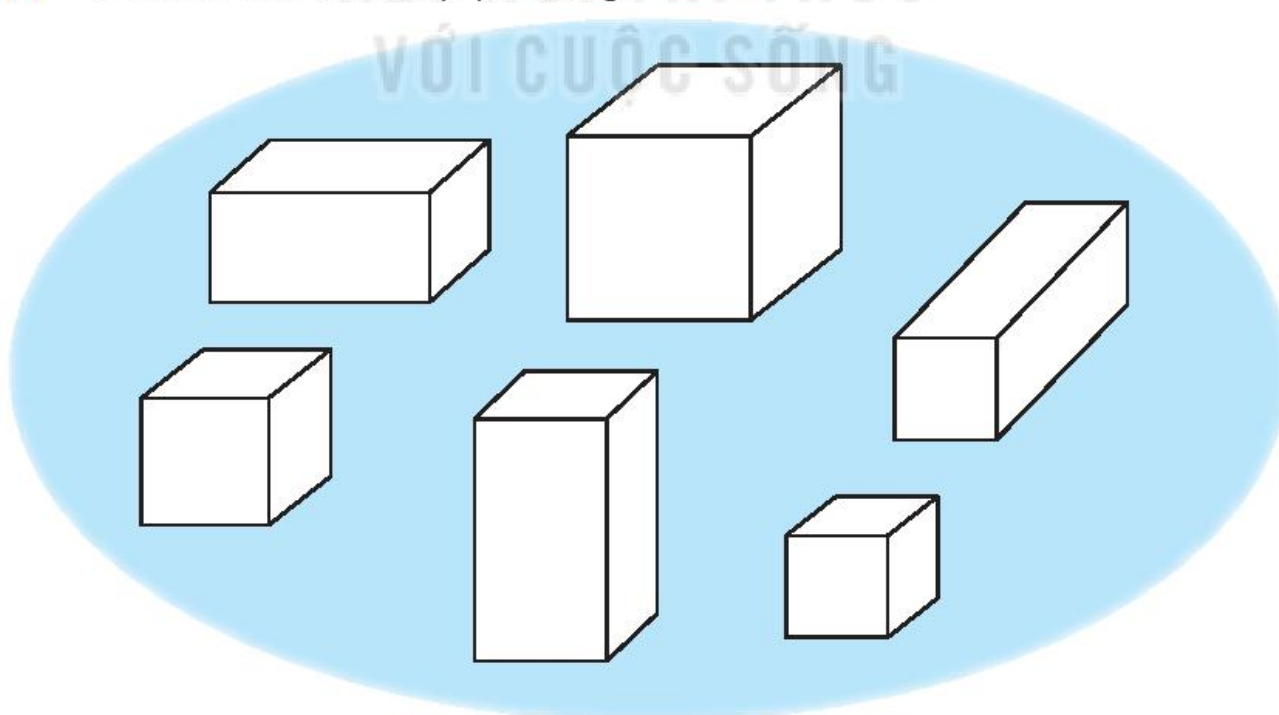
KHỐI LẬP PHƯƠNG, KHỐI HỘP CHỮ NHẬT

Tiết 1

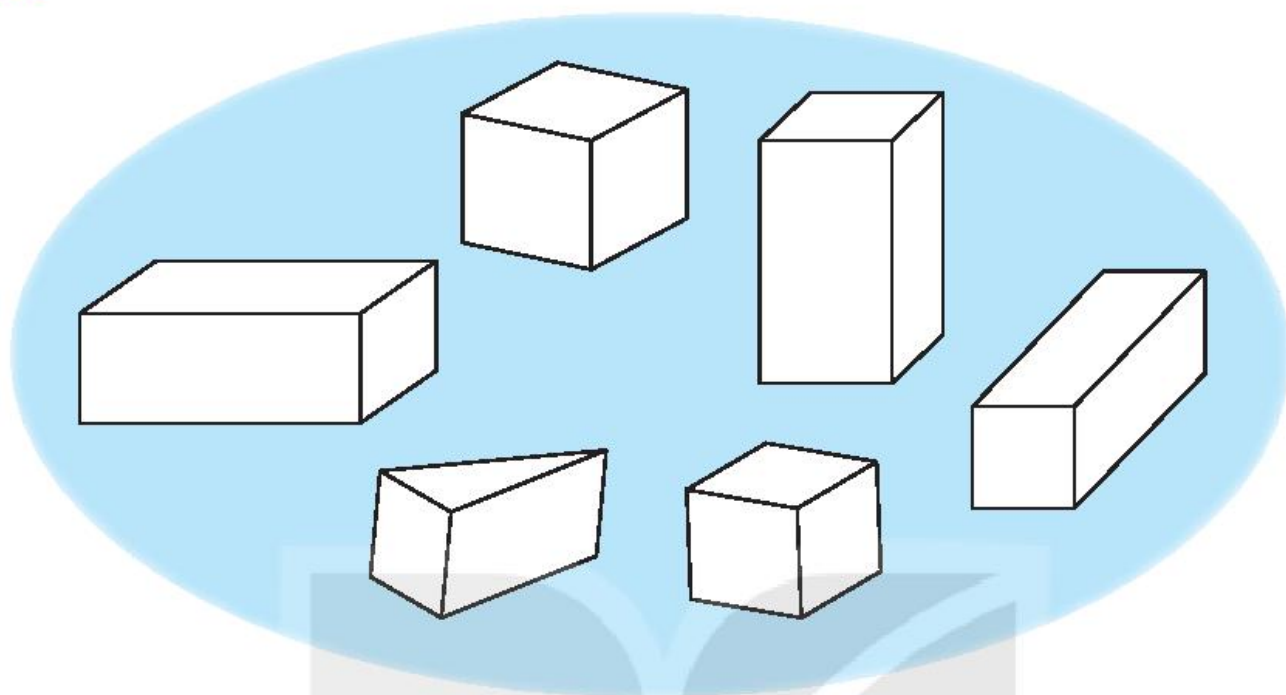
1 Nói (theo mẫu).



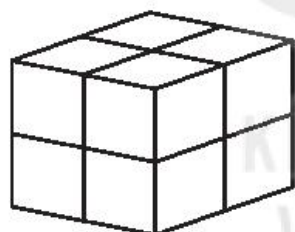
2 Tô màu các khối lập phương.



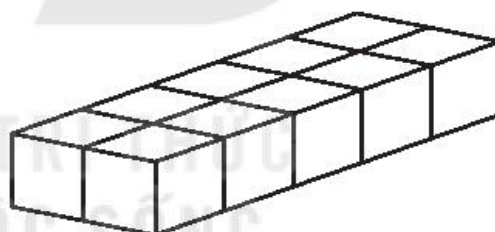
3 Tô màu các khối hộp chữ nhật.



4 Bạn Việt xếp các khối lập phương nhỏ như nhau thành hình **A** và hình **B**.



A



B

a) Mỗi hình có bao nhiêu khối lập phương nhỏ?

Viết số thích hợp vào ô trống.

Hình A	Hình B

b) Viết A hoặc B thích hợp vào chỗ chấm.

Hình có nhiều khối lập phương nhỏ hơn hình

Hình có ít khối lập phương nhỏ hơn hình

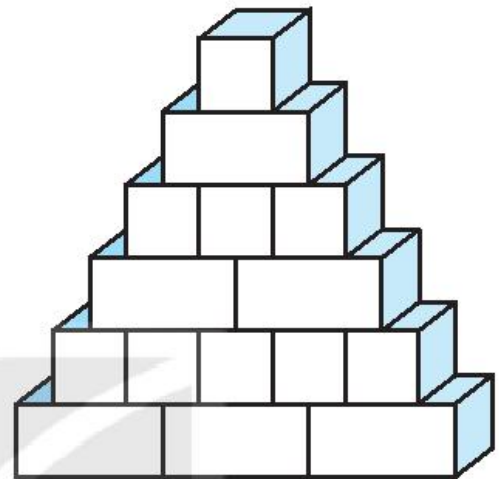
Tiết 2

1 Bạn Mai xếp các khối gỗ đồ chơi thành hình **H**:

a) Viết số thích hợp vào ô trống.

Trong hình **H** có:

Số khối lập phương 	
Số khối hộp chữ nhật 	



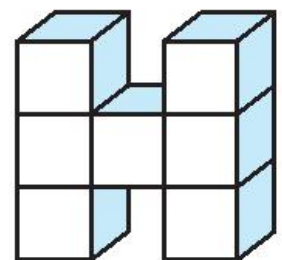
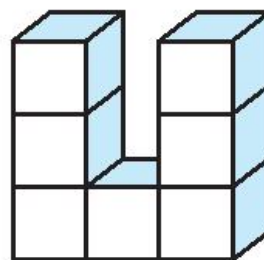
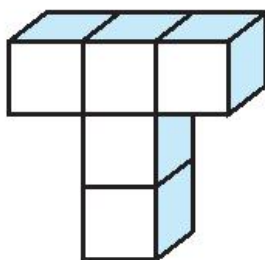
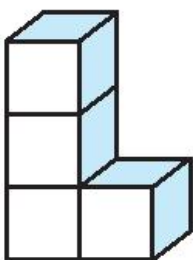
Hình **H**

b) Tô màu theo hàng từ trên xuống lần lượt đỏ, vàng, xanh rồi lại đỏ, vàng, xanh.

Viết số thích hợp vào ô trống.

Số khối màu đỏ	Số khối màu vàng	Số khối màu xanh

2 Dùng các khối gỗ lập phương nhỏ như nhau, bạn Việt xếp thành các chữ **L**, **T**, **U**, **H** như sau:

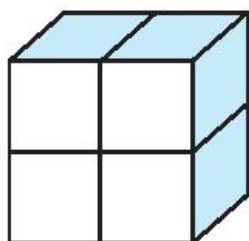


Viết tiếp vào chỗ chấm.

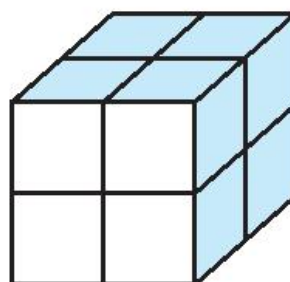
a) Chữ có số khối lập phương ít nhất là

b) Hai chữ có số khối lập phương bằng nhau là và

- 3 a) Em dùng các khối lập phương nhỏ như nhau để xếp thành hai hình **A** và **B** (như hình vẽ).



A



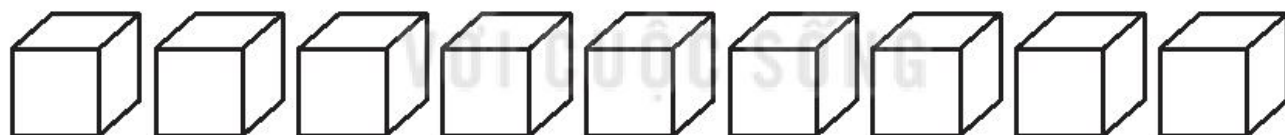
B

b) Viết A hoặc B thích hợp vào ô trống.

- Hình là khối lập phương. Hình là khối hộp chữ nhật.
- Hình có số khối lập phương nhỏ nhiều hơn hình .

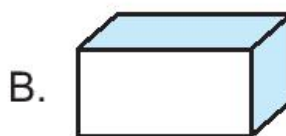
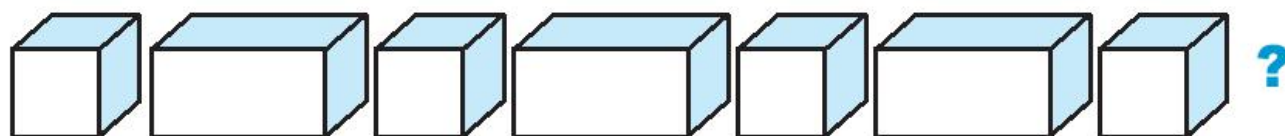
- 4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Tô màu các khối lập phương lần lượt đỏ, vàng, xanh rồi lại đỏ, vàng, xanh cho đến khối cuối cùng. Hỏi khối ở dưới dấu “?” có màu gì?



- A. Đỏ B. Vàng C. Xanh

b) Khối thích hợp đặt vào dấu “?” là:



BÀI 15

VỊ TRÍ, ĐỊNH HƯỚNG TRONG KHÔNG GIAN

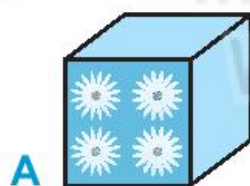
Tiết 1

1  Số ?

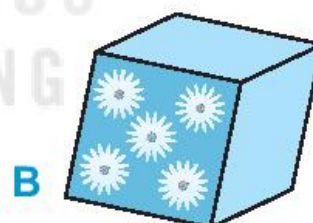


- a) Hàng trước có con thỏ. Hàng sau có con gấu.
b) Trước mặt “cô giáo vàng anh”, cả thỏ và gấu có con.

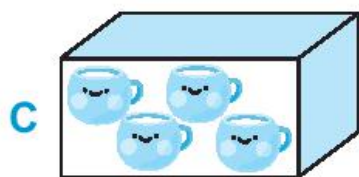
2  Số ?



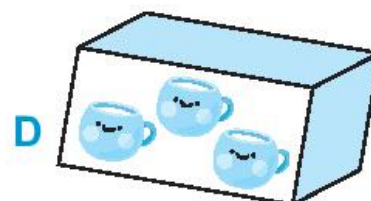
Mặt trước khối lập
phương **A** vẽ bông hoa.



Mặt trước khối lập
phương **B** vẽ bông hoa.

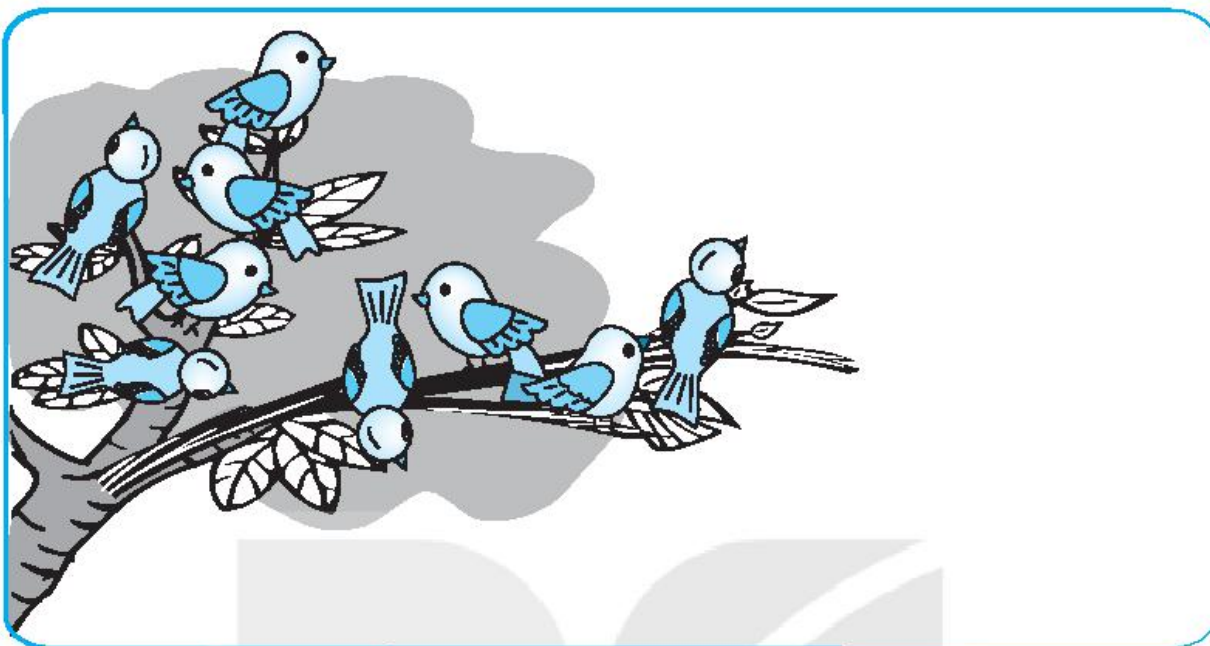


Mặt trước khối hộp chữ
nhật **C** vẽ cái cốc.



Mặt trước khối hộp chữ
nhật **D** vẽ cái cốc.

3 Số ?



- a) Cành trên có con chim.
 b) Cành dưới có con chim.
 c) Cả hai cành có con chim.

4 Viết *trước*, *sau*, *giữa* vào chỗ chấm cho thích hợp.



Thỏ



Gấu



Sóc

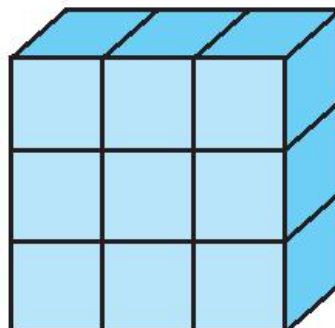
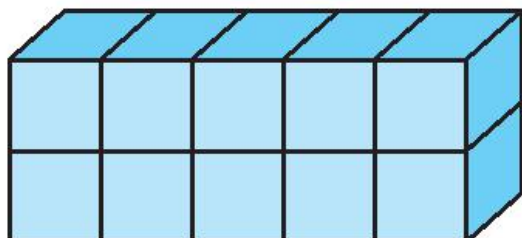


Nhím

- a) Thỏ đi gấu. b) Sóc đi gấu.
 c) Nhím đi cả ba bạn. d) Gấu đi thỏ và sóc.
 e) Sóc đi gấu và nhím. g) Thỏ đi cả ba bạn.

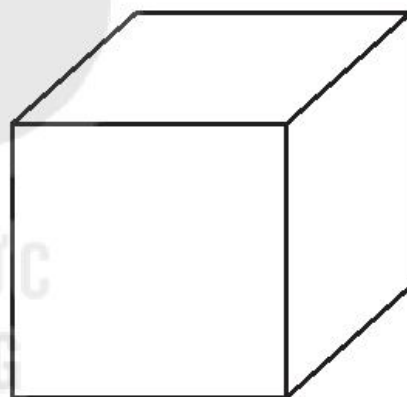
Tiết 2

1 a) Đúng ghi Đ, sai ghi S.



- Hình bên phải có nhiều khối lập phương nhỏ hơn. ☐
- Hình bên trái có nhiều khối lập phương nhỏ hơn. ☐
- Hai hình có số khối lập phương nhỏ bằng nhau. ☐

b) Tô màu đỏ vào mặt trên, màu vàng vào mặt trước, màu xanh vào mặt bên phải khối lập phương A.

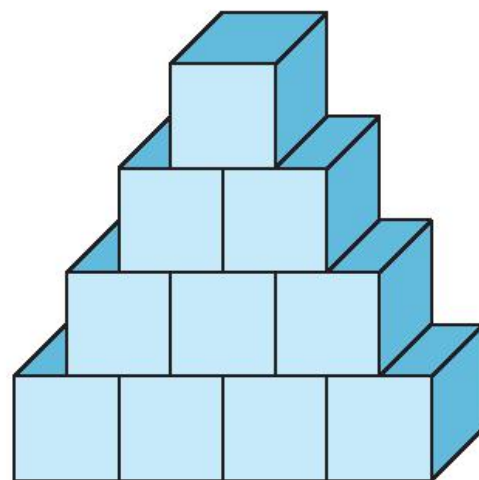


A

2 Số ?

Mỗi hàng trong hình H có bao nhiêu khối lập phương?

Hàng trên cùng (thứ nhất)	1
Hàng thứ hai	
Hàng thứ ba	
Hàng dưới cùng	
Cả bốn hàng	



Hình H

3 Cho các hình được sắp xếp như sau:



a) Từ phải sang trái, em tô màu đỏ vào hình thứ ba và hình thứ năm.

b) Từ trái sang phải, em tô màu nâu vào hình thứ năm.

c) Em tô màu xanh vào hình ở giữa hình vuông và hình chữ nhật, màu vàng vào hình ở giữa hình chữ nhật và hình tam giác.

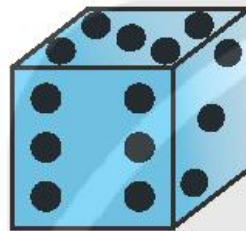
4 **Số ?**

a) Xúc xắc **A**:

– Mặt trước có chấm.

– Mặt trên có chấm.

– Mặt bên phải có chấm.



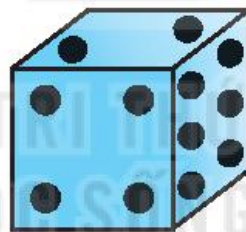
A

b) Xúc xắc **B**:

– Mặt trước có chấm.

– Mặt trên có chấm.

– Mặt bên phải có chấm.



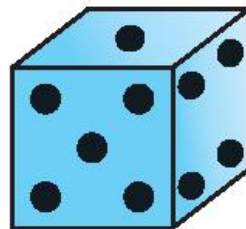
B

c) Xúc xắc **C**:

– Mặt trước có chấm.

– Mặt bên phải có chấm.

– Mặt trên có chấm.



C

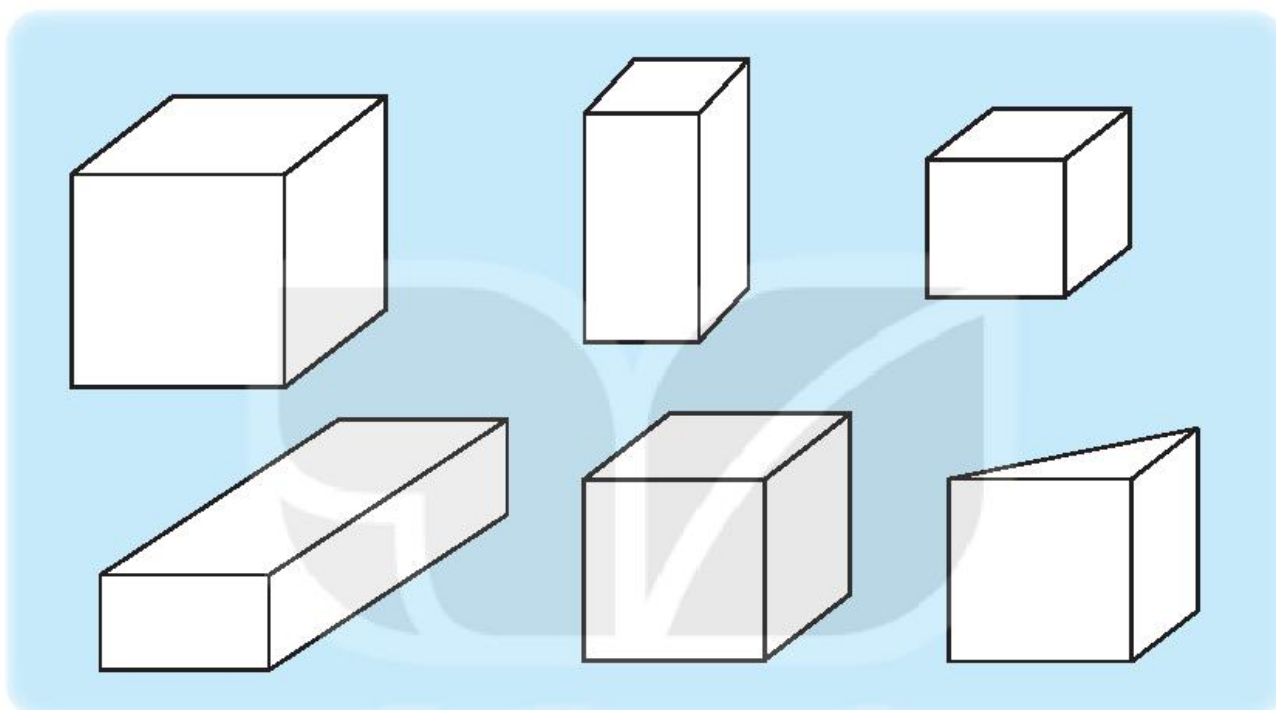
d) Số chấm ở mặt trên của cả ba xúc xắc (**A**, **B**, **C**) là:

$$\boxed{} + \boxed{} + \boxed{} = \boxed{} \text{ chấm.}$$

BÀI 16

LUYỆN TẬP CHUNG

1 ✎ Tô màu vào những hình không phải là khối lập phương.



2 ✎ Cho biết các mặt đối diện của một xúc xắc là:

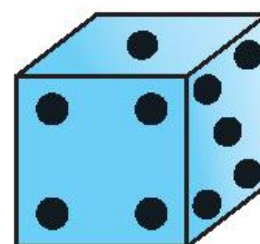


Quan sát xúc xắc và viết số thích hợp vào ô trống:

a) Mặt trên có 1 chấm thì mặt dưới (đối diện) có chấm.

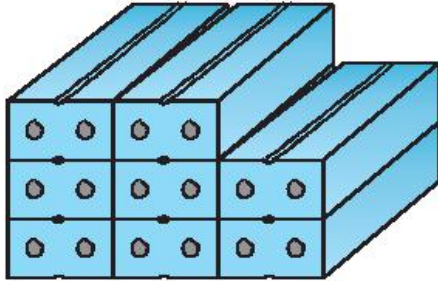
b) Mặt trước có 4 chấm thì mặt sau (đối diện) có chấm.

c) Mặt bên phải có 5 chấm thì mặt bên trái (đối diện) có chấm.

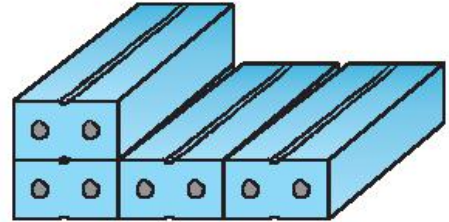


3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Phải chuyển từ đồng gạch **A** sang đồng gạch **B** mấy viên để lúc này hai đồng gạch có số viên bằng nhau?



A



B

A. 1

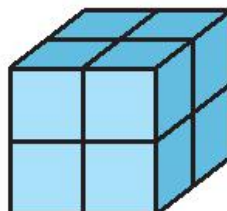
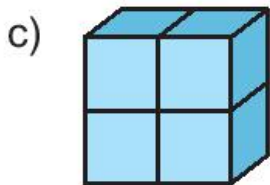
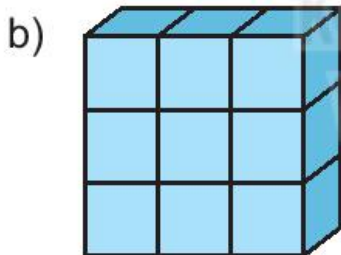
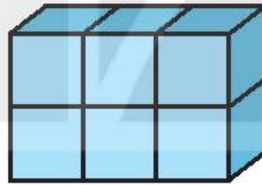
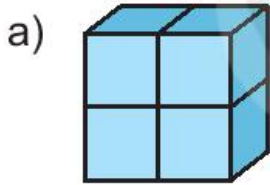
B. 2

C. 3

D. 4

4 Đúng ghi Đ, sai ghi S.

Từ 10 khối lập phương nhỏ như nhau, xếp được một khối lập phương và một khối hộp chữ nhật như sau:



BÀI 17

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10

Tiết 1

1 a) Viết số và nói (theo mẫu).

Viết số	Đọc số
	hai
5	năm
	bốn
	một
	tám
	bảy
0	không
	chín
	mười
	ba
	sáu

Illustrations of base-ten blocks are provided for each number in the table. The number 5 is represented by 5 blocks, and the number 0 is represented by no blocks. The number 10 is represented by 10 blocks. The number 1 is represented by 1 block. The number 2 is represented by 2 blocks. The number 3 is represented by 3 blocks. The number 4 is represented by 4 blocks. The number 6 is represented by 6 blocks. The number 7 is represented by 7 blocks. The number 8 is represented by 8 blocks. The number 9 is represented by 9 blocks.

b) Viết các số trên theo thứ tự:

– Từ bé đến lớn:

– Từ lớn đến bé:

2



a) Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

					
6					

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Con vật nhiều nhất là:

A. 

B. 

C. 

3

>, <, = ?

a) $8 \square 6 + 2$

b) $9 - 2 \square 6$

c) $4 + 2 \square 4 + 3$

d) $7 - 5 \square 8 - 6$

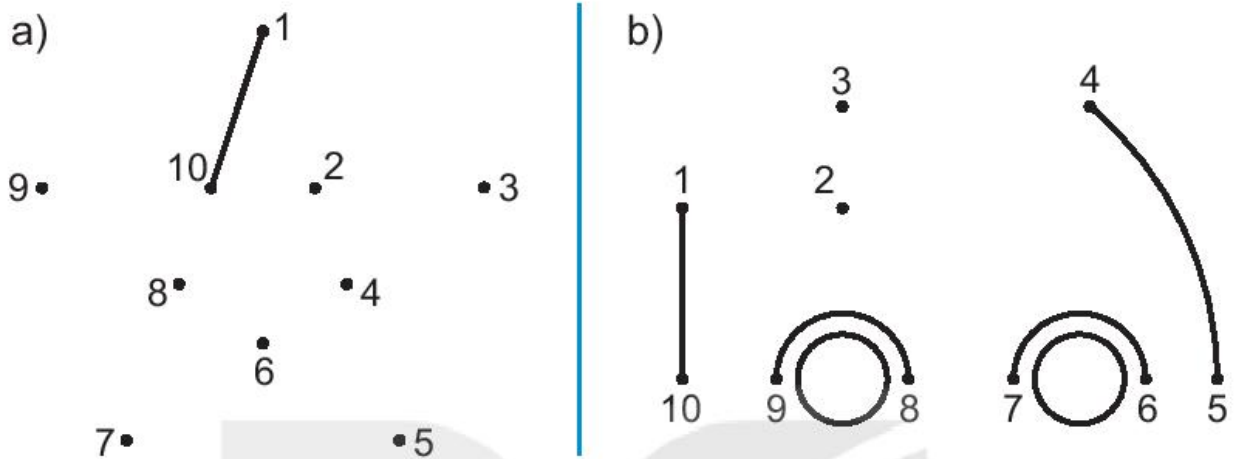
4

Khoanh vào các số vừa lớn hơn 4 vừa bé hơn 7.

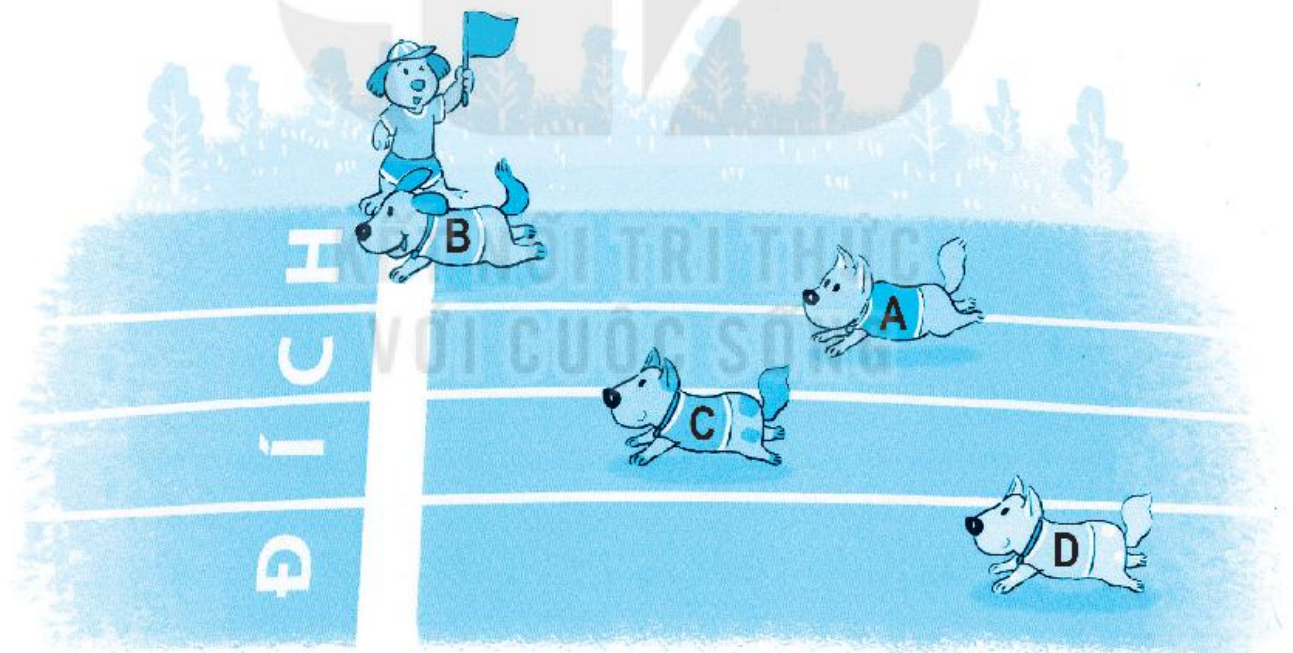
3 , 6 , 4 , 5 , 7 , 8

Tiết 2

1 Nối các số theo thứ tự từ 1 đến 10 rồi tô màu hình nhận được.



2 Bốn chú chó cùng xuất phát một lúc và chạy về đích. Biết khi chú chó B về đến đích thì các chú chó còn lại ở các vị trí như hình vẽ.



Viết A, B, C, D vào ô trống cho thích hợp.

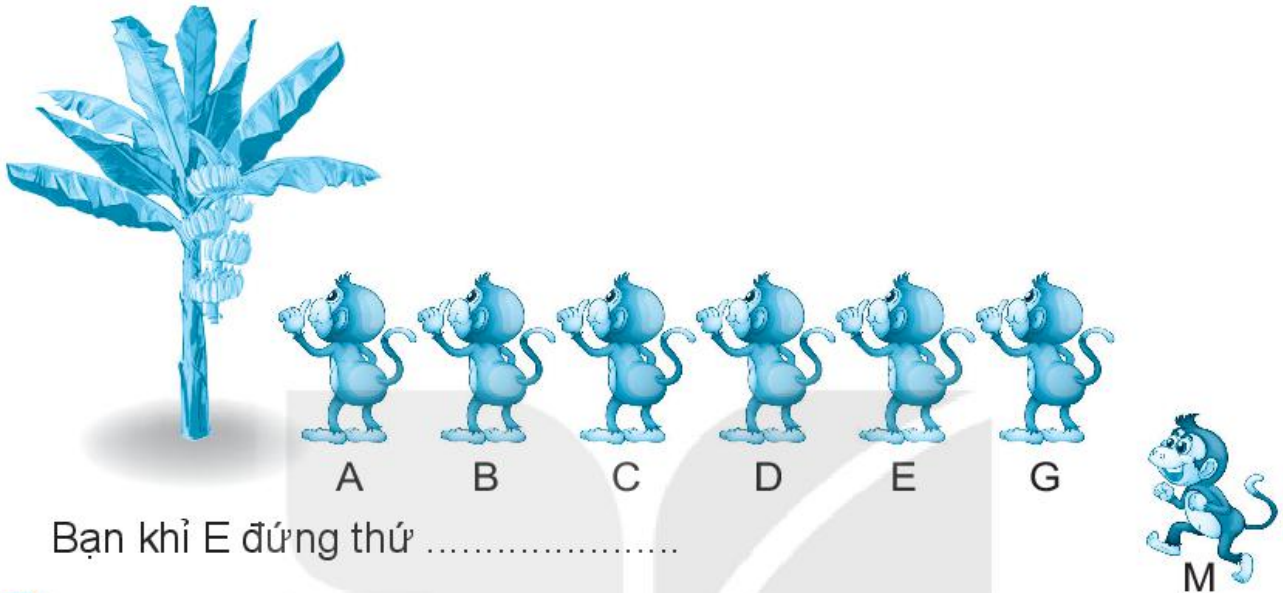
a) Chú chó về đích (thứ nhất) là .

b) Chú chó đang ở vị trí thứ hai là .

c) Chú chó đang ở vị trí cuối cùng là .

3 ✎ Viết tiếp vào chỗ chấm.

Có 6 bạn khỉ A, B, C, D, E, G đứng theo thứ tự A thứ nhất rồi đến B, C, D, E và thứ sáu là G. Nếu bạn khỉ M đến đứng vào giữa C và D thì khi đó bạn khỉ E đứng thứ mấy?



4 ✎ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Có 7 bạn thỏ đang chơi thì trời mưa, các bạn chạy vào trong cả ba chuồng. Biết trong chuồng **A** và chuồng **B** có số bạn thỏ bằng nhau và chuồng **C** có 3 bạn thỏ. Hỏi trong chuồng **A** và **B**, mỗi chuồng có mấy bạn thỏ?



A. 1

B. 2

C. 3

BÀI 18

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

Tiết 1

1 a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$3 + 1 = \dots\dots$

$4 + 2 = \dots\dots$

$5 + 4 = \dots\dots$

$7 + 3 = \dots\dots$

$4 - 2 = \dots\dots$

$10 - 4 = \dots\dots$

$7 - 5 = \dots\dots$

$9 - 6 = \dots\dots$

$5 + 0 = \dots\dots$

$7 - 0 = \dots\dots$

$0 + 8 = \dots\dots$

$6 - 6 = \dots\dots$

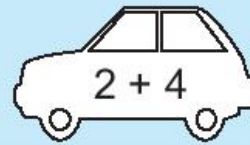
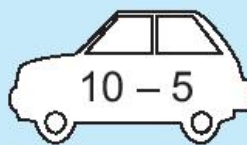
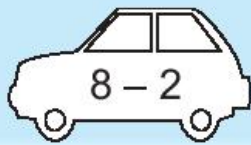
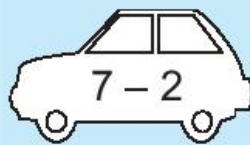
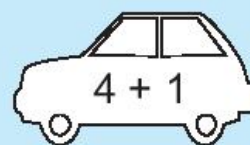
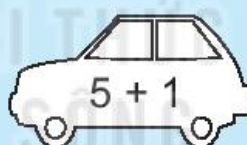
b) Số ?

$4 + \square = 8$

$\square + 7 = 10$

$9 - \square = 5$

2 a) Tô màu đỏ vào ô tô ghi phép tính có kết quả bằng 6, màu xanh vào ô tô ghi phép tính có kết quả bằng 3, màu vàng vào ô tô ghi phép tính có kết quả bằng 5.



b) Đếm số ô tô cùng màu rồi viết vào bảng bên.

Xanh	Đỏ	Vàng

c) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

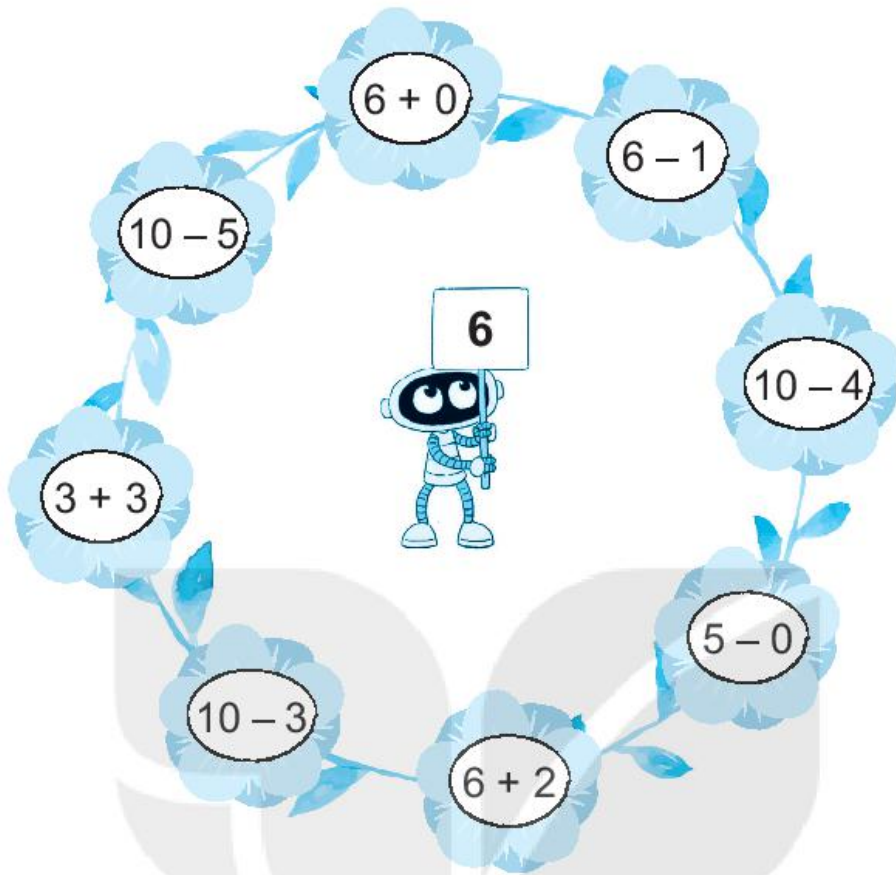
Màu có số ô tô ít nhất là:

A. Đỏ

B. Vàng

C. Xanh

3 ✎ Viết phép tính vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu).

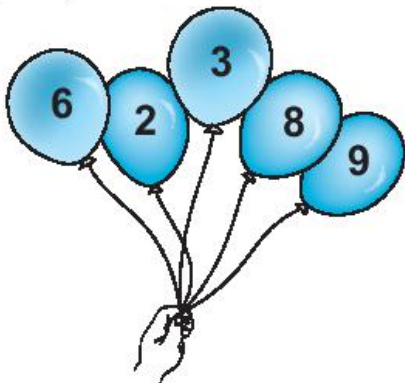


a) Các phép tính có kết quả bằng 6 là: $6 + 0$;

b) Các phép tính có kết quả lớn hơn 6 là:

c) Các phép tính có kết quả bé hơn 6 là:

4 ✎ Từ các số dưới đây và các dấu $+$, $-$, $=$, em có thể lập được các phép tính đúng nào? Hãy viết các phép tính đó vào chỗ chấm nhé!



.....

.....

.....

.....

Tiết 2

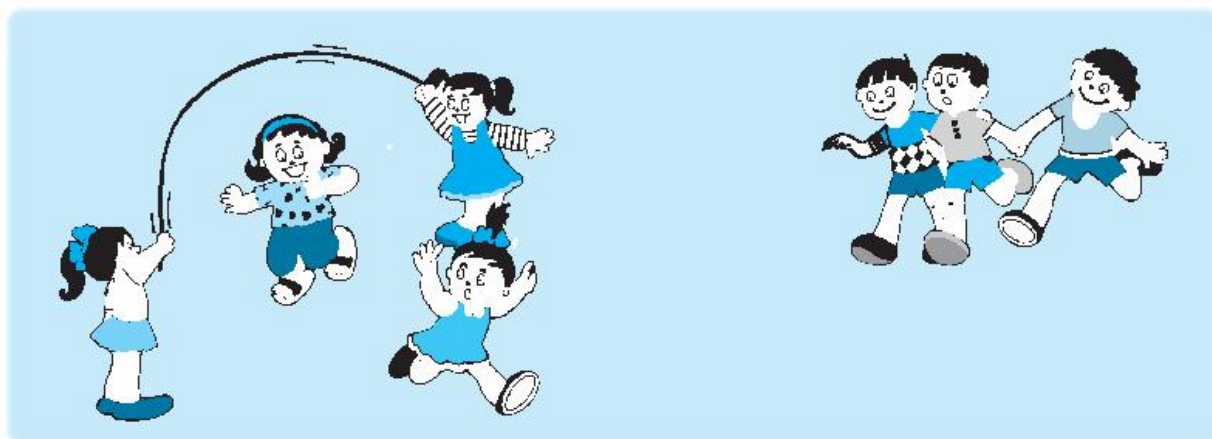
Viết phép tính thích hợp.

- 1/ Có 5 bạn thỏ và 4 bạn sóc cùng nhảy múa. Hỏi cả thỏ và sóc có bao nhiêu bạn?

- 2/ Bàn ăn có 6 ghế, có 4 người đã ngồi vào ghế. Hỏi cần mấy người đến để ngồi hết ghế?



- 3/ Có 4 bạn nữ đang chơi nhảy dây, thêm 3 bạn nam nữa đến chơi cùng. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?



4 Trò chơi

Bắt gà

Cách chơi: Em tự chơi. Lần lượt gieo xúc xắc. Bắt đầu từ ô xuất phát, di chuyển số ô bằng số chấm nhận được. Tính kết quả phép tính tại ô đi đến rồi bắt một con gà ghi số bằng kết quả đó. Trò chơi kết thúc khi bắt được 6 con gà.

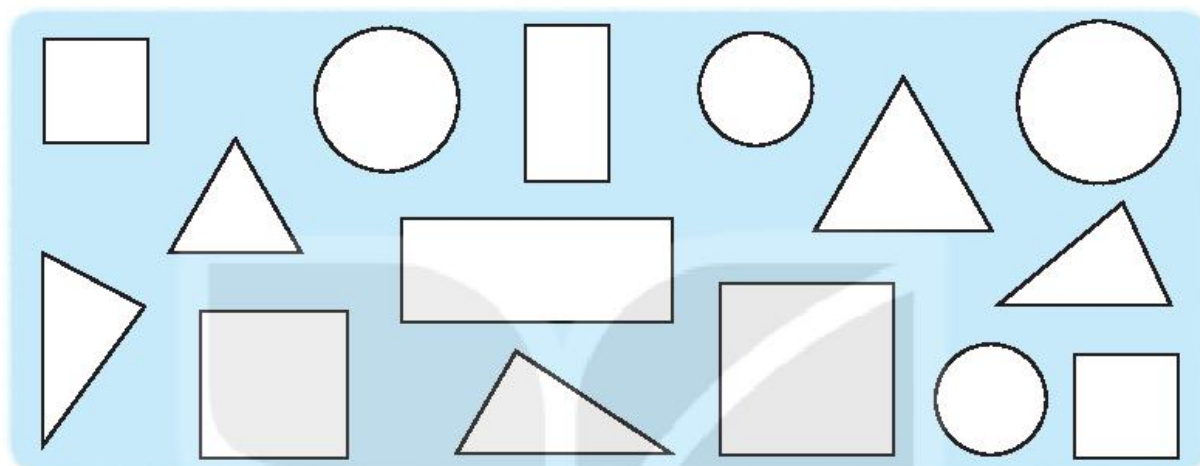


$4 + 1$	$10 - 9$	$3 - 3$	$6 - 4$	$7 - 6$	$6 - 1$
$5 + 4$					$4 - 2$
$9 - 8$					$6 + 3$
$2 - 0$					$3 - 1$
$6 + 2$					$4 + 3$
$9 - 4$					$5 - 2$
$1 + 3$	$3 + 5$	$4 - 0$	$7 - 3$	$8 - 8$	 XUẤT PHÁT

BÀI 19

ÔN TẬP HÌNH HỌC

- 1 a) Tô màu đỏ vào hình vuông, màu xanh vào hình tam giác, màu vàng vào hình tròn, màu nâu vào hình chữ nhật.



- b) Mỗi loại có bao nhiêu hình? Viết số thích hợp vào ô trống.

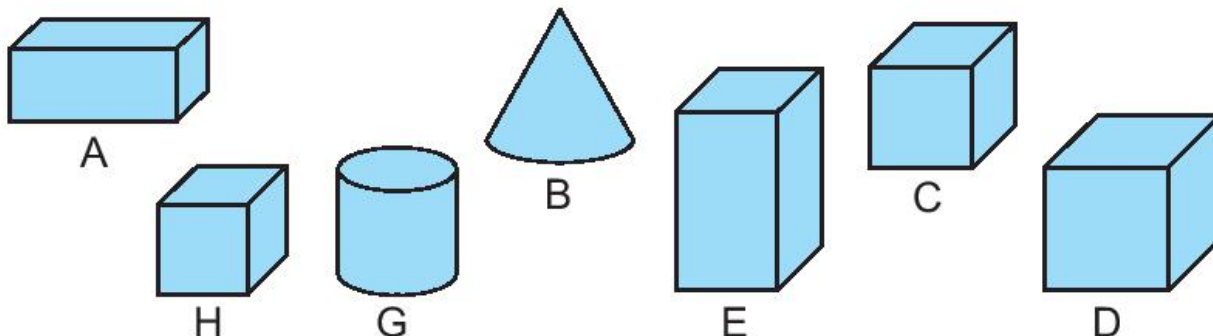
Hình vuông	Hình tam giác	Hình tròn	Hình chữ nhật

- c) Viết tiếp vào chỗ chấm.

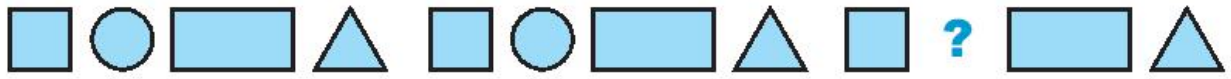
Hình có nhiều nhất là:

Hình có ít nhất là:

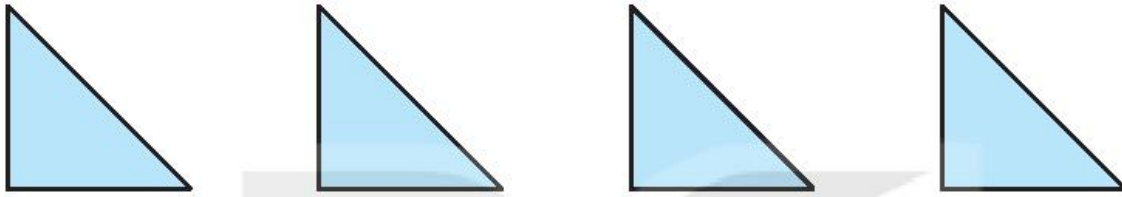
- 2 Khoanh vào các chữ đặt dưới hình không phải là khối lập phương.



- 3 ✎ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.
Hình xếp vào dấu “?” là hình nào?



- 4 ✎ Cho 4 hình tam giác như hình dưới đây:

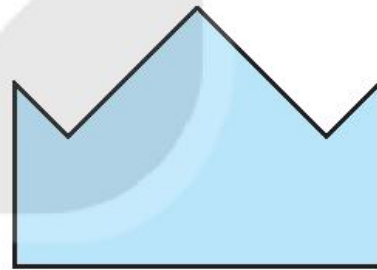


Em hãy xếp thành mỗi hình sau:

a)

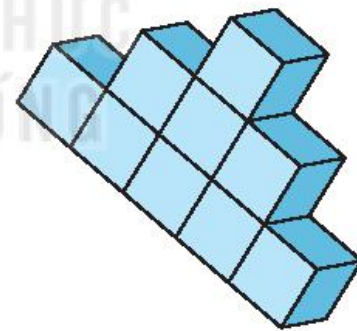


b)

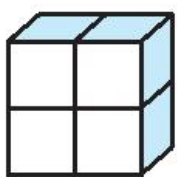


- 5 ✎ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

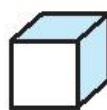
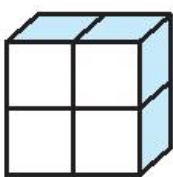
Với các khối lập phương nhỏ bằng nhau lấy ra từ hình H, xếp được hai khối lập phương. Hai khối đó là:



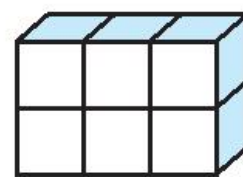
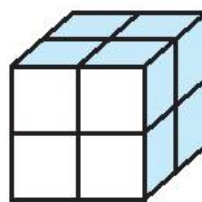
Hình H



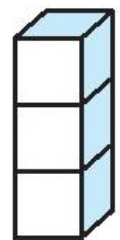
A.



B.



C.



BÀI 20

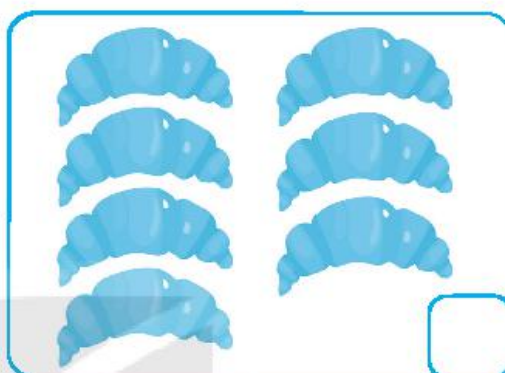
ÔN TẬP CHUNG

1 ✎ Viết số thích hợp vào ô trống.

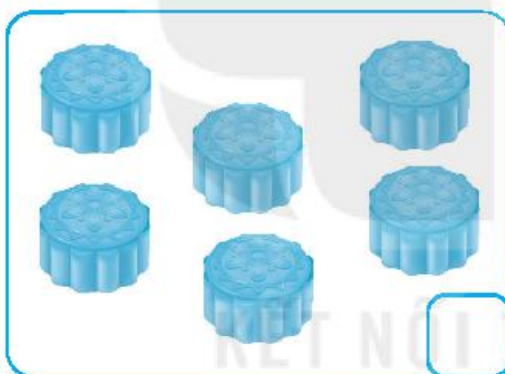
a)



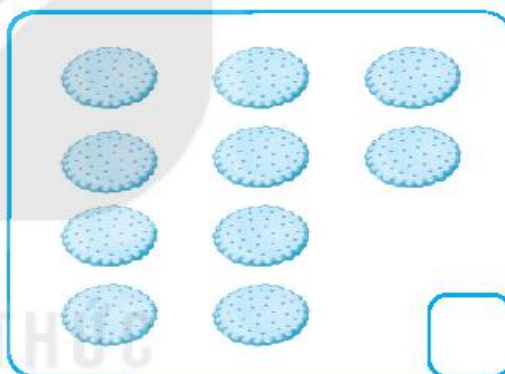
b)



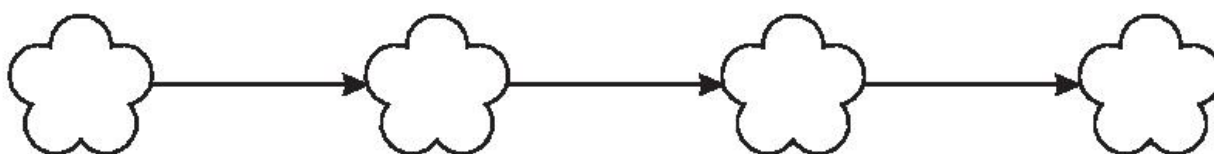
c)



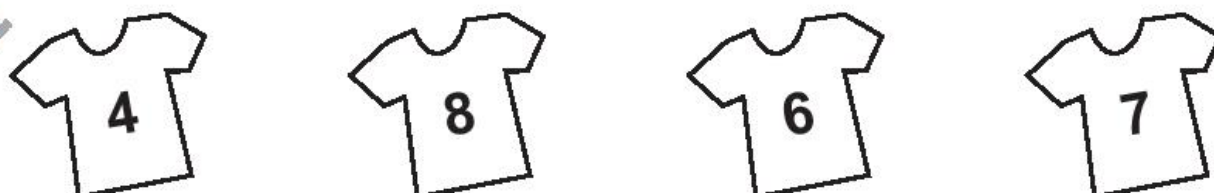
d)



2 ✎ Viết các số 6, 4, 7, 10 theo thứ tự từ bé đến lớn.



3 ✎



a) Tô màu xanh vào áo ghi số lớn nhất.

b) Tô màu đỏ vào áo ghi số bé nhất.

4 Số ?

$7 - 4 = \square$

$3 + 2 = \square$

$6 - 5 = \square$

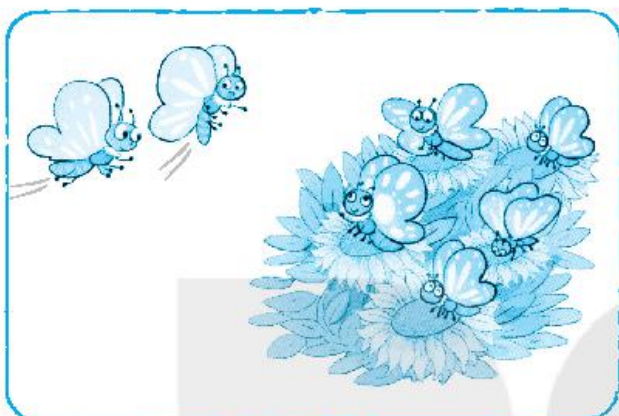
$6 + 0 = \square$

$8 - 5 = \square$

$4 - 0 = \square$

5 Viết phép tính thích hợp.

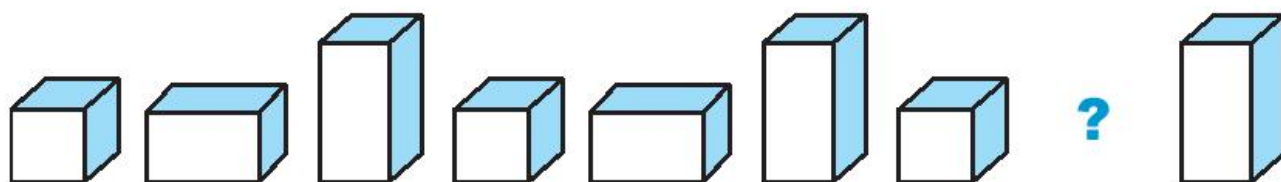
a)



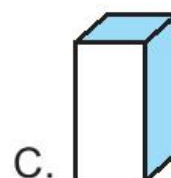
b)



6 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Hình đặt vào dấu “?” là:





HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 1 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một
2. Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai
3. Tập viết 1, tập một
4. Tập viết 1, tập hai
5. Vở bài tập Toán 1, tập một
6. Vở bài tập Toán 1, tập hai
7. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1
8. Vở bài tập Đạo đức 1
9. Vở bài tập Âm nhạc 1
10. Vở bài tập Mĩ thuật 1
11. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-23814-6



9 786040 238146

Giá: 16.000 đ